



*BẠN CÓ THỂ HIỂU ĐƯỢC KINH THÁNH*

*TÂN ƯỚC LƯỢC KHẢO  
MA-THI-Ơ – KHẢI HUYỀN*

BOB UTLEY  
GIÁO SƯ CHUYÊN NGÀNH GIẢI KINH  
(CHÚ GIẢI KINH THÁNH)

BIBLE LESSONS INTERNATIONAL, MARSHALL, TEXAS  
2000 (Hiệu Đính 2007)

# MỤC LỤC

Hướng dẫn cách đọc Kinh thánh hiệu quả: xác nhận chân lý một cách cá nhân .....	i
Lời mở đầu .....	1
Giới thiệu Ma-thi-ơ .....	3
Giới thiệu Mác .....	9
Giới thiệu Lu-ca .....	15
Giới thiệu Giăng .....	23
Giới thiệu Công Vụ Các Sứ Đồ .....	31
Giới thiệu Rô-ma .....	40
Giới thiệu 1 Cô-rinh-tô .....	45
Giới thiệu 2 Cô-rinh-tô .....	53
Giới thiệu Ga-la-ti .....	59
Giới thiệu Ê-phê-sô .....	64
Giới thiệu Phi-líp .....	
Giới thiệu Cô-lô-se .....	
Giới thiệu những thư tín gửi đến Tê-sa-lô-ni-ca .....	
Giới thiệu những thư tín mục vụ: 1 và 2 Ti-mô-thê và Tít .....	
Giới thiệu Tít .....	
Giới thiệu Phi-lê-môn .....	
Giới thiệu Hê-bơ-rơ .....	
Giới thiệu Gia-cơ .....	
Giới thiệu 1 Phi-e-rơ .....	
Giới thiệu 2 Phi-e-rơ .....	
Giới thiệu 1 Giăng .....	
Giới thiệu 2 và 3 Giăng .....	
Giới thiệu Giu-đe .....	
Giới thiệu Lời Tiên Tri Cựu Ước .....	
Giới thiệu Khải Huyền .....	
Phụ Lục 1 .....	
Phụ Lục 2 .....	
Phụ Lục 3 .....	

# HƯỚNG DẪN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ:

## CUỘC TÌM KIẾM Lẽ THẬT KIẾM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lẽ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11).

Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu sáo ngữ xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó Toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lẽ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu Ước, (3) sự thống nhất của Toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cơ-đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kinh chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kinh chống nhau cũng như những sự kiêu căng về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự

hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả!

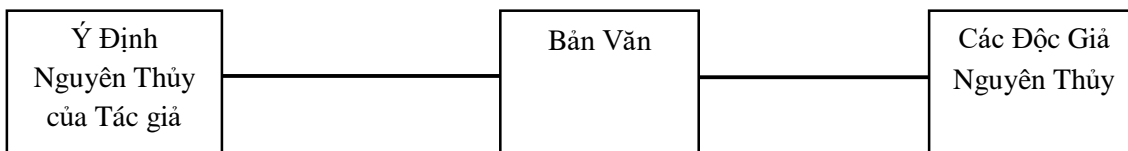
Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để anh chị em, người đọc, có thể cùng kiểm điểm theo với tôi:

1. Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.
2. Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
3. Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.
4. Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
  - (a) Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
  - (b) Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
  - (c) Bối cảnh ngữ văn của Toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
  - (d) Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
  - (e) Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
  - (f) Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp

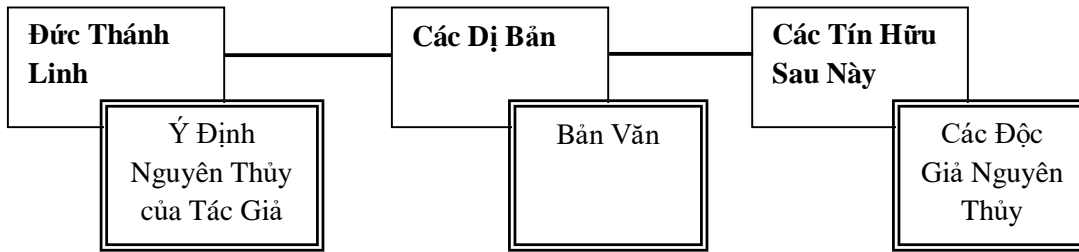
Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rất lại cần phải tránh:

1. Phớt lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là “dò bản văn” (proof-texting).
2. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
3. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các Cơ-độc nhân ngày nay.
4. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thánh giả ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
5. Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là “theo phản ứng của độc giả” (lỗi giải nghĩa “bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi”).

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa “theo phản ứng độc giả” (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chạng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn này, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

Trong ánh sáng của những kỹ thuật đọc không đúng đắn này, vậy một vài cách tiếp cận và giải nghĩa Kinh Thánh cách đúng đắn đem lại mức độ xác minh và tính nhất quán cao?

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi nhà xuất bản Zondervan.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: “Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn.” Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khấn nài sử dụng nó một cách đúng đắn thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

- (1) bối cảnh lịch sử
- (2) ngữ cảnh văn học
- (3) cấu trúc ngữ pháp (cú pháp)
- (4) cách sử dụng từ lúc đương thời
- (5) những phân đoạn tương đồng có liên quan

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ-độc nhân thường bắt đầu những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau:

(1) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất

(a) Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác

- (i) sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
- (ii) tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
- (iii) theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible)

(b) Tìm mục đích trọng tâm của Toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.

(c) Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.

(d) Xác định thể loại văn chương chủ yếu

- (i) Cựu Ước

- 1) Văn tường thuật Hy bá lai
  - 2) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
  - 3) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vắn)
  - 4) Các luật lệ
- (ii) Tân Ước
- 1) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
  - 2) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
  - 3) Thư tín
  - 4) Khải thị
- (2) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai
- (a) Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
  - (b) Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
  - (c) Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác
- (3) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba
- (a) Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
  - (b) Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
    - (i) tác giả
    - (ii) thời điểm
    - (iii) người nhận
    - (iv) lý do cụ thể viết sách này
    - (v) các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
  - (c) Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phân đoạn Kinh thánh mà anh chị em sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phân đoạn. Cách này giúp anh chị em theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
  - (d) Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác
- (4) Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư
- (a) Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
  - (b) Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
    - (i) các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêô 1:6, 12, 13
    - (ii) các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31
    - (iii) các khái niệm tương phản
  - (c) Liệt kê những mục sau đây
    - (i) các từ ngữ quan trọng
    - (ii) các từ ngữ bất thường
    - (iii) các cấu trúc ngữ pháp quan trọng
    - (iv) các từ ngữ, về câu, hay câu văn khó hiểu
  - (d) Tìm các phân đoạn song song tương đương
    - (i) tra xem phân đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề anh chị em đang nghiên cứu
      - a) các sách “thần học hệ thống”
      - b) Các Kinh thánh đối chiếu
      - c) Kinh thánh phù dẫn
    - (ii) Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề anh chị em nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh thánh. Vì Toàn bộ Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sự điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.
    - (iii) Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.
  - (e) Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của anh chị em về bối cảnh lịch sử và tùy trường hợp

- (i) Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
- (ii) Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cẩm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
- (iii) Các sách nhập môn Kinh thánh
- (iv) Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của anh chị em đến thời điểm này, anh chị em nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của anh chị em).

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Anh chị em đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ anh chị em phải áp dụng nó trong cuộc sống của anh chị em, văn hóa của anh chị em. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là “nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta.”

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của anh chị em và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho anh chị em. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Để có thể nói, “Đức Chúa Trời có phán như vậy,” chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của Toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phá triển ở cấp phân đoạn.

Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là ‘của chúng ta,’ mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

- (1) Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
- (2) Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
- (3) Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
- (4) Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của anh chị em ngay lập tức
- (5) Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh.

Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

- (1) Trích từ sách *Scripture Twisting*, của James Sire, trang 17-18:

“Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ-đốc giáo theo Kinh thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ-đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiếu theo Kinh thánh là quyền sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giả định mà tôi muốn nêu ra trong Toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mạc khải thật của Đức Chúa Trời cho Toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”

- (2) Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75: Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. “Để đọc Kinh thánh *như là lời Đức Chúa Trời* một người phải đọc nó với tâm lòng nơi cửa miệng, với sự hớn hở trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, cẩu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc lời Đức Chúa Trời.”
- (3) Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:  
 “Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh. Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về trí thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tâm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

*Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh* được thiết kế nhằm giúp anh chị em trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

1. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi anh chị em đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” anh chị em nên kiểm tra lại thông tin này.
2. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp anh chị em thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
3. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:
  - a. Bản United Bible Society, bản Hy Lạp, hiệu đính lần thứ tư (Thánh Kinh Liên hội UBS<sup>4</sup>)
  - b. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
  - c. Bản New King James Version (NKJV)
  - d. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
  - e. Bản Today’s English Version (TEV)
  - f. Bản the New Giê-ru-sa-lem Bible (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lễ thật chính. Điều này còn được gọi là “câu chủ đề” hay “ý tưởng trọng tâm của bản văn.” Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn cho Toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgic về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.

4. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:
  - a. bối cảnh ngữ văn
  - b. các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
  - c. các thông tin ngữ pháp
  - d. các nghiên cứu theo từ
  - e. các đoạn Kinh thánh tương ứng



5. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
  - a. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
  - b. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
  - c. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển xuất bản bởi American Bible Society.
  - d. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.
6. Đối với những người không biết tiếng Hy Lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
  - a. các dị bản
  - b. cách sử dụng từ
  - c. các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
  - d. các bản văn không rõ ý

Dẫu các bản văn tiếng Anh không thể giải quyết hết mọi vấn đề, chúng có mục tiêu là để cho việc nghiên cứu cẩn trọng hơn và sâu sắc hơn.
7. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó

*Những Tài Liệu Nghiên Cứu Chú Giải Kinh* những tập đã có sẵn:

Tập. 0	Hội Thảo “Bạn Có Thể Hiểu Kinh Thánh”
Tập. 1	Sự Vững Chắc của Cơ Đốc Nhân Đầu Tiên: Ma-thi-ơ
Tập. 2	Phúc Âm theo Phi-e-rơ: Mác, 1 và 2 Phi-e-rơ
Tập. 3A	Sử Gia Lu-ca: Phúc Âm Lu-ca
Tập. 3B	Sử Gia Lu-ca: Sách Công Vụ Các Sứ Đồ
Tập. 4	Hội Kỵ và Các Thư Tín của Môn Đồ Được Yêu: Phúc Âm của Giăng và 1,2 và 3 Giăng
Tập. 5	Phúc Âm theo Phao-lô: Rô-ma
Tập. 6	Các Thư Tín của Phao-lô gửi cho hội thánh có vấn đề, 1 và 2 Cô-rinh-tô
Tập. 7	Các Thư Tín Đầu Tiên của Phao-lô: Ga-la-ti và 1,2 Tê-sa-lô-ni-ca
Tập. 8	Các Thư Tín Trong Tù: Cô-lô-se, Ê-phê-sô, Phi-lê-môn và Phi-líp
Tập. 9	Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư của Phao-lô: 1 Ti-mô-thê, Tít và 2 Ti-mô-thê
Tập. 10	Sự Siêu Việt của Giao Ước Mới: Hê-bơ-rơ
Tập. 11	Anh em trên đất của Chúa Giê-su: Gia-cơ và Giu-đe
Tập. 12	Hy Vọng Trong Thời Kỳ Khó Khăn: Khải Huyền

Các Tập Cựu Ước:

Tập. 1AOT	Mọi Vật Bắt Đầu Như Thế Nào: Sáng Thế Ký 1-11
Tập. 8OT	Thời Kỳ Hậu-Lưu Đày: Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi và Ê-xơ-tê
Tập. 10OT	Các Nhà Tiên Tri Thế Kỷ Thứ Tám: A-mốt, Ô-sê, Giô-na và Mi-chê
Tập. 14OT	Khải Thị Cựu Ước: Đa-ni-ên và Xa-cha-ri

# LỜI MỞ ĐẦU

## I. ĐỊNH NGHĨA NHỮNG THUẬT NGỮ THÔNG DỤNG

### A. DANH XŨNG CỦA CÁC THÂN

1. Chúa (YHWH/ Kurios)
2. Đức Chúa Trời (E-lô-him/ Theos)
3. Con Người
4. Con của Đức Chúa Trời
5. Đấng Cứu Thế
6. Chúa Giê-su
7. Đấng Christ

### B. TÊN CÁC BẢN VĂN VÀ BẢN DỊCH

1. Bản Ma-sô-rê-tíc
2. Bản Bảy Mươi
3. Bản Targum
4. Bản La-tin Phổ Thông (Vulgate)
5. Bản Peshitta
6. Cuộn Biển Chết

### C. TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ (Xem PHỤ LỤC 1)

### D. PHÊ BÌNH BẢN VĂN (Xem PHỤ LỤC 2)

### E. CẦU TRÚC NGỮ PHÁP HY LẠP ẢNH HƯỞNG VIỆC GIẢI KINH (Xem PHỤ LỤC 3)

## II. DÒNG THỜI GIAN CƠ BẢN CỦA TÂN ƯỚC

## III. BẢN ĐỒ CƠ BẢN THẾ GIỚI ĐỊA TRUNG HẢI VÀO THẾ KỶ THỨ NHẤT

### A. Phân biển

- |                       |                  |
|-----------------------|------------------|
| 1. Biển Địa Trung Hải | 4. Biển Aegen    |
| 2. Biển Đen           | 5. Sông Nin      |
| 3. Biển Adriatic      | 6. Sông Giô-đanh |

### B. Những quốc gia được đề cập trong Tân Ước

- |               |              |
|---------------|--------------|
| 1. Ai-Cập     | 5. Ga-li-lê  |
| 2. Giu-đa     | 6. Sy-ri     |
| 3. Sa-ma-ri   | 7. Phê-ni-xi |
| 4. Ê-ca-pô-lơ | 8. Si-li-si  |

9. Cáp-pa-đốc
10. Ga-la-ti
11. Pam-phi-li
12. Ly-si-a
13. A-si-a
14. Bi-thi-ni

15. Pông
16. A-chai
17. Mê-xa-đoan
18. I-ly-ri
19. Ý (Y-ta-li)

C. Các Đảo Được Đề Cập Trong Tân Ước

1. Síp
2. Cờ-rét
3. Pát-mô
4. Si-li-si
5. Man-ta

D. Các Thành Phố Lớn

1. A-léc-xan-đờ-ri-a
2. Mem-phi
3. Giê-ru-sa-lem
4. An-ti-ôt
5. Tạt-sơ
6. Ê-phê-sô
7. Pết-găm
8. Cô-rinh-tô
9. A-thên
10. Rô-ma
11. Tê-sa-lô-ni-ca

# GIỚI THIỆU MA-THI-Ơ

## I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Mãi cho đến thời kỳ Phục Hưng/Cải Chánh thì Phúc Âm Ma-thi-ơ vẫn được xem là Phúc Âm đầu tiên được viết (và ngày nay Giáo Hội Công Giáo La Mã vẫn nghĩ vậy).
- B. Nó là bản được co-py nhiều nhất, trích dẫn nhiều nhất và là Phúc Âm được sử dụng nhiều nhất trong giáo lý và những nghi lễ đầu tiên của giáo hội trong suốt hai thế kỷ đầu tiên.
- C. William Barclay trong *Ba Sách Phúc Âm Đầu Tiên (the First Three Gospels)* trang.19 viết, “Khi quay về với Ma-thi-ơ, là chúng ta quay về với sách được gọi là tài liệu quan trọng nhất của đức tin Cơ Đốc, bởi trong nó chúng ta có bài tường thuật đầy đủ nhất về cuộc đời và sự dạy dỗ của Chúa Giê-su.”  
Bởi vì sách khai triển sự dạy dỗ của Chúa Giê-su theo chủ đề. Nó được dùng để dạy người mới cải đạo (cả người Do Thái và người Ngoại) về cuộc đời và thông điệp của Chúa Giê-su người Na-xa-rét, Đấng Christ.
- D. Nó xây một chiếc cầu vững chắc giữa Giao Ước Cựu và Giao Ước Mới, giữa tín hữu Do Thái và tín hữu người Ngoại. Nó sử dụng Cựu Ước như những lời hứa/sự ứng nghiệm giống như những bài giảng đầu tiên trong sách Công Vụ, được gọi là *kerygma*. Cựu Ước được trích hơn 50 lần và ám chỉ rất nhiều lần. Và những danh hiệu và ngụ ngôn được sử dụng trong Cựu Ước cũng hàm chỉ về Chúa Giê-su.
- E. Vậy nên, mục đích của Phúc Âm Theo Ma-thi-ơ là truyền giao và môn đồ hóa, hai cặp song sinh này là hai khía cạnh của Đại Mạng Lành (Mat.28:19-20)
  - 1. Chúng giúp người Do Thái cải đạo qua việc xác chứng với họ về cuộc đời và sự dạy dỗ của Chúa Giê-su
  - 2. Chúng môn đồ hóa cả người Do Thái và người Ngoại làm cách nào để sống như một Cơ Đốc Nhân.

## II. TÁC GIẢ

- A. Dẫu những bản co-py Tân Ước tiếng Hy Lạp đầu tiên (200-400 SCN) chỉ định “theo Ma-thi-ơ”, tác giả của sách là ẩn danh.
- B. Hiệp hội truyền thống của hội thánh đầu tiên cho rằng Ma-thi-ơ là người đã viết Phúc Âm này (người còn được biết đến với cái tên là Lê-vi, Mác.2:14; Lu-ca.5:27-29), người thu thuế (Mat.9:9; 10:3) và là môn đồ của Chúa Giê-su.
- C. Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca có những điểm rất tương đồng:
  - 1. chúng thường đồng ý vào những câu trích trong Cựu Ước dẫu những câu trích đó không có trong cả bản Ma-sô-ra-tíc và Bản Bảy Mươi,
  - 2. chúng thường trích những câu nói bất thường về ngữ pháp của Chúa Giê-su, thậm chí sử dụng các từ Hy Lạp hiếm hoi được dùng,
  - 3. chúng dùng chính xác những câu và cụm từ như tiếng Hy Lạp,
  - 4. hiển nhiên là chuyện vai mượn văn học đã xảy ra.
- D. Có nhiều lý thuyết được thảo luận có liên quan đến mối quan hệ giữa Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca (các Sách Tin Lành Cộng Quan)

1. Hiệp hội truyền thống của hội thánh đầu tiên cho rằng Ma-thi-ơ (Lê-vi) người thu thuế và là môn đồ của Chúa Giê-su đã viết sách Phúc Âm này. Sứ Đồ Ma-thi-ơ đã bị ẩn danh cho đến thời kỳ Phục Hưng/ Cải Chánh mới được xác nhận.
2. Khoảng năm 1766, A.E.Lessing (và sau này Gieseler năm 1818), đã lý thuyết hóa giai đoạn truyền miệng để phát triển Tin Lành Công Quan (“cùng nhìn”). Ông khẳng định cả ba đều phụ thuộc vào truyền thống truyền miệng thời kỳ đầu tiên mà tác giả phải sửa đổi nội dung để phù hợp với đọc giả mà họ nhắm đến:
  - a. Ma-thi-ơ: viết cho người Do Thái
  - b. Mác: viết cho người La-mã
  - c. Lu-ca: viết cho người Ngoại
 Mỗi tác phẩm đều liên quan đến trung tâm địa lý khác nhau của Cơ Đốc Giáo.
  - a. Ma-thi-ơ: An-ti-ốt, Sy-ri
  - b. Mác: Rô-ma, Ý
  - c. Lu-ca: Sê-sa-rê gần Biển, Pa-lét-tin
  - d. Giảng: Ê-phê-sô, Tiểu Á
3. Vào đầu thế kỷ 19, J.J Griesbach cho rằng Ma-thi-ơ và Lu-ca tương tự cuộc đời Chúa Giê-su hai phần hoàn toàn tách biệt nhau, hoàn toàn độc lập với nhau. Mác viết ngắn gọn trong Phúc Âm của ông và cố gắng suy xét qua lại giữa hai tường thuật của Ma-thi-ơ và Lu-ca.
4. Vào đầu thế kỷ 20, H.J Holtzmann cho rằng Mác là sách Phúc Âm được viết đầu tiên và cả Ma-thi-ơ và Lu-ca sử dụng cấu trúc Phúc Âm của Mác và thêm những phần tài liệu khác về những lời nói của Chúa Giê-su được gọi là nguồn Q (tiếng Đức *quelle* hay “nguồn”). Đây là lý thuyết về hai nguồn tài liệu (và cũng được ông Fredrick Schleiermacher chứng thực vào năm 1832).
5. Sau đó, B.H. Streeter chỉnh sửa và cho rằng “hai nguồn” tài liệu đó là “bốn nguồn” tài liệu, trong đó có cả “Lu-ca đầu tiên - proto Luke” cộng thêm Mác và thêm Q.
6. Những giả thuyết thông tin trên về Sách Tin Lành Công Quan chỉ là sự suy đoán. Không có một bản thảo chính xác hay bằng chứng lịch sử nào cho thấy có nguồn “Q” hay nguồn “Lu-ca đầu tiên”.

Học giả hiện đại đơn giản là không biết làm thế nào các Sách Phúc Âm được phát triển, ai là người viết chúng (các sách Luật Pháp Cựu Ước và các Sách Tiên Tri đầu tiên cũng vậy). Tuy nhiên, việc thiếu thông tin không hề thay đổi quan điểm của Hội Thánh về sự thần cảm và đáng tin cậy của các sách phúc âm này, chúng là những tài liệu lịch sử cũng như tài liệu về đức tin.

7. Hiển nhiên có những sự tương đồng trong cấu trúc, ngôn từ giữa các Sách Tin Lành Công Quan, nhưng cũng có rất nhiều sự khác biệt. Sự khác biệt thường ở những tường thuật chứng kiến tận mắt. Hội thánh đầu tiên không hề bận tâm về sự khác biệt của ba người chứng kiến về cuộc đời của Chúa Giê-su.

Có thể là do đối tượng đọc giả khác nhau, phong cách của tác giả và ngôn từ cũng khác nhau (tiếng A-ram và Hy Lạp) khiến cho các tường thuật dường như chênh lệch. Quả hẳn, các tác giả được thần cảm, người biên tập và người biên soạn có quyền tự do để lựa chọn, sắp xếp và chấp nhận và tóm tắt những sự kiện và sự dạy dỗ trong cuộc đời của Chúa Giê-su (*Làm Thế Nào để Đọc Kinh Thánh Như Đúng Giá Trị của Nó – How to Read the Bible for All Its Worth* tác giả Fee và Stuart, trang.113-148).

- E. Truyền thống của hội thánh đầu tiên ở Papias, giám mục của Hierapolis (130 SCN) được ghi lại bởi sử gia Eusebius trong *Lịch sử Giáo Hội* 3:3916, rằng Ma-thi-ơ viết sách Phúc Âm của ông trong tiếng A-ram. Tuy nhiên, học giả hiện đại đã khước từ giả truyền thống này bởi
  1. tiếng Hy Lạp của Ma-thi-ơ không mang đặc tính của một bản dịch từ tiếng A-ram
  2. có sử dụng chơi chữ tiếng Hy Lạp (6:16; 21:41; 24:30)
  3. phần lớn các câu trích Cựu Ước là từ bản Bảy Mươi (LXX) không phải bản văn Ma-sô-re-tíc tiếng Hê-bơ-rơ.

Có khả năng 10:3 là manh mối của quyền tác giả Ma-thi-ơ. Tại đây “người thu thuế” được thêm vào sau tên của ông. Đây là lời làm sáng tỏ cá nhân mà trong sách Mác không có. Ma-thi-ơ cũng

không phải là người nổi tiếng trong Tân Ước và hội thánh đầu tiên. Vậy, tại sao truyền thống lại khai triển quá nhiều về tên tuổi của ông và cho rằng đây là Phúc Âm được viết đầu tiên?

### III. THỜI GIAN

- A. Trong nhiều cách thì thời gian viết Phúc Âm có liên quan đến vấn đề Sách Tin Lành Công Quan. Phúc Âm nào được viết trước và ai đã mượn tài liệu của ai?
1. Eusebius, trong *Lịch Sử Giáo Hội*, 3:39:15 cho rằng Ma-thi-ơ đã sử dụng Mác như một hướng dẫn về cấu trúc
  2. Tuy nhiên, Augustin gọi Mác là “người theo dõi sau” và là người viết tắt của Ma-thi-ơ
- B. Cách tiếp cận tốt nhất là cố gắng xác định khoảng thời gian có thể
1. Viết trước 96 hay 115 SCN
    - a. Clement ở Rô-ma (96 SCN) ám chỉ đến Phúc Âm Ma-thi-ơ trong lá thư của ông gửi đến người Cô-rinh-tô.
    - b. Ignatius (110-115 SCN), Giám Mục tại thành An-ti-ốt, trích Mat.3:15 trong lá thư của ông gửi đến người *Sy-mec-nơ*, 1:1
  2. Câu hỏi khó hơn là sách được viết sớm hơn bao nhiêu?
    - a. rõ ràng là sau những sự kiện được ghi lại, có thể là giữa những năm 30
    - b. phải mất một thời gian cho nhu cầu, thành phần và lưu thông của nó
    - c. đoạn 24 có mối quan hệ gì với sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem 70 SCN? Những phần trong Ma-thi-ơ hàm ý hệ thống sinh tể vẫn còn được thực hiện trong đền thờ (5:23-24; 12:5-7; 17:24-27; 26:60-61). Điều này có nghĩa nó được viết trước 70 SCN.
    - d. nếu Ma-thi-ơ và Mác được viết trong thời gian chức vụ của Phao-lô (48-68 SCN) tại sao ông không đề cập đến chúng? Irenaeus trích trong *Lịch Sử Giáo Hội* của Eusebius 5:8:2, đề cho rằng Ma-thi-ơ viết sách Phúc Âm của ông trong khi Phi-e-rơ và Phao-lô ở tại Rô-ma. Cả Phi-e-rơ và Phao-lô bị giết vào cuối thời kỳ Nê-rô trị vì vào năm 68 SCN
    - e. học giả hiện đại đoán là vào năm 50 SCN
- C. Nhiều học giả tin rằng bốn sách Phúc Âm liên quan nhiều hơn về trung tâm địa lý của Cơ Đốc Giáo hơn là các tác giả truyền thống. Có lẽ, Ma-thi-ơ viết tại thành An-ti-ốt xứ Sy-ri, bởi những vấn đề của hội thánh người Do Thái/người Ngoại, khoảng năm 60 SCN hay trễ nhất là trước 70 SCN.

### IV. NGƯỜI NHẬN

- A. Vì tác giả và thời gian viết sách là không chắc chắn, nên người nhận cũng vậy. Dường như liên quan đến những tín hữu cả người Do Thái lẫn người Ngoại. Hội Thánh tại An-ti-ốt xứ Sy-ri vào thế kỷ đầu tiên là phù hợp nhất.
- B. Origen trích từ Eusebius trong *Lịch Sử Giáo Hội* 6:25:4, nó được viết cho người tín hữu Do Thái.

### V. CẤU TRÚC BỐ CỤC

- A. Phúc Âm này được cấu trúc như thế nào? Cách tốt nhất có thể tìm thấy ý định ban đầu của tác giả được thần cảm là phân tích cấu trúc của toàn bộ cuốn sách.
- B. Các học giả đã gợi ý nhiều cấu trúc sau
1. sự di chuyển theo địa lý của Chúa Giê-su
    - a. Ga-li-lê
    - b. bắc Ga-li-lê
    - c. Bê-rê và Giu-đê (trong khi di chuyển đến Giê-ru-sa-lem)
    - d. trong Giê-ru-sa-lem

2. Năm đơn vị văn học theo chủ đề của Ma-thi-ơ. Chúng được xác định bởi cụm từ thường xuyên “Và khi Đức Chúa Giê-su phán những lời ấy xong” (7:28; 11:1; 13:53; 19:1; 26:1). Nhiều học giả cho rằng mỗi đơn vị chủ đề này là dụ ngôn về mỗi sách trong năm sách của Môi-se (Sáng, Xuất, Lê-vi, Dân Số, Phục Truyền)
    - a. cấu trúc giao thoa xen kẽ với kể chuyện văn xuôi và nghị luận
    - b. một dạng thần học/tiểu sử được nhận biết bởi cụm từ “từ lúc ấy, Đức Chúa Giê-su bắt đầu...” (4:17; 16:21) và nó giúp chia sách ra làm 3 phần (1:1-4:16; 4:17-16:20; và 16:21-28:29)
    - c. Ma-thi-ơ nhấn mạnh về những phân đoạn lời tiên tri Cựu Ước bằng việc sử dụng từ “ứng nghiệm” (1:22; 2:15,17,23; 4:14; 8:17; 12:17; 13:35; 21:4; 27:9 và 27:35)
- C. Các “phúc âm” là thể loại văn học độc nhất. Chúng không phải là tiểu sử. Chúng không phải là chuyện kể lịch sử. Chúng là thể loại văn học theo cấu trúc và có sự lựa chọn thần học. Mỗi tác giả của Phúc Âm chọn những sự kiện cuộc đời và dạy dỗ của Chúa Giê-su cách độc nhất để trình bày Ngài cho người đọc được nhắm đến. Các sách Phúc Âm là truyền đạo đơn.

## VI. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. Mê-si-a, 1:1
2. Đồng trinh, 1:23,25
3. Em-ma-nu-ên, 1:23
4. Thầy thuốc, 2:1
5. Na-xa-rét, 2:23
6. Ăn năn, 3:2
7. Xung tội, 3:6
8. Pha-ri-si, 3:7
9. Sa-đu-sê, 3:7
10. “xách giày Ngài”, 3:11
11. “Đây là Con yêu dấu của Ta”, 3:17
12. “nóc đèn thờ”, 4:5
13. “Luật Pháp hay lời Tiên Tri”, 5:17
14. “giấy ly hôn”, 5:31
15. “bệ chân của Ngài”, 5:35
16. nhà hội, 6:2
17. “cửa hẹp”, 7:13
18. thầy thông giáo, 8:19
19. “người bị quỵ ám”, 8:28
20. “đương ngồi tựa tại bàn ăn” 9:10
21. bầu da, 9:17
22. phùng thổi sáo, 9:23
23. sứ đồ, 10:2
24. ách, 11:29,30
25. “đời này hay đời sau”, 12:32
26. ngụ ngôn, 13:3
27. cỏ lùng, 13:25
28. “truyền thống của cổ nhân”, 15:2
29. âm phủ, 16:18
30. hóa hình, 17:2
31. kính phong, 17:15
32. “người thu thuế đền thờ”, 17:24
33. đơ-ni-ê, 20:2,9
34. Hô-sa-na theo nghĩa đen “cứu chúng tôi bây giờ”, tiếng A-ram “quyền lực hoàng gia đẽ”, 21:9

35. “con đẩu chuyên dạ” 24:8
36. “sự góm ghiết” 26:64
37. ta-lâng, 25:60
38. “toàn thể Hội Đồng”, 26:64
39. “ngư trên mây trời mà đến”, 26:64
40. “Ruộng Máu”, 27:8
41. công đường, 27:27
42. “Gô-gô-tha”, 27:33
43. “nhưng còn một vài người nghi ngờ”, 28:17

## VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ NHÂN VẬT

1. Xô-rô-ba-bên, 1:12
2. Hê-rôt, 2:13
3. Con Vua Đa-vít, 9:27
4. Con Người, 10:23
5. Đầy Tớ Ta, 12:18
6. Bê-ên-xê-bun, 12:24
7. Hê-rô-đi-a, 14:6
8. Si-môn con Giô-na, 16:17
9. “các thầy tế lễ và các trưởng lão”, 21:23
10. người theo phe Hê-rôt, 14:6
11. Ra-bi, 23:7
12. Cai-phe, 26:3
13. Phi-lát, 27:2
14. Ba-ra-ba, 27:16
15. Ma-ri Ma-đơ-len, 27:56
16. Giô-sép A-ri-ma-thê, 27:57

## VIII. ĐỊA ĐIỂM TRÊN BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Bết-lê-hem, 2:1
2. hoang mạc Giu-đê, 3:1
3. Ga-li-lê, 3:13
4. Na-xa-rét, 4:13
5. Ca-pê-na-um, 4:13
6. Sô-đôm và Gô-mơ-rơ, 10:15
7. Bết-sai-đã, 11:21
8. Si-đôn, 15:21
9. Sê-sa-rê Phi-líp, 16:13
10. Núi Ô-liu, 21:2
11. Ghết-sê-ma-nê, 26:36

## IX. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao gia phả trong Ma-thi-ơ và Lu-ca lại khác nhau?
2. Ta-ma, Ra-háp và Ru-tơ có điểm chung gì?
3. Ê-li và Giăng Báp-tít có điểm chung gì?
4. “Vương quốc thiên đàng” là gì?
5. Sa-tan cám dỗ Chúa Giê-su trong đồng vắng chính xác là gì?
6. Giải thích 5:17 trong ngôn từ của bạn.
7. Giải thích 5:48 trong ngôn từ của bạn.



8. Giải thích 7:6 trong ngôn từ của bạn.
9. Tại sao 8:5-13 rất không bình thường và quan trọng?
10. Giải thích 10:38 trong ngôn từ của bạn.
11. Giải thích 10:19 trong ngôn từ của bạn.
12. Tại sao Chúa Giê-su chữa bệnh trong ngày Sa-bát?
13. Nói phạm thượng đến Đức Thánh Linh là gì? (12:31-32)
14. Nầy mầm có liên quan đến sự kết quả như thế nào trong ngụ ngôn của người gieo giống? (13)
15. Giải thích 13:44 trong ngôn từ của bạn.
16. Giải thích 15:11 trong ngôn từ của bạn.
17. Giải thích 16:20 trong ngôn từ của bạn.
18. Giải thích 18:8 trong ngôn từ của bạn.
19. Mọi Cơ Đốc Nhân đều có thiên sứ bảo vệ phải không?
20. Giải thích 19:17 trong sự mặc khải Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời.
21. Giải thích 21:18-19 trong ngôn từ của bạn.
22. Tại sao Chúa Giê-su nói chuyện cách khắt nghiệt với thầy dạy luật và người Pha-ri-si ở đoạn 23?
23. Tầm quan trọng của 24:26 là gì?

# GIỚI THIỆU MÁC

## I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Hội thánh đầu tiên thường bỏ qua việc sao chép, nghiên cứu và dạy sách Mác trong khi ưu tiên cho Ma-thi-ơ và Lu-ca bởi họ cho rằng Mác là phiên bản “tiêu hóa của người đọc” (tức là phúc âm rút gọn), đây là quan điểm được nêu ra cách cụ thể bởi Augustine.
- B. Mác thường không được trích dẫn và sử dụng bởi các giáo phụ hội thánh Hy Lạp đầu tiên và thế hệ sứ đồ thứ hai (những người bảo vệ đức tin).
- C. Khi sự giải nghĩa kinh thánh theo phương cách tiếp cận lịch sử - ngữ pháp hiện đại được phát triển, Phúc Âm của Mác có một tầm quan trọng mới bởi vì nó được cho là Phúc Âm được viết đầu tiên. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca sử dụng Mác để trình bày cuộc đời và tầm quan trọng của Chúa Giê-su. Do đó, sách Mác trở thành tài liệu nền tảng của hội thánh, tài liệu đầu tiên chính thức về cuộc đời Chúa Giê-su.

## II. THỂ LOẠI

- A. Các sách Phúc Âm không phải thể loại tiểu sử hay lịch hiện đại. Chúng là những tác phẩm thần học có chọn lọc được sử dụng để giới thiệu Chúa Giê-su cho nhiều nhóm đọc giả khác nhau và hướng họ đến đức tin nơi Ngài. Chúng là “tin tốt lành” về câu chuyện cuộc đời Chúa Giê-su với mục đích truyền giảng (Giăng.20:30-31)
- B. Sách Mác nhắm đến 4 bối cảnh lịch sử và 4 mục đích thần học cách riêng biệt
  1. cuộc đời và sự dạy dỗ của Chúa Giê-su
  2. cuộc đời và chức vụ của Phi-e-rơ
  3. nhu cầu của hội thánh đầu tiên
  4. mục đích truyền giáo của Giảng Mác
- C. Bốn sách Phúc Âm là độc nhất trong văn học Cận Đông và Hy Lạp-La Mã. Những tác giả được thần cảm bởi Đức Thánh Linh để chọn lựa những phần dạy dỗ và hành động của Chúa Giê-su trình bày một cách rõ ràng nhất về đặc tánh và/ hay mục đích của Ngài.

Các phúc âm này sắp xếp từ và hành động trong những cách khác nhau. Một ví dụ có thể so sánh là Bài Giảng Trên Núi trong Ma-thi-ơ (Mat.5-7) và Bài Giảng nơi Đồng Bằng trong Lu-ca. Rõ ràng, trong Ma-thi-ơ, ông chủ ý tập hợp tất cả sự dạy dỗ của Chúa Giê-su thành một bài giảng dài trong khi Lu-ca dàn trải sự giảng dạy của Ngài xuyên suốt Phúc Âm của ông. Cũng như vậy, Ma-thi-ơ đặt những phép màu của Chúa Giê-su chung với nhau, trong khi Lu-ca trải đều phép lạ của Ngài khắp Phúc Âm của ông.

Điều này không chỉ cho thấy khả năng sắp xếp và chọn lọc của các tác giả về sự dạy dỗ của Chúa Giê-su, mà còn cho thấy mục đích thần học của mỗi người (đọc *Làm Thế Nào để Đọc Kinh Thánh như Tất Cả Giá Trị của nó – How to Read the Bible For All Its Worth* của Fee và Stuart, trang.113-134). Khi đọc các sách Phúc Âm, người đọc nên liên tục hỏi, điểm thần học mà tác giả đang cố gắng trình bày ở đây là gì. Tại sao cần phải có sự kiện, phép lạ và bài học cụ thể này ở đây?
- D. Phúc Âm Mác là một ví dụ tốt về nhóm người sử dụng tiếng Hy Lạp Phổ Thông như là ngôn ngữ thứ hai của họ trong thế giới Địa Trung Hải. Tiếng mẹ đẻ của Mác là A-ram (cũng là ngôn ngữ của Chúa Giê-su và tất cả những người Do Thái trong thế kỷ đầu tiên của Pa-lét-tin). Hương vị trộn lẫn ngôn ngữ là một nét đặc trưng của Phúc Âm Mác.

## III. TÁC GIẢ

- A. Giảng Mác được truyền thống nhận định là ông với Sứ Đồ Phi-e-rơ trong việc viết sách Phúc Âm này. Chính tác phẩm này (cũng giống như tất cả các Phúc Âm khác) là ẩn danh.
- B. Câu chuyện tận mắt chứng kiến của Phi-e-rơ là một bằng chứng bởi trong thực tế Mác đã không tường thuật lại 3 sự kiện đặc biệt trải nghiệm cá nhân của Phi-e-rơ
1. đi trên mặt nước (Mat.14:28-33)
  2. ông là người phát ngôn cho đức tin của Mười Hai Môn Đồ tại Sê-sa-rê Phi-líp (Mat.16:13-20), trong Mác chỉ 8:27-30 và phân đoạn “trên vầng đá này” và “chìa khóa thiên đàng” bị loại bỏ.
  3. ông câu cá để trả thuế đền thờ cho chính ông và Chúa Giê-su (Mat.17:24-27)
- Có thể sự khiêm nhường của Phi-e-rơ đã khiến ông không nhấn mạnh những sự kiện này.
- C. Truyền thống hội thánh đầu tiên
1. I Clements, được viết từ Rô-ma khoảng 95 SCN, cho rằng Mác (*Người Chăn Bầy của Hermes – Shepherd of Hermes* cũng vậy).
  2. Papias, giám mục của Hierapolis (275-339 SCN) trong *Lịch Sử Giáo Hội* của ông trang.3.39.15. Ông khẳng định Mác là thông dịch viên của Phi-e-rơ, người đã ghi lại cách chính xác những ký ức của Phi-e-rơ về Chúa Giê-su nhưng không theo thứ tự dòng thời gian. Có vẻ như, Mác đã lấy và tiếp nhận những bài giảng của Phi-e-rơ và sắp xếp chúng lại trong cách trình bày Phúc Âm của ông. Papias khẳng định ông có được thông tin này từ “trưởng lão”, hàm ý đến Sứ Đồ Giảng.
  3. Justin Martyr (150 SCN) trích Mác.3:17, sự thêm vào này là ký ức của Phi-e-rơ.
  4. Lời mở đầu trong tác phẩm Anti-Marcionite được viết vào khoảng 180 SCN, nhận định Phi-e-rơ là nhân chứng sống trong Phúc Âm Mác. Nó cũng cho biết Mác viết Phúc Âm này tại Ý (Y-ta-li) sau cái chết của Phi-e-rơ (truyền thống cho rằng được viết tại Rô-ma khoảng sau năm 65 SCN)
  5. Irenaeus, được viết khoảng 180 SCN, đề cập Giảng Mác như là thông dịch viên của Phi-e-rơ và là người biên soạn những hồi ức của Phi-e-rơ sau khi ông qua đời (*Contra Haereses* 3:1:2).
  6. Clement của Alexanderia (195 SCN) khẳng định rằng những người nghe Phi-e-rơ giảng tại Rô-ma yêu cầu Mác ghi lại những bài giảng của Phi-e-rơ.
  7. Muratorian Fragment (trong điện kinh – canon), được viết khoảng 200 SCN tại Rô-ma, dấu bản văn dường như không hoàn thiện, nhưng khẳng định rằng Giảng Mác ghi lại bài giảng của Phi-e-rơ.
  8. Tertullian (200 SCN) trong tác phẩm *Chống Marcion-Against Marcion* (4:5) nói Mác đã xuất bản ký ức của Phi-e-rơ.
  9. Trong *Chú Giải Kinh Thánh của Expositor - The Expositor's Bible Commentary*, Tập.8, trang 606, Walter Wessel đã đưa ra một lời bình luận thú vị về những truyền thống hội thánh đầu tiên ở trên, liên quan đến sự toàn cầu về địa lý của trung tâm hội thánh
    - a. Papias ở Tiểu Á
    - b. Lời mở đầu Anti-Marcion và Muratorian Fragment đều ở Rô-ma
    - c. Irenaeus (*Adv.Haer.* 3.1.1) ở Lyons – Pháp. Truyền thống của Irenaeus cũng được tìm thấy ở Tertullian (*Adv. Marc.*4.5) từ bắc Châu Phi và Clement của Alexandria, Ai Cập (*Hypotyposesis* 6 được trích bởi Eusebius, *Lịch sử Giáo hội* 2.15.1-2; 3.24.5-8; 6:14:6-7). Sự phủ khắp về địa lý đã tạo lòng tin cho sách Mác về sự đáng tin cậy của nó bởi vì sự chấp nhận diện rộng của truyền thống trong Cơ Đốc Giáo đầu tiên.
  10. Theo *Lịch Sử Giáo Hội* của Eusebius. 4:25, Origen (230 SCN) trong *Chú Giải Kinh Ma-thi-ơ* (không có chú giải nào về Mác cho đến thế kỷ thứ năm) cho rằng Mác viết Phúc Âm Mác khi Phi-e-rơ giải thích cho ông.
  11. Chính Eusebius thảo luận Phúc Âm của Mác trong *Lịch Sử Giáo Hội* 2.15 cho rằng Mác đã ghi lại các bài giảng của Phi-e-rơ để những người nghe giảng có thể đọc nó trong tất cả hội thánh. Eusebius đặt cơ sở này trên các tác phẩm của Clement tại Alexandria.
- D. Chúng ta biết gì về Giảng Mác
1. Mẹ của ông nổi tiếng giữa vòng tín hữu tại Giê-ru-sa-lem trong vòng những hội thánh tư gia (có

khả năng tại bữa Tiệc Thánh của Chúa, Mác. 14:14-15; Công.1:13-14; Công.12:12). Có lẽ ông là người không được biết tên bỏ chạy khỏi vườn Ghết-sê-ma-nê (Mác. 14:51-52).

2. Ông đồng hành cùng Ba-na-ba (Côl.4:10) và đồng hành cùng Phao-lô từ Giê-ru-sa-lem về An-ti-ôt (Công.12:25)
  3. Ông là bạn đồng hành của Ba-na-ba và Phao-lô trong hành trình truyền giáo thứ nhất (Công. 13:5) nhưng đột nhiên bỏ về (Công.13:13)
  4. Sau này, Ba-na-ba muốn dẫn Mác đi trong hành trình truyền giáo thứ hai, nhưng điều này đã khiến một sự bất hòa dữ dội giữa Ba-na-ba và Phao-lô (Công.15:37-40)
  5. Sau đó, ông lại kết hợp với Phao-lô và trở nên người bạn, người đồng công với Phao-lô (Côl.4:10; 2Tim.4:11; Phi.24).
  6. Ông là người đồng hành và người đồng công với Phi-e-rơ (1 Phi.5:13) có thể là ở tại Rô-ma.
- E. Kiến thức cá nhân của Mác về cuộc đời của Chúa Giê-su dường như được khẳng định trong 14:51-52, chàng trai trẻ trần truồng bỏ chạy tại vườn Ghết-sê-ma-nê ngay khi Chúa Giê-su bị bắt. Chi tiết bất thường và hoàn toàn không được mong đợi này chỉ tìm thấy trong Mác phản chiếu kinh nghiệm cá nhân của Mác.

#### IV. THỜI GIAN

- A. Phúc Âm này là câu chuyện tận mắt chứng kiến và là sự giải nghĩa về cuộc đời, hành động và sự dạy dỗ của Chúa Giê-su được lấy từ những bài giảng của Phi-e-rơ. Chúng được biên soạn, thu thập và phân bố sau khi ông qua đời, Lời Mở Đầu của Anti-Marcionite và Irenaeus cũng đồng ý như vậy (và họ còn thêm dữ liệu là sau cái chết của Phao-lô). Cả Phi-e-rơ và Phao-lô bị tử vì đạo dưới thời Nê-rô (54-68 SCN) tại thành Rô-ma (theo truyền thống hội thánh). Thời gian viết sách là không chắc chắn, nhưng nếu dữ liệu này là sự thật, thì có lẽ thời gian viết sách Mác là khoảng giữa những năm 60.
- B. Có khả năng Lời Mở Đầu của Anti-Marcionite và Irenaeus không hàm chỉ đến cái chết của Phi-e-rơ, nhưng ông bị trục xuất khỏi Rô-ma (như xuất ê-díp-tô). Một vài bằng chứng truyền thống (Justin và Hippolytus) cho rằng Phi-e-rơ đã thăm Rô-ma trong thời trị vì của Cơ-lốt (Claudius - 41-54 SCN), (*Lịch Sử Giáo Hội* của Eusebius. 2.14.6).
- C. Dường như Lu-ca hoàn thành Công Vụ Các Sứ Đồ với Phao-lô khi ông còn ở trong tù những năm đầu 60. Nếu sự thật là Lu-ca đã sử dụng Mác làm tài liệu cho Phúc Âm Lu-ca, thì sách Mác phải được viết trước Công Vụ, và do đó sách được viết sớm hơn những năm đầu 60.
- D. Tác giả và thời gian viết sách Mác không ảnh hưởng gì đến những lẽ thật về lịch sử/ thần học/ truyền giáo trong Phúc Âm này hay bất kỳ phúc âm khác. Chúa Giê-su không phải là tác giả con người, người là nhân vật máu chót!
- E. Thật ngạc nhiên khi không một Phúc Âm nào (thậm chí là Giảng, được viết 95-96 SCN) cũng không nhắc đến sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem (Mat.24, Mác.13, Lu-ca.21) vào năm 70 SCN thời tổng tư lệnh La-mã, sau này là Hoàng Đế Titus. Mác có thể được viết trước sự kiện này. Ngay cả khả năng Ma-thi-ơ và Lu-ca được viết trước sự phán phạt chính này trên Do Thái Giáo. Chỉ đơn giản có thể nói rằng thời gian cấu thành các sách Tin Lành Cộng Quan là không chắc chắn (cũng như mối quan hệ văn học lẫn nhau giữa các sách).

#### V. NGƯỜI NHẬN

- A. Mác được gắn kết với La-Mã bởi nhiều tác giả hội thánh đầu tiên
  1. 1 Phi-e-rơ 5:13
  2. Lời Mở Đầu Anti-Marcionite (Ý)
  3. Irenaeus (Rô-ma, *Adv. Haer.* 3.1.2)
  4. Clement ở Alexandria (Rô-ma, *Lịch Sử Giáo Hội* củ Eusebius. 4.14.6-7; 6.14.5-7)

- B. Mác không cụ thể trình bày mục đích viết Phúc Âm này. Nên có nhiều giả thuyết.
1. là một truyền đạo đơn (1:1) được viết đặc biệt cho người La-Mã (1:15; 10:45)
    - a. các yếu tố Do Thái được giải thích (7:3-4; 14:12; 15:42)
    - b. các từ A-ram được dịch (3:17; 5:41; 7:1,34; 10:46; 14:36; 15:22,34)
    - c. sử dụng nhiều từ La-tin (đạo phủ, 6:27; truyền thống người xưa 7:4; điều tra dân số, 12:14; một phân tư xu, 12:42; dinh tổng đốc, 15:16; viên đội trưởng, 15:39; chuẩn bị, 15:42)
    - d. ngôn ngữ rất độc đáo khi liên quan đến Chúa Giê-su
      - (1) ngôn ngữ độc đáo liên đến những ai sống tại Pa-lét-tin (1:5,28,33,39; 2:13; 4:1; 6:33,39,41,55)
      - (2) ngôn ngữ bao quát liên quan đến mọi người (13:10)
  2. sự bắt bớ khởi đầu từ trận hỏa hoạn thành Rô-ma vào năm 64 SCN, mà Nê-rô đổ thừa cho Cơ Đốc Nhân, khởi xướng một trận sóng bắt bớ tàn ác trên các tín hữu. Mác thường đề cập đến sự bắt bớ (sự chịu khổ của Chúa Giê-su 8:31; 9:39; 10:33-34,45 và sự chịu khổ của các môn đồ 8:34-38; 10:21,30,35-44).
  3. Sự Tái Lâm bị trì hoãn
  4. những nhân chứng về Chúa Giê-su qua đời, đặc biệt là các Sứ Đồ
  5. sự nổi lên của các dị giáo giữa vòng các hội thánh Cơ Đốc lan rộng
    - a. người theo Do Thái Giáo (Ga-la-ti)
    - b. Trí Huệ Giáo (1 Giăng)
    - c. sự trộn lẫn giữa 2 giáo phái trên a và b (Cô-lô-se và Ê-phê-sô; 2 Phi.2)

## VI. CẤU TRÚC BỐ CỤC

- A. Mác được cấu trúc theo cách khá đặc biệt rằng tuần cuối cùng của cuộc đời Chúa Giê-su được tập trung và chiếm 1/3 sách. Tâm quan trọng thần học của Tuần Lễ Thương Khó được nhấn mạnh.
- B. Theo truyền thống hội thánh đầu tiên, thì Mác lấy từ những bài giảng của Phi-e-rơ (có khả năng ở Rô-ma) nên những câu chuyện giảng sinh không được kể đến. Mác mở bài là khi Phi-e-rơ bắt đầu kinh nghiệm Chúa Giê-su khi ông đã trưởng thành, và theo mặt thần học thì nó có liên quan đến sứ điệp của Giảng Báp-tít về sự ăn năn và đức tin trong việc chuẩn bị cho Đấng Mê-si-a.  
 Những bài giảng của Phi-e-rơ phải chứa những khái niệm về “Con Người” và “Con Đấng Chúa Trời”. Phúc Âm này phản chiếu thần học của Phi-e-rơ về thân vị của Chúa Giê-su. Trước hết, Ngài vừa là người thầy, Đấng chữa lành đại tài, nhưng Ngài còn là Đấng Mê-si-a! Đấng Mê-si-a này không được mong đợi để chiến thắng chính quyền qua quân đội, nhưng Ngài là một Đấng Chịu Khổ (Ê-sai.53)
- C. Cấu trúc bố cục sách Mác theo vị trí địa lý căn bản khá tương đồng với các sách Tin Lành Cộng Quan khác (Ma-thi-ơ và Luca)
1. chức vụ tại miền Ga-li-lê (1:14-6:13)
  2. chức vụ ngoài vùng Ga-li-lê (6:14-8:30)
  3. hành trình đến Giê-ru-sa-lem (8:31-10:52)
  4. tuần lễ cuối cùng trong thành Giê-ru-sa-lem (11:1-16:8)
- D. Thậm chí có khả năng cấu trúc của sách Mác có thể bắt chước những khuôn mẫu căn bản của những bài giảng đầu tiên của các Sứ Đồ (Công. 10:37-43, *Nghiên Cứu Tân Ước* của C.H. Dodd, trang.1-11). Nếu điều này là sự thật thì Phúc Âm này là đỉnh cao của truyền thống truyền khẩu (*kerygma*). Do Thái Giáo cho rằng giảng dạy bằng miệng vượt trội hơn bản văn viết.
- E. Mác được nhận biết bởi những câu chuyện di chuyển nhanh (vd. “ngay lập tức”, 1:10) về cuộc đời của Chúa Giê-su. Mác không ghi lại những bài dạy đồ dài, nhưng di chuyển cách nhanh chóng hết sự kiện này đến sự kiện khác (từ “ngay lập tức” được lặp lại rất nhiều). Phúc Âm của Mác mặc khải Chúa Giê-

su qua hành động của Ngài. Tuy nhiên, câu chuyện diễn biến nhanh này được lấy từ chứng nhân tận mắt chứng kiến cách sống động và chi tiết (đó là Phi-e-rơ).

## VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. báp-tem của sự ăn năn, 1:4
2. mặt đồ bằng lông lạc đà, 1:5
3. như chim bồ câu, 1:10
4. bốn mươi ngày, 1:13
5. vương quốc của Đức Chúa Trời đã đến gần, 1:15
6. nhà hội, 1:23
7. nói phạm thượng, 2:7
8. thầy dạy luật, 2:6
9. bầu da, 2:22
10. ngụ ngôn 4:2
11. vạt áo, 5:27
12. men của người Pha-ri-si, 8:15
13. hãy lui ra đằng sau Ta, hỡi Satan, 8:33
14. hóa hình, 9:2
15. hỏa ngục (Gehenna), 9:47
16. nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc, 11:17
17. đơ-ni-ên, 12:15
18. Lễ Vượt Qua, 14:1
19. người phong hủi, 14:3
20. chén này, 14:36
21. giờ đã đến, 14:41
22. Ngày Chuẩn Bị, 15:42
23. ngày thứ nhất trong tuần lễ, 16:2

## VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ NHÂN VẬT

1. Si-môn, 1:16
2. Xê-bê-đê, 1:20
3. uế linh, 1:23
4. Lê-vi, 2:14
5. A-bi-tha, 2:26
6. người Ca-na-nê-an, 3:18
7. Bên-xê-bun, 3:22
8. Quân đoàn, 5:9
9. vua Hê-rốt, 6:14
10. Hê-rô-đia, 6:17
11. Sy-rô-phê-ni-xi, 7:26
12. Ba-ti-mê, 10:46
13. Sê-sa, 12:14
14. sự góm ghiết của bỏ hoang, 13:14
15. người được chọn, 13:20
16. kẻ giả danh Đấng Christ, 13:22
17. thầy tế lễ cả, 14:1
18. A-ba, 14:36
19. Hội Đồng Công Luận, 14:55
20. Ba-ra-ba, 15:7, 11
21. Si-môn người Sy-ren, 15:21

22. Sa-lô-mê, 15:40
23. viên đội trưởng, 15:45

## IX. ĐỊA ĐIỂM TRÊN BẢN ĐỒ ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Giu-đe, 1:4
2. Giê-ru-sa-lem, 1:4
3. Sông Giô-đanh, 1:5
4. Na-xa-rét, 1:9
5. Ga-li-lê, 1:9
6. Ca-pê-na-um, 1:21
7. miền Y-đu-mê, 3:8
8. Ty-rơ, 3:8
9. Si-đôn, 3:8
10. Giê-ra-sê, 5:1
11. Đê-ca-pô-lơ, 5:20
12. Bết-sai-đa, 6:45
13. Đa-ma-nu-tha, 8:10
14. Giê-ri-cô, 10:46
15. Núi Ô-liu, 11:1
16. Ghết-sê-ma-nê, 14:32

## X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Báp-tem bằng Đức Thánh Linh là gì? (1:8)
2. Những yêu cầu cần thiết của giao ước mới là gì? (1:15)
3. Tại sao những người nghe Chúa Giê-su là ngạc nhiên về sự dạy dỗ của Ngài? (1:22)
4. Tại sao Chúa Giê-su không cho phép quỷ nói? (1:34)
5. Tại sao Chúa Giê-su không cho phép người được lành kể cho bất kỳ ai về việc này? (1:43)
6. Tại sao Chúa Giê-su bị cáo buộc là phạm thượng trong đoạn 2?
7. Giải thích 2:17 trong ngôn từ của bạn.
8. Tại sao Chúa Giê-su lại thường chữa bệnh trong ngày Sa-bát?
9. Tại sao Chúa Giê-su dạy dỗ qua ngụ ngôn? (3:10-13)
10. Giải thích câu chuyện ngụ ngôn về các loại đất trong ngôn từ của bạn (4:3-9).
11. Tại sao Chúa Giê-su không thể làm thêm phép lạ nào tại quê hương Minh? (6:4-6)
12. Tại sao Chúa Giê-su đi trên mặt biển trong đoạn 6?
13. Giải thích lời tiên tri của Ê-sai trong 7:6-7
14. Giải thích 7:15 trong ngôn từ của bạn.
15. Tại sao Mác trích dẫn câu nói tiếng A-ram của Chúa Giê-su?
16. Giải thích 8:38 trong ngôn từ của bạn.
17. Tại sao người Pha-ri-si hỏi Chúa Giê-su về việc ly hôn trong đoạn 10?
18. Tại sao các môn đồ lại ngạc nhiên (10:26) khi Chúa Giê-su nói 10:25?
19. Tại sao Chúa Giê-su cười con lừa con trong đoạn 11?
20. Tại sao Chúa Giê-su dẹp sạch đền thờ trong đoạn 11?
21. Tại sao câu hỏi 11:28 là câu hỏi quan trọng?
22. Tại sao ngụ ngôn ở đầu đoạn 12 đầy năng quyền cho nhóm người mà nó nhắm đến?
23. Mệnh lệnh lớn nhất trong Cựu Ước là gì?
24. Tại sao 13:30 lại khó giải nghĩa?
25. Giải thích 15:34 trong ngôn từ của bạn.

# GIỚI THIỆU LU-CA

## I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Luca là Phúc Âm dài nhất. Luca-Công Vụ (nếu ai đó không đồng ý rằng Hê-bơ-rơ là của Phao-lô) có số lượng trang nhiều nhất so với tất cả các tác giả trong Tân Ước và ông là người Ngoại và là thế hệ thứ hai Cơ Đốc Nhân!
- B. Luca viết tiếng Hy Lạp Phổ Thông tốt nhất so với các tác giả Tân Ước do đó có khả thi ông là tác giả ngoại lệ của Hê-bơ-rơ. Hy Lạp là tiếng mẹ đẻ của ông. Ông được giáo dục cao và là một thầy thuốc (Côl.4:14)
- C. Luca nhấn mạnh tình yêu thương, quan tâm của Chúa Giê-su cho những người mà ngay cả người Do Thái không hề để ý:
1. những người phụ nữ (Ma-ri, Ê-li-sa-bét, An-ne, Ma-ri và Ma-thê, vv..)
  2. người nghèo (nét đẹp của Luca, Lu.6:20-23 và sự dạy dỗ về sự giàu có, 12:13-21; 16:9-13, 19-31)
  3. bị tẩy chay về mặt xã hội, chủng tộc và tôn giáo
    - a. người đàn bà vô luân (7:36-50)
    - b. người Sa-ma-ri (9:51-56; 10:29-37; 17:11-16)
    - c. người phung hủi (17:11-19)
    - d. người thu thuế (3:12-13; 18:9-14; 19:1-10)
    - e. tội phạm (23:35-43)
- D. Luca ghi lại những ký ức tận mắt chứng kiến của Ma-ri (hai đoạn đầu của Công Vụ) và gia phả theo Ma-ri (3:23-38). Phúc Âm của Luca ghi lại Chúa Giê-su quan tâm cả người Do Thái và người Ngoại.

## II. TÁC GIẢ

- A. Sự nhất trí của truyền thống hội thánh đầu tiên
1. Irenaeus (175-195 SCN, *Chống Dị Giáo*, 3.1.1; 3.14.10) cho rằng Luca viết lại phúc âm này qua sự giảng đạo của Phao-lô.
  2. Lời Mở Đầu của Anti-Marcion (175 SCN) nói Luca là tác giả của Phúc Âm này.
  3. Tertullian (150-160-220/240 SCN, trong *Chống lại Marcion* 4:2,3; 4:5,3) nói Luca viết phúc âm đã tiêu hóa của Phao-lô.
  4. Muratorian Fragment (180-200 SCN) gọi Luca là tác giả và là thầy thuốc đồng hành của Phao-lô. Ngoài ra, có người cho rằng ông đã viết tường thuật này qua việc nghe-thấy (có nghĩa là ông phỏng vấn những nhân chứng trực tiếp).
  5. Origen, được trích bởi Eusebius trong chú giải kinh sách Ma-thi-ơ (*Lịch Sử Giáo Hội*. 6.25.6) khẳng định Luca là tác giả của Phúc Âm.
  6. Eusebius (*Lịch Sử Giáo Hội*. 3.4.2,6-7) cũng khẳng định quyền tác giả của Luca cả Phúc Âm Luca và Công Vụ Các Sứ Đồ.
- B. Nội chứng về quyền tác giả của Luca
1. Phúc âm này, giống như những tác phẩm trong kinh thánh khác, ẩn danh.
  2. Nếu Luca-Công Vụ là một bộ gồm 2 tập, có khả năng rất đúng bởi phần mở đầu của hai sách khá giống nhau, sau đó phần “chúng ta” trong Công Vụ (16:10-17; 20:5-16; 21:1-18; 27:1-28:16) hàm ý tận mắt chứng kiến câu chuyện và hoạt động trong hành trình truyền giáo của Phao-lô.
  3. Phần giới thiệu sách Luca (1:1-4) khẳng định Luca nghiên cứu từ những người tận-mắt chứng kiến để viết phúc âm này theo dòng thời gian về cuộc đời của Chúa Giê-su cho thấy ông là thế hệ tín hữu thứ hai. Phần giới thiệu trong Luca cũng hơi giống trong Công Vụ. Luca và Công Vụ đôi khi trùng lặp nhau về thời gian (những sự kiện sau phục sinh).



### III. LUCA, CON NGƯỜI

- A. Lời Mở Đầu Anti-Marcion đối với Luca (175 SCN)
1. người bản xứ tại An-ti-ốt xứ Sy-ri
  2. thầy thuốc
  3. độc thân
  4. người đồng hành với Phao-lô
  5. viết sách tại A-chai
  6. qua đời lúc 84 tuổi tại Boeotia
- B. Eusebius tại Sê-sa-rê (275-339 SCN) trong *Lịch Sử Giáo Hội*.III.4.2
1. từ An-ti-ốt
  2. người đi cùng trong hành trình truyền giáo của Phao-lô
  3. viết Phúc Âm Luca và Công Vụ Các Sứ Đồ
- C. Jerome (346-420 SCN tại *Migna* XXVI.18)
1. viết sách từ A-chai
  2. chết tại Boeotia
- D. Ông là người có học thức cao
1. ngữ pháp tiếng Hy Lạp Phổ Thông tốt
  2. vốn từ vựng nhiều (đặc biệt là thuật ngữ y học và hàng hải)
  3. những phương pháp nghiên cứu (1:1-4)
  4. có khả năng ông là thầy thuốc (Côl. 4:14). Những bình luận tiêu cực của Mác về thầy thuốc trong Mác. 5:26 đã bị loại bỏ trong ngụ ngôn trong Luca.8:43. Luca sử dụng những thuật ngữ liên quan đến y dược, chữa lành, bệnh tật, vv.. ít nhất hơn 300 lần (W. K. Hobart, *Thuật ngữ y học của Luca - The Medical Language of Luke*, hay tác phẩm hay hơn là, A. Harnack, *Luca người Thầy Thuốc - Luke the Physician*)
- E. Ông là người Ngoại
1. Phao-lô dường như phân loại những người giúp đỡ cho ông trong danh sách Côl.4:10-11 (“trong những người chịu cắt bì”) và những người giúp đỡ khác (Ê-pháp-ra, Lu-ca và Đê-ma).
  2. Trong Công.1:9, Luca nói “trong ngôn ngữ của họ”, khi có liên quan đến tiếng A-ram hàm ý đây không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ của ông.
  3. Trong Phúc Âm Luca ông loại bỏ tất cả những tranh cãi với người Pha-ri-si có liên quan đến Luật Truyền Khẩu Do Thái.
- F. Trong các tác giả Tân Ước thì ông là người viết Phúc Âm dài nhất, cộng với sách Công Vụ, thì ông là người viết nhiều nhất trong Tân Ước, khá bất ngờ khi biết điều này, một người không tận mắt chứng kiến (không phải là các Sứ Đồ) một người Ngoại được chọn. Thế mà, đây là điều nhất trí của truyền thống hội thánh đầu tiên, không có ai bất đồng ý kiến!

### IV. THỜI GIAN VIẾT SÁCH

- A. Người ta không bao giờ biết mối quan hệ chính xác giữa (1) những ghi chú nghiên cứu gốc của Luca (có thể được viết trong khi Phao-lô bị tù tại Sê-sa-rê [Công.23-26 và đặc biệt là 24:27]); (2) bản thảo cuối cùng (Phúc Âm của Luca như chúng ta biết ông sử dụng Mác và “Q” làm nguồn tài liệu); và (3) mối tương thông của Luca – Công Vụ Các Sứ Đồ (hay giữa Luca và Thi-ô-phi-ơ).
- B. Trước năm 95 SCN nếu IClement đã trích và sử dụng minh họa trong Công Vụ và Công Vụ Các Sứ Đồ là tập tiếp theo của phúc âm

1. Công.13:22 – I Clement, 18:1
2. Công.20:36 – I Clement, 2:1

- C. Công Vụ Các Sứ Đồ phải được viết trước sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem (70 SCN) bởi tướng La-mã, Titus
1. không đề cập đến cái chết của
    - a. Sứ Đồ Gia-cơ (62 SCN)
    - b. Sứ Đồ Phao-lô (64-67 SCN)
  2. bài giảng của Ê-tiên trong Công Vụ 7 không đề cập đến sự sụp đổ Đền Thờ là dẫn chứng minh họa mạnh mẽ về sự trừng phạt của Đức Chúa Trời trên Do Thái Giáo.
  3. Phao-lô thăm thành Giê-ru-sa-lem trong Công Vụ 21 và Luca, nếu ông viết sau 70 SCN chắc ông đã đề cập đến sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem trong Phúc Âm của ông.
- D. Nếu Luca sử dụng Phúc Âm của Mác như một dàn bài và/hay Luca viết gần thời điểm ông nghiên cứu tại Pa-lét-tin, thì sách này được viết cuối những năm 50 hay đầu những năm 60 (với sách Công Vụ Các Sứ Đồ được viết khá sớm sau khi Phao-lô bị tù tại Rô-ma, 62-63 SCN)

## V. NGƯỜI NHẬN

- A. Viết gửi đến Thi-ô-phi-lơ (Luca.1:1-4; Công.1:1). Có nhiều giả thuyết như xác định ông là ai:
1. là một công chức chính quyền La-mã vì Luca gọi ông là “quý nhân” trong Luca.1:3 và danh xưng này cũng được dùng cho Phê-lít (Công.23:26; 24:3) và Phê-tu (Công.26:25)
  2. là một người giàu có (Thi-ô-phi-lơ là tên khá phổ biến giữa vòng người Do Thái và Hy Lạp) ông đã trả mọi chi phí cho việc viết, sao chép và phân phối sách Luca và Công Vụ Các Sứ Đồ.
  3. tên của ông có nghĩa “Đức Chúa Trời yêu”, “người yêu mến Đức Chúa Trời”, do đó nó có thể được hiểu tên ông là hàm ý chỉ đến nhóm người Cơ Đốc Nhân.
- B. Phúc Âm của Luca nhắm đến người Ngoại
1. nó giải thích tập tục của người Do Thái
  2. phúc âm cho mọi người (2:10)
  3. trích những lời tiên tri có liên quan đến “mọi loài xác thịt” (3:5-6 được trích trong Ê-sai 40)
  4. gia phả truy ngược đến A-đam (tất cả loài người, 3:38)
  5. nhiều câu chuyện về tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho người Ngoại (Luca mở rộng ranh giới những người được mời trong tiệc cưới Mê-si-a 13:29)
  6. những ví dụ Cự Ước, thông báo tình yêu của Đức Chúa Trời cho người Ngoại (2:32; 4:25-77)
  7. Đại Mạng Lệnh trong Luca – sự tha thứ được rao báo cho mọi dân tộc (24:47)

## VI. MỤC ĐÍCH VIẾT SÁCH CỦA LUCA

- A. Tất cả các sách Phúc Âm được viết với mục đích truyền giáo đặt biệt cho một nhóm người cụ thể (Giăng.20:30-31)
1. Ma-thi-ơ viết cho người Do Thái
  2. Mác viết cho người La Mã
  3. Luca viết cho người Ngoại
  4. Giăng viết cho người Ngoại
- Luca là người độc nhất đề cập đến việc sai phái 70 môn đồ vào sứ mạng (10:1-24). Đối với những thầy ra-bi, 70 là con số hàm chỉ đến mọi ngôn ngữ trên thế giới (Sáng.10). Thời Chúa Giê-su sai phái 70 môn đồ ra đi giảng đạo tin lành, điều này có lẽ là phúc âm là dành cho mọi người.
- B. Những mục đích khác
1. hướng dẫn về Ngày Tái Lâm

- a. Luca 21 khá giống nhưng cũng có một chút khác biệt với Mat.24, Mác.13 khi nói về sự trở lại của Đấng Christ và ngày tận thế.
  - b. Tuy nhiên, Luca trình bày vấn đề trong ngôn từ truyền giảng cho thế giới khiến mất nhiều thời gian cho hội thánh để hoàn thành (24:47)
  - c. Luca cũng vậy (giống Phao-lô) nhấn mạnh Vương Quốc của Đức Chúa Trời là ở đây và bây giờ (10:9, 11; 10:20; 17:21) cũng như là trong tương lai.
  - d. Một bảng tóm tắt ngắn gọn về những ý kiến và thảo luận của những học giả kinh thánh được tìm thấy trong Kinh Thánh Anchor - The Anchor Bible, tập 28, trang. 231-235.
2. giải thích về Cơ Đốc Giáo cho các công chức chính quyền La Mã (và Công Vụ cũng vậy)
- a. danh hiệu “quý nhân” trong lời giới thiệu
  - b. Luca 23 ghi lại Phi-lát nói 3 lần “Ta không thấy người này có tội gì” (23:4, 14-15, 22)
  - c. các công chức chính quyền trong sách Công Vụ được miêu tả tốt và Phao-lô muốn trình bày duyên cớ của ông trước công chức La-Mã cách tôn trọng và họ cũng ứng xử cách hòa nhã với Phao-lô (Công.26:31-32)
  - d. viên đội trưởng La Mã, tại thời điểm đóng đinh cũng đưa ra lời chứng tích cực về Chúa Giê-su (Luca.23:47)
- C. Những chủ đề thần học độc đáo giữa vai trò chủ đạo trong mục đích viết sách của Luca
1. Luca cho thấy những quan tâm đặc biệt đối cùng những nhóm người cụ thể
    - a. người nghèo với người giàu (Nét Đẹp của Luca, Luca.6:20-23)
    - b. người bị bỏ rơi
      - (1) người đàn bà vô luân (Luca.7:36-50)
      - (2) người Sa-ma-ri (Luca.9:51-56; 10:29-37)
      - (3) người con trai hoang đàng (Luca.15:11-32)
      - (4) người thu thuế (Luca. 19:1-10)
      - (5) người phung hủi (Luca.17:11-19)
      - (6) tội phạm (Luca. 23:39-43)
  2. Luca đề cập Đền Thờ trong Giê-ru-sa-lem. Phúc Âm này mở đầu với người Do Thái và Kinh Thánh của họ (Chúa Giê-su ứng nghiệm lời tiên tri Cựu Ước), nhưng họ khước từ Ngài (11:14-36) và Ngài trở thành Đấng Cứu Rỗi cho toàn nhân loại (10:1-24) và thay thế đền thờ của họ bằng chính Ngài.

## VII. NGUỒN TÀI LIỆU CHO PHÚC ÂM CỦA LUCA

- A. Có nhiều giả thuyết mở rộng có liên quan đến mối quan hệ giữa Ma-thi-ơ, Mác và Luca (các sách Tin Lành Cộng Quan)
1. Hiệp hội truyền thống của hội thánh đầu tiên cho rằng Luca, thầy thuốc người Ngoại và là người đồng hành cùng Sứ Đồ Phao-lô trong hành trình truyền giáo, viết Phúc Âm
  2. Khoảng năm 1766, A.E.Lessing (và sau này Gieseler năm 1818), đã lý thuyết hóa giai đoạn truyền miệng để phát triển Tin Lành Cộng Quan (“cùng nhìn”). Ông khẳng định cả ba đều phụ thuộc vào truyền thống truyền miệng thời kỳ đầu tiên mà tác giả phải sửa đổi nội dung để phù hợp với độc giả mà họ nhắm đến:
    - a. Ma-thi-ơ: viết cho người Do Thái
    - b. Mác: viết cho người La-mã
    - c. Lu-ca: viết cho người Ngoại
 Mỗi tác phẩm đều liên quan đến trung tâm địa lý khác nhau của Cơ Đốc Giáo.
    - e. Ma-thi-ơ: An-ti-ốt, Sy-ri
    - f. Mác: Rô-ma, Ý
    - g. Lu-ca: Sê-sa-rê gần Biển, Pa-lét-tin
    - h. Giảng: Ê-phê-sô, Tiểu Á
  3. Vào đầu thế kỷ 19, J.J Griesbach cho rằng Ma-thi-ơ và Lu-ca tường thuật cuộc đời Chúa Giê-su

hai phần hoàn toàn tách biệt nhau, hoàn toàn độc lập với nhau. Mác viết ngắn gọn trong Phúc Âm của ông và cố gắng suy xét qua lại giữa hai tường thuật của Ma-thi-ơ và Lu-ca.

4. Vào đầu thế kỷ 20, H.J Holtzmann cho rằng Mác là sách Phúc Âm được viết đầu tiên và cả Ma-thi-ơ và Lu-ca sử dụng cấu trúc Phúc Âm của Mác và thêm những phần tài liệu khác về những lời nói của Chúa Giê-su được gọi là nguồn Q (tiếng Đức *quelle* hay “nguồn”). Đây là lý thuyết về hai nguồn tài liệu (và cũng được ông Fredrick Schleiermacher chứng thực vào năm 1832).

Một vài suy đoán danh sách này được trích từ Chúa Giê-su, cấu trúc giống văn học khôn ngoan Cựu Ước, có lẽ Papias cho rằng Ma-thi-ơ viết. Vấn đề là không phải là một bản sao của danh sách những câu nói này còn tồn tại. Nếu hội thánh rất trân trọng các sách Phúc Âm, làm sao họ có thể mất một danh sách những câu nói của Người Sáng Lập Đức tin được cả Ma-thi-ơ và Luca sử dụng?

5. Sau đó, B.H. Streeter chỉnh sửa và cho rằng “hai nguồn” tài liệu đó là “bốn nguồn” tài liệu, trong đó có cả “Lu-ca đầu tiên - proto Luke” cộng thêm Mác và thêm Q.
6. Những giả thuyết thông tin trên về Sách Tin Lành Cộng Quan chỉ là sự suy đoán. Không có một bản thảo chính xác hay bằng chứng lịch sử nào cho thấy có nguồn “Q” hay nguồn “Lu-ca đầu tiên”.

Học giả hiện đại đơn giản là không biết làm thế nào các Sách Phúc Âm được phát triển, ai là người viết chúng (các sách Luật Pháp Cựu Ước và các Sách Tiên Tri đầu tiên cũng vậy). Tuy nhiên, việc thiếu thông tin không hề thay đổi quan điểm của Hội Thánh về sự thần cảm và đáng tin cậy của các sách phúc âm này, chúng là những tài liệu lịch sử cũng như tài liệu về đức tin.

7. Hiển nhiên có những sự tương đồng trong cấu trúc, ngôn từ giữa các Sách Tin Lành Cộng Quan, nhưng cũng có rất nhiều sự khác biệt. Sự khác biệt thường ở những tường thuật chứng kiến tận mắt. Hội thánh đầu tiên không hề bận tâm về sự khác biệt của ba người chứng kiến về cuộc đời của Chúa Giê-su.

Có thể là do đối tượng đọc giả khác nhau, phong cách của tác giả và ngôn từ cũng khác nhau (tiếng A-ram và Hy Lạp) khiến cho các tường thuật dường như chênh lệch. Quả hẳn, các tác giả được thần cảm, người biên tập và người biên soạn có quyền tự do để lựa chọn, sắp xếp và chấp nhận và tóm tắt những sự kiện và sự dạy dỗ trong cuộc đời của Chúa Giê-su (*Làm Thế Nào để Đọc Kinh Thánh Như Đấng Giá Trị của Nó – How to Read the Bible for All Its Worth* tác giả Fee và Stuart, trang.113-148).

- B. Đặc biệt Luca công bố rằng ông đã nghiên cứu (Luca 1:1-4) với những người đã từng tận mắt chứng kiến cuộc đời của Chúa Giê-su. Sự cầm tù của Phao-lô tại Sê-sa-rê cạnh Biển Pa-lét-tin đã cho phép Luca có thời gian và cơ hội với những con người này. Đoạn 1-2 phản chiếu ký ức của Ma-ri (Sir William Ramsay, *Đấng Christ Thật Sinh Ra Tại Bết-lê-hem? - Was Christ Born at Bethlehem?*) và gia phả đoạn 3 cũng vậy.
- C. Nhiều nguồn tài liệu của hội thánh đầu tiên cho rằng Luca là người đồng hành cùng Sứ Đồ Phao-lô trong hành trình truyền giáo của ông. Một vài nguồn này cũng khẳng định Phúc Âm của Luca bị ảnh hưởng theo phong cách giảng của Phao-lô. Không thể khước từ sứ mạng truyền giáo thế giới được nhận định rõ ràng là lời tiên tri được ứng nghiệm trong Luca, Công Vụ Các Sứ Đồ và các tác phẩm của Phao-lô.

### VIII. NÉT ĐỘC NHẤT CỦA LUCA

- A. Hai đoạn đầu tiên là nét đặt trưng riêng của Luca và có thể đến từ Ma-ri, gia phả 3:23-28 cũng vậy.
- B. Những phép lạ độc nhất của Luca
  1. con trai người đàn bà góa ở thành Na-in hồi sinh, 7:12-17
  2. người đàn bà trong nhà hội được chữa lành trong ngày Sa-bát, 13:10-17
  3. người đàn ông phù thủy trong nhà hội được chữa lành trong ngày Sa-bát, 14:16
  4. mười người phong được lành, chỉ 1 người Sa-ma-ri trở lại và tạ ơn, 17:11-18
- C. Những ngụ ngôn độc nhất trong Luca

1. người Sa-ma-ri nhân lành, 10:25-37
2. người bạn kiên trì, 11:5-13
3. người giàu đại dốt, 12:13-21
4. đồng tiền lạc mất, 15:8-10
5. hai con trai, 15:11-32
6. người quản gia bất chính, 16:1-8
7. người giàu và La-xa-ơ, 16:19-31
8. quan tòa bất chính, 18:1-8
9. người Pha-ri-si và người thu thuế, 18:9-14

D. Những ngụ ngôn trong Luca cũng được viết cách khác trong Ma-thi-ơ

1. 12:39-46 (Mat. 24:43-44)
2. 14:16-24 (Mat. 22:2-14)
3. 19:11-27 (Mat. 25:14-30)

E. Những tường thuật độc nhất khác

1. những sự kiện trong 2 đoạn đầu tiên
2. người thu thuế Xa-cha-ri, 19:1-10
3. Chúa Giê-su bị gửi đến Hê-rốt bởi Phi-lát để xét xử, 23:8-12
4. hai người trên đường Em-ma-út, 24:13-32

F. Những yếu tố độc đáo nhất trong Luca được tìm thấy trong 9:51-18:14. Ở đây, Luca không dựa trên nguồn của Mác hay “Q” (những lời nói của Chúa Giê-su được viết bởi Ma-thi-ơ). Thậm chí, những sự kiện và dạy dỗ tương tự cũng được đặt trong một dạng khác. Chủ đề thống nhất của phần này là “trên đường đến Giê-ru-sa-lem” (9:51; 13:22, 33; 17:11; 18:31; 19:11,28) cũng là hành trình lên thập tự giá của Ngài.

## IX. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. hiểm muộn, 1:7
2. sự cứu chuộc, 1:6,8
3. sừng cứu rỗi, 1:69
4. kiểm tra dân số, 2:1
5. Xê-lốt, 6:15
6. vương quốc của Đức Chúa Trời, 6:20
7. phường thối sáo, 7:32
8. viên quản lý nhà hội, 8:49
9. Con Người phải chịu khổ, 9:22
10. người Sa-ma-ri, 10:33
11. Khôn cho các ngươi! 11:42, 43, 44, 47, 52
12. ăn năn, 13:3,5
13. cửa hẹp, 13:24
14. vác thập giá mình, 14:27
15. ma môn, 16:11
16. Luật Pháp và những Lời Tiên Tri, 16:16
17. lòng của Áp-ra-ham, 16:22
18. cõi đá, 17:2
19. cho đến khi các thời kỳ dân Ngoại được chọn, 21:24
20. Hội Đồng Công Luận của các trưởng lão, 22:66
21. Pa-ra-đi, 23:43

## X. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Thi-ô-ôhi-lơ, 1:3
2. Xa-cha-ri, 1:5
3. thiên sứ của Đức Chúa Trời, 1:11; 2:9
4. Gáp-ri-ên, 1:26
5. Qui-ri-ni-u, 2:2
6. An-ne, 2:36
7. Ti-be-rơ, 3:1
8. Hê-rốt làm vua chư hầu, 3:1, 19
9. Cai-phe, 3:2
10. Na-a-man, 4:2
11. Hoàng hậu phương nam, 11:31
12. Xa-cha-ri, 10:51
13. La-xa-rơ, 16:23
14. Xa-chê, 19:2
15. Giô-sép, 23:50
16. Cờ-lê-ô-pa, 24:1

## XI. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ TRÊN ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Ga-li-lê, 1:26
2. Na-xa-rét, 1:4
3. Bết-lê-hem, 1:4
4. Y-tu-rê, 3:1
5. Bết-sai-đã, 9:10
6. Cô-ra-xin, 10:13
7. Ty-rơ, 10:13
8. Ca-pê-na-um, 10:15
9. Sa-ma-ri, 17:11
10. Sô-đôm, 17:29
11. Giê-ri-cô, 19:1
12. Em-ma-út, 24:13
13. Bết-tha-ni, 24:50

## XII. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Việc Đức Chúa Trời mặc khải sự giáng sinh của Chúa Giê-su cho các mục đồng trước có tầm quan trọng gì?
2. Câu nói 2:29 của Chúa Giê-su có tầm quan trọng gì?
3. Tại sao gia phả trong Luca lại truy ngược về tận A-đam?
4. Các môn đồ đã phạm luật trong 6:1-5 như thế nào? Họ phạm luật gì?
5. Giải thích lời của Chúa Giê-su trong 6:46
6. Tại sao Giảng nghi ngờ Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a được ứng nghiệm trong 17:18-23?
7. Tại sao người Gê-ra-sê lại muốn Chúa Giê-su rời khỏi thành?
8. Giải thích trong ngôn từ của bạn về hàm ý của 9:62.
9. Satan bị sa ngã khỏi thiên đàng khi nào? (10:18)
10. Tại sao người Do Thái ghét người Sa-ma-ri?
11. 12:14-48 hàm ý có nhiều mức độ trừng phạt trong địa ngục phải không?
12. Giải thích 13:28-30 trong ngôn từ của bạn.
13. Mục đích của ngụ ngôn người con trai hoang đàng 15:11-32 là gì?
14. Giải thích 16:18 trong ngôn từ của bạn nhưng phải đảm bảo là giải nghĩa nó trong ánh sáng của bối cảnh lịch sử.

15. 17:34-35 hỗ trợ ý sự cất lên cách bí mật không? Tại sao có và tại sao không?
16. Tại sao câu hỏi 20:2 quan trọng?
17. Ai là người trông nho trong 20:10?
18. Giu-đa là người có trách nhiệm với hành động của ông trong 22:3 phải không?
19. Tại sao 23:20 là câu quan trọng khiến Luca ghi lại?

# GIỚI THIỆU GIẢNG

## I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Ma-thi-ơ và Lu-ca mở đầu bằng câu chuyện giáng sinh của Chúa Giê-su, Mác mở đầu bằng phép báp-tem của Ngài, nhưng Giảng mở đầu bằng trước sự tạo hóa.
- B. Giảng trình bày sự đầy trọn thần tánh của Chúa Giê-su thành Na-xa-rét từ câu đầu của đoạn đầu và cứ tiếp tục chủ đề này xuyên Phúc Âm. Các sách Tin Lành Cộng Quan vén màn sự thật này cho đến khi chúng được trình bày (“Bí Mật về Đấng Mê-si-a”)
- C. Rõ ràng Giảng khai triển Phúc Âm của ông trong ánh sáng sự chắc chắn của các sách Tin Lành Cộng Quan. Ông cố gắng bổ sung và giải thích cuộc đời và sự dạy dỗ của Chúa Giê-su theo nhu cầu của hội thánh đầu tiên (cuối thế kỷ thứ nhất).
- D. Giảng dường như cấu trúc và trình bày Chúa Giê-su xung quanh chủ đề Đấng Mê-si-a
1. 7 phép lạ/dấu kỳ và sự giải nghĩa của chúng
  2. 27 phỏng vấn và/ hay những cuộc đàm thoại cá nhân
  3. những ngày thờ phượng và lễ
    - a. Sa-bát
    - b. lễ Vượt Qua (đoạn 5-6)
    - c. lễ Lều Tạm (đoạn 7-10)
    - d. Hanukkah (10:22-29)
  4. các câu nói “TA LÀ”
    - a. liên quan đến danh thần tánh (YHWH)
      - 1) Ta là Đấng Ấy (4:26; 8:24,28; 13:19; 18:5-6)
      - 2) trước Áp-ra-ham đã có Ta (8:54-59)
    - b. với những đề cử về chính Ngài
      - 1) Ta là bánh hằng sống (6:35, 41, 48, 51)
      - 2) Ta là ánh sáng của thế gian (8:12)
      - 3) Ta là cánh cửa của chuồng chiên (10:7,9)
      - 4) Ta là người chăn hiền lành (10:11, 14)
      - 5) Ta là sự sống lại và là sự sống (11:25)
      - 6) Ta là đường đi, lễ thật và sự sống (14:6)
      - 7) Ta là gốc nho thật (15:1,5)
- E. Sự khác biệt giữa Giảng và các Phúc Âm khác
1. Dẫu sự thật mục đích chính của Giảng là thần học, nhưng ông sử dụng lịch sử và địa lý cực kỳ chính xác và chi tiết. Vậy nguyên nhân chính các cho những sự khác biệt giữa Tin Lành Cộng Quan và Giảng là vô định.
    - a. chức vụ tại vùng Giu-đa đầu tiên (sự dẹp sạch Đền Thờ lần thứ nhất)
    - b. theo thứ tự thời gian và ngày của tuần lễ cuối cùng của cuộc đời Chúa Giê-su
  2. Thật hữu ích khi dành một chút thời gian để thảo luận sự khác biệt giữa Giảng và các sách Tin Lành Cộng Quan. Tôi xin trích từ George Eldon Ladd trong sách *Thần Học của Tân Ước - A Theology of the New Testament* về những sự khác nhau:
    - a. “Phúc Âm Thứ Tư rất khác biệt so với các sách Tin Lành Cộng Quan đến nỗi phải thành thật đối mặt với câu hỏi liệu Giảng có tương thuật chính xác những lời dạy của Chúa Giê-su hay đức tin Cơ Đốc hình thành là do việc sửa đổi truyền thống mà lịch sử bị nuốt chửng trong giải nghĩa thần học” (tr.215)
    - b. “Giải pháp gần tầm tay nhất là những lời dạy của Chúa Giê-su được thể hiện trong thành ngữ Johannine. Nếu đây là giải pháp chính xác, và nếu chúng ta phải kết luận rằng Phúc Âm Thứ Tư được trình bày trong thành ngữ Johannine, thì câu hỏi quan trọng được đặt ra



là: Đến mức độ nào Thần học của Phúc Âm Thứ Tư là của Giảng chứ không phải của Chúa Giê-su? Đến mức độ nào sự dạy dỗ của Chúa Giê-su bị đồng hóa trong tâm trí Giảng và những gì chúng ta có là sự giải nghĩa của Johannine chứ không phải là sự dạy dỗ chính xác của Chúa Giê-su? (trang 215).

- c. Ladd cũng trích của W. F. Albright từ “Những Khám Phá Gần Đây tại Pa-lét-tin và Phúc Âm của Giảng - Recent Discoveries in Palestine and the Gospel of John” trong tác phẩm *Bối Cảnh của Tân Ước và Khảo Cổ Học của Nó - The Background of the New Testament and Its Eschatology* được hiệu đính bởi W. D. Davies và D. Daube

“Không có sự khác biệt cơ bản trong giảng dạy giữa Giảng và các sách Tin Lành Cộng Quan; sự tương phản nằm ở sự tập trung của truyền thống và những khía cạnh dạy dỗ của Đấng Christ, đặc biệt là những điều dường như giống với giáo huấn của Essenes nhất.

Hoàn toàn không có bất kỳ lời dạy nào của Chúa Giê-su bị bóp méo hoặc bị làm sai lệch, hoặc một yếu tố mới quan trọng đã được thêm vào. Dẫu nhu cầu của Hội Thánh đầu tiên ảnh hưởng đến việc lựa chọn các mục để đưa vào Phúc Âm mà chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy, nhưng không vì lý do đó mà Hội Thánh phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự sáng chế hay thêm thắc nào có ý nghĩa thần học quan trọng.

Một trong những giả thuyết kỳ lạ nhất của các học giả phê bình và nhà thần học Tân Ước là tâm trí của Chúa Giê-su bị giới hạn đến mức bất kỳ sự tương phản rõ ràng nào giữa Giảng và các sách Tin Lành Cộng Quan là do sự khác biệt giữa các nhà thần học Cơ Đốc đầu tiên. Mỗi suy nghĩ và mỗi bản tấu khác nhau sẽ giải nghĩa khác nhau bởi những người bạn và người nghe khác nhau, họ sẽ chọn những gì phù hợp hoặc hữu ích nhất từ những gì họ đã thấy và nghe” (tr.170-17)

- d. Lại trích từ George E. Ladd:

“Sự khác nhau giữa các phúc âm không phải Giảng mang chất thần học và những phúc âm khác thì không, mà tất cả đều là thần học theo những cách khác nhau. Giải nghĩa lịch sử có thể trình bày vấn đề cách thực tế hơn là ghi lại những sự kiện xảy ra theo thứ tự thời gian, mà Giảng tin rằng nó đã xảy ra trong lịch sử. Đây hiển nhiên không phải là ý định của các sách Tin Lành Cộng Quan để đưa ra một báo cáo *ipsissima verba* (các từ chính xác) của Chúa Giê-su cũng không phải là tiểu sử về các sự kiện cuộc đời Ngài. Chúng là chân dung của Chúa Giê-su và là bản tóm tắt sự giảng dạy của Ngài. Trong sự tự do, Ma-thi-ơ và Luca cảm thấy tự do sắp xếp lại tài liệu của Mác và tường thuật việc giảng dạy của Chúa Giê-su. Nếu Giảng sử dụng nhiều sự tự do hơn Ma-thi-ơ và Luca, đó là vì ông muốn đưa ra một bức chân dung tuyệt đối sâu sắc hơn và chân thực hơn về Chúa Giê-su” (trang 221-222).

## II. TÁC GIẢ

- A. Phúc Âm ẩn danh tác giả nhưng vẫn có các manh mối về quyền tác giả của Giảng
1. tác giả tận mắt chứng kiến (19:35)
  2. cụm từ “môn đồ yêu dấu” (cả Polycrates và Irenaeus khẳng định chính là Sứ Đồ Giảng)
  3. Giảng, con trai của Xê-bê-đê, không hề được nhắc tên
- B. Bối cảnh lịch sử từ trong chính Phúc Âm quá rõ ràng, nên quyền tác giả không còn là yếu tố quan trọng trong việc giải kinh. Sự khẳng định của tác giả được thần cảm là chính yếu!
- Tác giả và thời gian viết Phúc Âm Giảng không ảnh hưởng đến nguồn cảm hứng, nhưng cách giải nghĩa. Các nhà chú giải kinh tìm bối cảnh lịch sử, và nguyên nhân khiến sách được ra đời. Có nên so sánh thuyết nhị nguyên của Giảng với (1) người Do Thái hai thời đại; (2) giáo viên Qumran dạy sự công chính; (3) Tôn giáo Zoroastrian; (4) Tư tưởng Trí Huệ Giáo; hoặc (5) quan điểm độc đáo của Chúa Giê-su?
- C. Quan điểm truyền thống đầu tiên cho rằng Sứ Đồ Giảng, con trai của Xê-bê-đê, là người tận mắt chứng

kiến. Điều này phải được làm rõ vì các nguồn bên ngoài vào thế kỷ thứ hai dường như liên kết với những nguồn khác để tạo ra Phúc Âm này

1. Những tín hữu và trưởng lão tại Ê-phê-sô kích lệ những Sứ Đồ cao tuổi viết lại lời chứng của họ (Eusebius trích từ Clement của Alexandria)
2. Sứ Đồ đồng thời, An-rê (Muratorian Fragment, 180-200 SCN, từ Rô-ma)

D. Một vài học giả hiện đại có những giả định khác về quyền tác giả dựa trên một vài giả định về văn phong và chủ đề quan trọng của Phúc Âm. Nhiều giả định thời gian viết sách là đầu thế kỷ thứ hai (trước 115 SCN)

1. được viết bởi các môn đồ của Giảng (Johannine vòng tròn ảnh hưởng) người nhớ những sự dạy dỗ của ông (J. Weiss, B. Lightfoot, C. H. Dodd, O. Cullmann, R. A. Culpepper, C. K. Barrett)
2. được viết bởi “trưởng lão Giảng” (một trong những loạt trưởng lão đầu tiên ở Asia được ảnh hưởng bởi thần học và sự giảng dạy của Sứ Đồ Giảng) bắt nguồn từ một đoạn văn mơ hồ ở Papias (70-146 SCN) được trích bởi Eusebius (280-339 SCN)

E. Bằng chứng chính Giảng là nguồn chính yếu cho tài liệu của Phúc Âm

1. nội chứng

- a. tác giả biết nghi lễ và sự dạy dỗ của Do Thái và có cùng thế giới quan về Cựu Ước
- b. tác giả biết tình hình của Pa-lét-tin và Giê-ru-sa-lem trong những năm trước-70 SCN
- c. tác giả công bố tận mắt chứng kiến
  - 1) 1:14
  - 2) 19:35
  - 3) 21:24
- d. tác giả là thành viên trong nhóm sứ đồ, bởi ông quen thuộc với
  - 1) những chi tiết về thời gian và địa điểm (đêm khổ nạn)
  - 2) những chi tiết về con số (nước thành rượu 2:6 và cá 21:11)
  - 3) chi tiết các nhân vật
  - 4) tác giả biết chi tiết những sự kiện và phản ứng của họ
  - 5) tác giả dường như được cho rằng là “môn đồ yêu dấu”
    - a) 13:23,25
    - b) 19:26-27, 34-35
    - c) 20:2-5,8
    - d) 21:7, 20-24
  - 6) tác giả dường như là thành viên của nhóm thân cận có cả Phi-e-rô
    - a) 13:24
    - b) 20:2
    - c) 21:7
  - 7) tên Giảng, con trai Xê-bê-đê, không hề xuất hiện trong Phúc Âm này, điều này dường như bất thường bởi ông là thành viên trong nhóm Sứ Đồ thân cận

e. Ngoại chứng

1) Phúc Âm được biết bởi

- a) Irenaeus (120-202SCN) kết hợp với Polycarp, biết Sứ Đồ Giảng (trong *Lịch Sử Giáo Hội* của Eusebius 5:20:6-7) – “Giảng là môn đồ của Chúa người đã dựa trên ngực Ngài và chính ông là người viết Phúc Âm này tại Ê-phê-sô ở Asia” (*Haer*, 3:1:1, được trích dẫn trong *Lịch sử Giáo hội* của Eusebius. 5:8:4).
- b) Clement tại Alexandria (1153-217 SCN) = “Giảng được thúc giục bởi bạn bè và sự vận hành thiên thượng bởi Đức Thánh Linh, để viết và biên soạn Phúc Âm thiêng liêng này” (*Lịch Sử Giáo Hội* của Eusebius 6:14:7)
- c) Justin Maryr (110-165 SCN) trong *Đối Thoại với Trypho - Dialogue with Trypho* 81:4
- d) Tertullian (145-220 SCN)

- 2) Quyền tác giả của Giăng được khẳng định rất sớm bởi các nhân chứng
  - a) Polycarp (70-156 SCN, được ghi lại bởi Irenaeus), người là giám mục của Smyrna (155 SCN)
  - b) Papias (70-146 SCN, được ghi lại bởi Lờ Mở Đầu Anti-Marconite từ Rô-ma và Eusebius), là giám mục của Hierapolis ở Phy-gi và được báo cáo là môn đệ của Sứ Đồ Giăng

- F. Những lý do khiến nghi ngờ truyền thống về quyền tác giả
1. Sự liên kết của Phúc Âm với chủ đề trí huệ giáo
  2. phần phụ lục rõ ràng của đoạn 21
  3. những khác biệt về trình tự thời gian với các sách Tin Lành Cộng Quan
  4. Giăng sẽ không nói chính ông là “môn đồ được yêu”
  5. Chúa Giê-su trong Giăng sử dụng vốn từ và thể loại văn khác với Tin Lành Cộng Quan
- G. Nếu chúng ta cho rằng tác giả là Sứ Đồ Giăng thì từ con người chúng ta có giả định gì?
1. Ông viết tại Ê-phê-sô (Irenaeus nói “xuất bản Phúc Âm tại Ê-phê-sô”)
  2. Ông viết phúc âm khi đã cao tuổi (Irenaeus nói ông sống đến thời trị vì của Trajan, 98-117 SCN)

### III. THỜI GIAN

- A. Nếu chúng ta giả định là Sứ Đồ Giăng
1. trước 70 SCN, khi Giê-ru-sa-lem bị sụp đổ bởi tướng La-mã (sau này là Hoàng Đế), Titus
    - a. trong Giăng.5:2 “Bấy giờ tại Giê-ru-sa-lem, gần cửa Chiên, có một cái ao tiếng Hê-bơ-ro gọi là Bê-tết-đa, xung quanh ao có 5 cái vòm cửa...”
    - b. từ “môn đồ” được lặp lại nhiều lần để chỉ nhóm sứ đồ
    - c. chống lại những yếu tố trí huệ giáo giờ được tìm thấy trong Cuộn Biên Chết, cho thấy chúng là một phần của biệt ngữ thần học của thế kỷ thứ nhất
    - d. không đề cập đến sự sụp đổ Đền Thờ và thành phố Giê-ru-sa-lem vào 70 SCN
    - e. khảo cổ gia nổi tiếng người Mỹ W. F. Albright khẳng định thời gian viết Phúc Âm là cuối những năm 70 và đầu những năm 80
  2. cuối thế kỷ thứ nhất
    - a. thần học được phát triển của Giăng
    - b. sự sụp đổ Giê-ru-sa-lem không được đề cập bởi nó xảy ra khoảng 20 năm trước
    - c. Giăng sử dụng cụm từ và nhấn mạnh theo kiểu-trí huệ giáo
    - d. truyền thống hội thánh đầu tiên
      - 1) Irenaeus
      - 2) Eusebius
- B. Nếu chúng ta giả định “trưởng lão Giăng” là tác giả thì thời gian viết sách có thể là đầu hay giữa thế kỷ thứ hai. Lý thuyết này bắt đầu với sự từ chối của Dionysius về quyền tác giả của Sứ Đồ Giăng (vì lý do văn học). Eusebius, đã khước từ quyền tác giả của Sứ Đồ Giăng cho sách Khải Huyền vì lý do thần học, ông cảm nhận đã tìm thấy một “Giăng” khác vào đúng thời điểm và đúng chỗ trong trích dẫn của Papias, (trong *Lịch Sử Giáo Hội* 3:39:5,6), trong danh sách có 2 “Giăng” (1) Sứ Đồ và (2) Trưởng Lão (hệ phái trưởng lão)

### IV. NGƯỜI NHẬN

- A. Ban đầu nó được viết cho các hội thánh của tỉnh La Mã ở Tiểu Á, đặc biệt là Ê-phê-sô.
- B. Vì sự đơn giản sâu sắc và chiều sâu của tường thuật về cuộc đời và con người của Chúa Giê-su, người Na-xa-rét, nó đã trở thành một Phúc Âm được yêu thích cho tín hữu Hy Lạp người Ngoại và người theo trí huệ giáo.

## V. MỤC ĐÍCH VIẾT SÁCH

- A. Chính Phúc Âm khẳng định mục đích truyền giáo của nó, 20:30-31
1. cho người đọc Do Thái
  2. cho người đọc dân Ngoại
  3. cho người đọc thời mới bắt đầu trí huệ giáo
- B. Dường như có sự thúc đẩy bởi các sứ đồ
1. chống lại những tín đồ cực đoan của Giăng Báp-tít
  2. chống lại các giáo sư giả của trí huệ giáo (đặc biệt là Lời mở đầu); sự giảng dạy sai trật của trí huệ giáo cũng tạo bối cảnh lịch sử của các sách Tân Ước khác:
    - a. Ê-phê-sô
    - b. Cô-lô-se
    - c. các thư tín mục vụ (I Ti-mô-thê, Tít, II Ti-mô-thê)
    - d. 1 Giăng (1Giăng có chức năng như một lá thư mở đầu cho Phúc Âm)
- C. Có khả năng mục đích được viết trong 20:31 được dùng như là lời khích lệ cho giáo lý về sự kiên trì giữ vững đức tin và việc truyền giáo bởi sự nhất quán trong việc sử dụng THÌ HIỆN TẠI để mô tả sự cứu rỗi. Theo ý nghĩa này, thì Giăng giống như Gia-cơ, để cân bằng sự nhấn mạnh quá mức của thần học Phao-lô bởi một số nhóm người ở Tiểu Á (xem II Phi-e-rơ 3: 15-16). Điều đáng ngạc nhiên là truyền thống giáo hội đầu tiên xác định Giăng với Ê-phê-sô, không phải Phao-lô (*Phi-e-rơ, Ê-tiên, Gia-cơ và Giăng: Những Nghiên Cứu Cơ Đốc Giáo Không theo Thư Tin Phao-lô - Peter, Stephen, James and John: Studies in Non-Pauline Christianity* của F. F. Bruce, trang 120-121).
- D. Phần kết (đoạn 21) dường như trả lời các câu hỏi cụ thể của Hội thánh đầu tiên
1. Giăng bổ sung thêm các câu chuyện của các sách Tin Lành Cộng Quan. Tuy nhiên, ông tập trung vào chức vụ ở Giu-đa, đặc biệt là Giê-ru-sa-lem
  2. Hai câu hỏi được trả lời trong Phụ Lục, đoạn 21
    - a. sự khôi phục Phi-e-rơ
    - b. Tuổi thọ của Giăng
    - c. Chúa Giê-su trì hoãn trở lại
- E. Một số người cho rằng Giăng đã không nhấn mạnh chủ nghĩa bí tích bằng cách cố tình lờ đi và không ghi lại hoặc thảo luận các quy định cho dù có các cơ hội hoàn hảo trong đoạn 3 (cho bí tích rửa tội – báp-tem) và đoạn 6 (dành cho Bí tích Thánh Thể hoặc Bữa tiệc của Chúa – Tiệc Thánh)

## VI. BỐ CỤC DỰA TRÊN

- A. Lời mở đầu triết học / thần học (1:1-18) và Lời kết thực tế (đoạn 21)
- B. Bảy phép màu dấu hiệu cho chức vụ công khai của Chúa Giê-su (đoạn 2-12) và cách giải kinh:
1. hóa nước thành rượu trong tiệc cưới ở Ca-na (2:1-11)
  2. chữa lành cho con trai của quan thị vệ tại Ca-pê-na-um (4:46-54)
  3. chữa lành người què tại hồ Bê-tết-đa ở Giê-ru-sa-lem (5:1-18)
  4. hóa bánh cho khoảng 5.000 ăn ở Ga-li-lê (6:1-15)
  5. đi bộ trên Biển hồ Ga-li-lê (6:16-21)
  6. chữa lành người mù bẩm sinh ở Giê-ru-sa-lem (9:1-41)
  7. khiến La-xa-rơ ở Bethany sống lại (11:1-57)
- C. Phỏng vấn và đối thoại với cá nhân
1. Giăng Báp-tít (1:19-34; 3: 22-36)
  2. các môn đồ

- a. Anh-rê và Ph-e-rơ (1:35-42)
- b. Phi-líp và Na-tha-na-ê (1:43-51)
- 3. Ni-cô-đem (3:1-21)
- 4. người đàn bà Sa-ma-ri (4:1-45)
- 5. Người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem (5:10-47)
- 6. đám đông ở Ga-li-lê (6:22-66)
- 7. Phi-e-rơ và các môn đồ (6:67-71)
- 8. Anh em của Chúa Giê-su (7:1-13)
- 9. Người Do Thái ở Giêrusalem (7:14-8: 59; 10:1-42)
- 10. môn đồ ở trên phòng cao (13:1-17:26)
- 11. bắt và xét xử bởi người Do Thái (18:1-27)
- 12. Phiên tòa La Mã (18:28-19:16)
- 13. cuộc trò chuyện sau-phụ sinh, 20:11-29
  - a. với Mary
  - b. với mười Sứ Đồ
  - c. với Thô-ma
- 14. kết thúc với cuộc đối thoại với Phi-e-rơ, 21:1-25
- 15. (7:53-8:11, câu chuyện về người đàn bà ngoại tình, ban đầu không phải là một phần của Phúc âm Giảng!)

D. Những ngày lễ/ thờ phượng

- 1. ngày Sa-bát (5: 9; 7:22; 9:14; 19:31)
- 2. Lễ Vượt Qua (2:13; 6: 4; 11:55; 18:28)
- 3. Lễ Lều Tạm (đoạn 8-9)
- 4. Hanukkah (lễ hội ánh sáng, xem 10:22)

E. Các câu nói “Ta Là”

- 1. “Ta là ‘Đấng Ấy’” (4:26; 8:24,28; 13:19; 18:5-6,8)
- 2. “Ta là bánh hằng sống” (6:35, 41, 48, 51)
- 3. “Ta là ánh sáng của thế gian” (8:12)
- 4. “Ta là cánh cửa của chuồng chiên” (10:7,9)
- 5. “Ta là người chăn hiền lành” (10:11, 14)
- 6. “Ta là sự sống lại và là sự sống” (11:25)
- 7. “Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống” (14:6)
- 8. “Ta là gốc nho thật” (15:1,5)

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

- 1. Ngôi Lời, 1:1
- 2. tin, 1:7
- 3. “thế gian được làm nên bởi Ngài”, 1:10
- 4. “Ngôi Lời đã trở nên xác thịt”, 1:14
- 5. lẽ thật, 1:17
- 6. Tiên tri, 1:21
- 7. “Chiên Con của Đức Chúa Trời,” 1:29
- 8. “như chim bồ câu”, 1:32
- 9. ra-bi, 1:38
- 10. “Quả thật, quả thật” 1:51
- 11. “các thiên sứ của Đức Chúa Trời lên xuống”, 1:51
- 12. “6 cái chén đá”, 2: 6
- 13. “ người lãnh đạo dân Do Thái”, 3: 1
- 14. “sinh lại”, 3: 3

15. “Con Người cũng phải bị treo lên”, 3:14; 12:34
16. “sự sống đời đời”, 3:16
17. “Ta là bánh sự sống”, 6:35,48
18. “Lễ Lều Tạm”, 7: 2
19. “ông bị quỷ ám rồi”, 7:20; 8:48; 10:20
20. kiêu bào (diaspora), 7:35
21. “Chúa Giê-su chưa được tôn vinh”, 7:39
22. “trước khi Áp-ra-ham ra đời, đã có Ta”, 8:58
23. “bị khai trừ ra khỏi nhà hội”, 9:22
24. “cửa chiên”, 10:7
25. “Lễ Kỷ Niệm Cung Hiến Đền Thờ”, 10:22
26. phạm thượng, 10:36
27. “tìm một con lừa con, ngồi trên nó”, 12:14
28. “giò”, 12:23
29. “thì Satan nhập vào lòng anh ta”, 13:27
30. “điều răn mới”, 13:34
31. “chỗ ở”, 14:2
32. “ở trong Ta”, 15:4
33. “ngước mắt lên trời”, 17:1
34. “Đức Chúa Trời là duy nhất và chân thật”, 17: 3
35. “từ trước khi sáng thế”, 17:24
36. đánh đòn, 19:1
37. Ga-ba-tha, 19:13
38. Gô-gô-tha, 19:17
39. “yêu cầu Phi-lát cho đánh gãy ống chân như những người ấy”, 19:31
40. “ngày Chuẩn Bị của người Do Thái”, 19:42

### VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Giăng, 1:6
2. Con của Đức Chúa Trời, 1:34
3. Mê-si-a, 1:41
4. Cai-phe, 1:42
5. Ni-cô-đem, 3:1
6. Tiên Tri, 7:40
7. La-xa-rô, 11:2
8. Đi-đim, 11:16
9. Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, 13:2
10. Đấng Giúp Đỡ, 18:10
11. An-ne, 18:24
12. Ma-ri vợ của Cơ-lê-ô-pa, 19:25

### IX. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ TRÊN ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Ga-li-lê, 1:43
2. Na-xa-rét, 1:45
3. Ca-na, 2:1
4. Ca-bê-na-um, 2:12
5. A-t-nôn gần Sa-lim, 3:23
6. Sa-ma-ri, 4:4
7. Ti-bê-ri-át, 6:1
8. Bết-lê-hem, 7:42

9. Bết-tha-ny, 11:1
10. Kết-rôn, 18:1
11. Biển Ti-bê-ri-át, 21:1

## X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao Giăng 1:1 rất quan trọng?
2. Tại sao phép báp-tem của Giăng không bình thường?
3. Sinh lại có nghĩa gì?
4. Tại sao “tin” và “vâng lời” có liên quan trong 3:35?
5. 4:24 có nghĩa gì?
6. Tại sao Giăng. 5:4 lại ở trong ngoặc đơn?
7. 9:2 có hàm ý về sự tái nhập thể không? Nếu không, giải thích tại sao không?
8. Giải thích sự chiêm biếm của 9:41
9. Giải thích 10:34-35 trong ngôn từ của bạn.
10. Tại sao Chúa Giê-su lại rửa chân cho các môn đồ trong đoạn 13? Bối cảnh của đoạn 13-17 là gì?
11. Tại sao Giăng 14:6 rất quan trọng?
12. Tại sao Giăng 14:23 rất quan trọng?
13. Giải thích Giăng 15:16
14. Giăng 17 được gọi là “Bài Cầu Nguyện của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm Chúa Giê-su”. Ngài cầu nguyện cho ba nhóm người, xin liệt kê chúng.
15. Giải thích sự luân phiên giữa Chúa Giê-su và Phi-lát trong Giăng 18:33-38?
16. Các môn đồ đã nhận Đức Thánh Linh trong 20:22 hay tại Lễ Ngũ Tuần trong Công.1?
17. Tại sao Giăng 20:31 quan trọng?

# GIỚI THIỆU CÔNG VỤ CÁC SỨ ĐỒ

## I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Công Vụ Các Sứ Đồ tạo mối liên kết không thể thiếu giữa các tường thuật về cuộc đời của Chúa Giê-su (các sách Phúc Âm), sự rao giảng của họ trong Công Vụ, sự giải nghĩa của họ và áp dụng trong các Thư Tín của các Sứ Đồ trong Tân Ước.
- B. Hội thánh đầu tiên đã phát triển và lưu hành hai bộ sưu tập các tác phẩm Tân Ước: (1) Phúc Âm (bốn sách Phúc Âm) và (2) Sứ đồ (tức là các thư tín của Phao-lô). Tuy nhiên, với những dị giáo Cơ Đốc đầu tiên của thế kỷ thứ hai, giá trị của sách Công Vụ trở nên rõ ràng. Công Vụ trình bày nội dung và mục đích của việc rao giảng của các sứ đồ (*kerygma*) và kết quả tuyệt vời của phúc âm.
- C. Tính chính xác về lịch sử của Công Vụ đã được nhấn mạnh và xác nhận bởi những khám phá khảo cổ học hiện đại, đặc biệt là liên quan đến chức danh các quan chức chính phủ La Mã (ví dụ, *stratēgoi*, 16: 20, 22, 35, 36 [cũng được sử dụng bởi các đội trưởng của đền thờ, Lu-ca 22: 4, 52; Công vụ 4: 1; 5: 24-26]; *chính trị gia - politarchas*, 17: 6, 8; và *prōtō*, Công. 28: 7, xem A. N. Sherwin-White, *Xã hội La Mã và Luật La Mã trong Tân Ước - Roman Society and Roman Law in the New Testament*). Luca ghi lại những căng thẳng trong hội thánh đầu tiên, thậm chí là cuộc chiến giữa Phao-lô và Ba-na-ba (xem Công vụ 15:39). Điều này phản ánh đây là một nghiên cứu lịch sử / thần học công bằng, cân xứng.
- D. Trong các bản văn cổ tiếng Hy Lạp thì tựa đề của sách được tìm thấy trong các hình thức hơi khác:
1. Bản thảo  $\kappa$  (Sinaiticus), Tertullian, Didymus, Eusebius có xuất hiện chữ “Công Vụ” (ASV, NIV)
  2. Bản thảo B (tức là, Vaticanus), D (tức là Bezae) trong vài tài liệu, Irenaeus, Tertullian, Cyrian, Athanaius có chữ “Công Vụ của các Sứ Đồ” (KJV, RSV, NEB)
  3. Bản thảo A<sup>2</sup> (tức là, bản sửa lần đầu tiên của Alexandrinus), E, G, Chrysostom có chữ “Công Vụ của các Sứ Đồ Thánh”

Có khả năng từ Hy Lạp *praxeis*, *praxis* (có nghĩa là công việc, hành vi, cách thức, hành động, thực hành) phản ánh một thể loại văn học Địa Trung Hải cổ đại, trình bày cuộc sống và hành động của những nổi tiếng có tầm ảnh hưởng (như Giăng, Phi-e-rơ, Ê-tiên, Phi-líp và Phao-lô). Có lẽ ban đầu sách này không có tựa đề (cũng giống như Phúc Âm Luca).

- E. Có hai bản văn truyền thống riêng biệt của Công Vụ. Cái ngắn hơn là Alexandrian (MSS P<sup>45</sup>, P<sup>74</sup>,  $\kappa$ , A, B, C). Nhóm gia đình bản thảo phương Tây (P<sup>29</sup>, P<sup>38</sup>, P<sup>48</sup> và D) dường như chứa nhiều chi tiết hơn. Không rõ những chi tiết này xuất thân từ tác giả hay được chèn vào bởi các thầy chép kinh sau này, dựa vào truyền thống hội thánh đầu tiên. Hầu hết các học giả bản văn tin rằng các bản thảo phương Tây có bổ sung sau này vì (1) họ viết trôi chảy hoặc cố gắng sửa các văn bản bất thường, khó hiểu; (2) bổ sung thêm các chi tiết; (3) thêm các cụm từ cụ thể để làm nổi bật Chúa Giê-su là Đấng Christ; và (4) không được trích dẫn bởi bất kỳ các tác giả Cơ Đốc đầu tiên khoảng trong ba thế kỷ đầu tiên (F. F. Bruce, Công vụ: *Văn bản Tiếng Hy Lạp*, trang. 69-80). Để chi tiết hơn xin tham khảo *Chú Giải Kinh Bản Văn Tân Ước tiếng Hy Lạp - Textual Commentary on the Greek New Testament* của Bruce M. Metzger, được xuất bản bởi Hiệp Hội Kinh Thánh Hoa Kỳ, trang 259-272.

Bởi vì số lượng thêm vào sau là rất lớn, nên chú giải kinh này sẽ không giải quyết được tất cả các bản văn tùy chọn. Chỉ có những biến thể bản văn nào là rất quan trọng để giải nghĩa, chỉ và chỉ khi đó nó sẽ được xử lý với trong tập chú giải kinh này.

## II. TÁC GIẢ

- A. Sách ẩn danh, nhưng Luca được ngụ ý mạnh mẽ về chính mình trong sách.
1. Các phân đoạn “chúng ta” được xuất hiện cách độc đáo và đáng ngạc nhiên, 16:10-17 (hành trình truyền giáo thứ hai tại thành Phi-líp); 20:5-15; 21:1-18 (cuối hành trình truyền giáo thứ ba)



- và 27:1-28:16 (Phao-lô bị gửi như là tù nhân đến Rô-ma) ngụ ý mạnh mẽ Luca là tác giả.
2. Mọi liên hệ rõ ràng giữa Phúc Âm thứ ba và Công Vụ khi so sánh Lu-ca 1:1-4 với Công.1:1-2.
  3. Lu-ca, một thầy thuốc người Ngoại, được đề cập trong Cô-lô-se 4:10-14, Phi-lê-môn 24 và II Ti-mô-thê 4:11 như một người bạn đồng hành với Phao-lô. Luca là nhà văn người Ngoại duy nhất trong Tân Ước.
  4. Các chứng nhân của hội thánh đầu tiên nhất trí Luca là tác giả.
    - a. Fragment Muratorian (180-200 SCN từ Rô-ma viết, “được biên soạn bởi thầy thuốc Luca”)
    - b. các tác phẩm của Irenaeus (130-200 SCN)
    - c. các tác phẩm của Clement của Alexandria (156-215 SCN)
    - d. các tác phẩm của Tertullian (160-200 SCN)
    - e. các tác phẩm của Origen (185-254 SCN)
  5. Các nội chứng về từ vựng và văn phong (đặt biệt là những thuật ngữ y học) khẳng định Luca là tác giả (Sir William Ramsay và A. Harnack)
- B. Chúng ta có ba nguồn thông tin về Luca
1. Ba phân đoạn trong Tân Ước (Cô-lô-se 4: 10-4; Phi-lê-môn 24; II Ti-mô-thê 4:11) và chính sách Công Vụ)
  2. Lời mở đầu Anti-Marcion thế kỷ thứ hai cho rằng Luca (160-180 SCN)
  3. Sử gia đầu tiên của thế kỷ thứ tư, Eusebius, trong *Lịch sử Giáo hội* của ông, 3: 4, viết, “Luca, theo chủng tộc, người gốc An-ti-ốt, theo nghề nghiệp, một thầy thuốc, có mối quan hệ mật thiết với Phao-lô và đã đồng hành với các sứ đồ còn lại, ông đã để lại cho chúng ta những tấm gương về sự chữa lành linh hồn mà ông có được từ họ trong hai cuốn sách đầy cảm hứng này, Phúc Âm của Luca và Công Vụ Các Sứ Đồ.
  4. Đây là một hồ sơ tổng hợp của Luca.
    - a. người Ngoại (được liệt kê trong danh sách người giúp đỡ Cô-lô-se 4:12-14 với Ê-pháp-ra và Đê-ma; chứ không nằm trong danh sách người giúp đỡ Do Thái)
    - b. xuất thân tại An-ti-ốt của Sy-ri (nếu Phần mở đầu của Anti-Marcion cho Luca) hoặc Phi-líp của Ma-xê-đoan (quý ông William Ramsay trong Công.16:19)
    - c. một thầy thuốc (xem Cô-lô-se 4:14, hoặc ít nhất là một người có học thức)
    - d. cải đạo khi ông ở tuổi trưởng thành giữa sau khi hội thánh được bắt đầu tại An-ti-ốt (phần mở đầu Anti-Marcion)
    - e. người đồng hành với Phao-lô trong hành trình truyền giáo (các phần “chúng tôi” trong Công Vụ)
    - f. chưa kết hôn
    - g. đã viết Phúc Âm thứ ba và Công Vụ (hai phần giới thiệu, phong cách và từ vựng tương tự nhau)
    - h. qua đời ở tuổi 84 tại Boeotia
- C. Những thách thức về quyền tác giả của Luca
1. tại A-thên, Phao-lô giảng trên núi Mars Hill sử dụng các phạm trù triết học và thuật ngữ Hy Lạp để tạo một nền tảng chung (xem Công vụ 17), nhưng Phao-lô, trong Rô-ma. 1-2, dường như không liên quan gì đến nền tảng chúng nào (về bản chất, đạo đức bên trong của nhân chứng).
  2. Phao-lô giảng và bình luận trong Công Vụ mô tả ông là một Cơ Đốc Nhân Do Thái, người nghiêm túc tuân thủ Luật Môi-se, nhưng thư tín của Phao-lô lại phản đối Luật pháp và cho rằng Luật pháp vắn đề và lỗi thời.
  3. Sự giảng thuyết của Phao-lô trong Công Vụ không tập trung vào mạc thế như những sách đầu tay của ông (1 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca).
  4. Sự tương phản về thuật ngữ, văn phong và nhấn mạnh rất thú vị, nhưng khó kết luận. Khi mà cùng một tiêu chí được áp dụng cho các sách Phúc Âm, Chúa Giê-su được tường thuật rất khác trong các sách Tin Lành Cộng Quan so với Chúa Giêsu của Giảng. Tuy nhiên, rất ít học giả sẽ phủ nhận rằng tất cả các sách Phúc Âm đều phản ánh cuộc đời của Chúa Giê-su.

- D. Khi thảo luận về quyền tác giả của Công Vụ, điều quan trọng là chúng ta thảo luận về các nguồn Luca đã sử dụng vì nhiều học giả (như C. C. Torrey,) tin rằng Luca đã sử dụng các tài liệu tiếng A-ram (hoặc truyền thống truyền khẩu) nhiều phần trong 15 chương đầu tiên. Nếu điều này là đúng, thì Luca chỉ là biên tập viên của tài liệu này, không phải là tác giả. Ngay cả trong các bài giảng sau này của Phao-lô, Luca chỉ cung cấp cho chúng ta một bản tóm tắt, không phải nguyên văn tường thuật. Việc Luca sử dụng các nguồn làm tài liệu là một câu hỏi quan trọng về quyền tác giả của sách.

### III. THỜI GIAN

- A. Có nhiều cuộc thảo luận và bất đồng về thời điểm viết sách Công Vụ, nhưng các sự kiện trong khoảng 30-63 SCN (Phao-lô được ra khỏi tù ở Rô-ma vào giữa những năm 60, rồi bị bắt lại và xử tử dưới thời Nê-rô, có lẽ trong cơn bắt bớ 65 SCN).
- B. Nếu giả định về bản chất sứ đồ của sách có liên quan đến chính quyền La Mã thì thời gian viết sách có thể là (1) trước 64 SCN (khởi đầu cuộc bắt bớ Cơ Đốc Nhân ở Rô-ma) và / hoặc (2) liên quan cuộc nổi dậy của người Do Thái trong 66-73 SCN.
- C. Nếu cố gắng liên kết sách Công Vụ với Phúc Âm Luca theo trình tự thời gian, thì thời gian viết Phúc Âm ảnh hưởng đến thời gian viết Công Vụ. Khi mà sự sụp đổ thành Giê-su-sa-lem bởi Titus vào năm 70 SCN là lời tiên tri (trong Lu-ca 21), nhưng không được mô tả, dường như nhất thiết thời gian viết sách là trước 70 SCN. Nếu vậy thì Công Vụ, như là phần tiếp theo của phúc âm, phải được viết vào những năm 80.
- D. Nếu việc kết thúc đột ngột gây phiền lòng (bởi Phao-lô vẫn còn ở trong tù ở Rô-ma, F. F. Bruce), thì thời gian viết sách liên quan đến sự kết thúc cầm tù đầu tiên tại La Mã của Phao-lô, 58-63 SCN, được ưa chuộng.
- E. Một vài niên đại lịch sử liên quan đến các sự kiện lịch sử được ghi lại trong Công vụ.
1. nạn đói lan rộng dưới thời Cơ-lốt, Công. 11:28, 44-48 SCN
  2. cái chết của Hê-rốt Ạc-ríp-pa I, Công. 12: 20-23, 44 SCN (mùa xuân)
  3. sự lãnh đạo tòa công luajaj của Sergius Paulus, Công. 13: 7, được bổ nhiệm vào 53 SCN
  4. trục xuất người Do Thái ra khỏi Rô-ma bởi Cơ-lốt, Công. 18: 2, 49 SCN (?)
  5. chức thống đốc của Ga-li-ô, Công. 18,12, 51 hoặc 52 SCN (?)
  6. chức thống đốc của Phê-lít, Công. 23:26; 24:27, năm 52-56 SCN (?)
  7. Phê-tu thay thế Phê-lít, Công. 24:27, 57-60 SCN (?)
  8. Các quan chức La Mã ở Giu-đa
    - a. Thống đốc
      - (1) Pôn-xơ Phi-lát, 26-36 SCN
      - (2) Marcellus, 36-37 SCN
      - (3) Marullus, 37-41 SCN
    - b. Trong năm 41 SCN, phương pháp giám tuyển hành chính của chính quyền La Mã đã được thay đổi thành một mô hình đế chế. Hoàng đế La Mã, Cơ-lốt, đã bổ nhiệm Hê-rốt Ạc-ríp-pa I vào năm 41 SCN.
    - c. Sau khi Hê-rốt Ạc-ríp-pa I qua đời năm 44SCN, phương pháp giám tuyển được tái thành lập cho đến năm 66 SCN
      - (1) An-tô-ni Phê-lít
      - (2) Pốt-tiu Phê-tu

### IV. MỤC ĐÍCH VÀ CẤU TRÚC

- A. Một mục đích của sách Công Vụ là ghi lại sự tăng trưởng nhanh chóng của những người theo Chúa Giê-su: chức vụ từ người có gốc Do Thái gia tăng trên toàn thế giới, từ phòng cao đến công đường của

Sê-sa:

1. Trình tự địa lý này theo Công. 1:8, Đại Mạng Lệnh của Công Vụ (Mat.28:19-20).
2. Sự mở rộng địa lý này được thể hiện theo nhiều cách.
  - a. Sử dụng các thành phố lớn và biên giới quốc gia. Trong Công vụ có 32 quốc gia, 54 thành phố và 9 đảo Địa Trung Hải được đề cập. Ba thành phố lớn là Giê-ru-sa-lem, An-ti-ốt và Rô-ma (Công vụ 9:15).
  - b. Sử dụng người chủ chốt. Công Vụ gần như có thể được chia thành hai nửa: chức vụ của Phi-e-rơ và chức vụ của Phao-lô. Có hơn 95 người được đề cập trong Công vụ, nhưng những người chính là: Phi-e-rơ, Ê-tiên, Phi-líp, Ba-na-ba, Gia-cơ và Phao-lô.
  - c. Có hai hoặc ba hình thức văn học xuất hiện lặp đi lặp lại trong Công Vụ dường như phản ánh nỗ lực có ý thức của tác giả về cấu trúc:

(1) các câu tóm tắt	(2) các câu tăng trưởng	(3) sử dụng con số
1:1 - 6:7 (trong Giê-ru-sa-lem)	2:47	3:41
6:8 - 9:31 (trong Pa-lét-tin)	5:14	4:4
9:32 - 12:24 (đến An-ti-ốt)	6:7	5:14
12:25 - 15:5 (đến Tiểu Á)	9:31	6:7
16:6 - 19:20 (đến Hy-Lạp)	12:24	9:31
19:21 - 28:31 (đến Rô-ma)	16:5	11:21,24
	19:20	12:24
		14:1
		19:20

- B. Công Vụ rõ ràng có liên quan đến việc giải thích về sự hiểu lầm xung quanh cái chết của Chúa Giê-su vì tội phản quốc. Rõ ràng, Luca đang viết cho người Ngoại (Thi-ô-phi-lơ, có thể là một quan chức La Mã). Ông đã sử dụng (1) bài giảng của Phi-e-rơ, Ê-tiên và Phao-lô để cho thấy mưu đồ của người Do Thái và (2) phản ứng tích cực của các quan chức chính phủ La Mã đối với Cơ Đốc Giáo. Người La Mã không có gì phải sợ tin đồ của Chúa Giê-su.
1. bài giảng của các lãnh đạo Cơ Đốc
    - a. Phi-e-rơ, 2:14-40; 3:12-26; 4:8-12; 10:34-43
    - b. Ê-tiên, 7:1-53
    - c. Phao-lô, 13:10-42; 17:22-31; 20:17-25; 21:40-22:21; 23:1-6; 24:10-21; 26:1-29
  2. liên quan đến quan chức chính quyền
    - a. Pôn-xơ Phi-lát, Luca 23:13-25
    - b. Sê-gút Phao-lút, Công. 13:7,12
    - c. các quan tòa tại thành Phi-líp, Công. 16:35-40
    - d. Ga-li-ôn, Công. 18:12-17
    - e. người lãnh đạo ở Ê-phê-sô, Công. 19:23-31 (đặc biệt c.31)
    - f. Cơ-lốt Ly-si-a, Công. 23:29
    - g. Phê-lít, Công. 24
    - h. Pôn-tít Phê-tu, Công. 24
    - i. Ạc-ríp-pa II, Công. 26 (đặc biệt c.32)
    - j. Púp-li-u, Công. 28:7-10
  3. Khi so sánh các bài giảng của Phi-e-rơ và Phao-lô, rõ ràng Phao-lô không phải là người đổi mới, nhưng là người rao giảng trung tín về các lẽ thật của phúc âm và sứ đồ. *Kerygma* là hợp nhất!
- C. Luca không chỉ bảo vệ Cơ Đốc Giáo trước chính quyền La Mã, mà còn bảo vệ Phao-lô trước giáo hội người Ngoại. Phao-lô đã nhiều lần bị tấn công bởi các nhóm Do Thái (Do Thái Giáo tại Galati, các “siêu sứ đồ” của Do Thái Giáo trong 2Côr. 10-13; và các nhóm Hy Lạp (trí huệ giáo của Cô-lô-se và Ê-phê-sô). Luca cho thấy Phao-lô giản dị trình bày rõ ràng tâm lòng và thần học của ông trong các hành trình truyền giáo và bài giảng của ông.
- D. Mặc dù Công Vụ không có ý định trở thành một sách giáo lý, nhưng nó ghi lại cho chúng ta các yếu

tổ bài giảng của các sứ đồ thời kỳ đầu mà C. H. Dodd đã gọi là “lời *Kerygma*” (những sự thật cần thiết về Chúa Giê-su). Điều này giúp chúng ta thấy những gì họ cảm thấy là điều cốt yếu của phúc âm, đặc biệt là khi họ liên quan đến cái chết và sự phục sinh của Chúa Giê-su.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỜI *KERYGMA* CỦA HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN

### The *Kerygma* Of The Early Church

- A. Những lời hứa của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước đã được ứng nghiệm trong sự xuất hiện của Chúa Giê-su, Đấng Mê-si-a (Công vụ 2:30; 3: 19,24; 10:43; 26:6-7,22; Rô-ma 1:2-4; 1 Ti-mô-thê 3:16; Hê-bơ-rơ 1:1-2; 1 Phi-e-rơ 1:10-12; 2 Phi-e-rơ 1:18-19).
- B. Chúa Giê-su được Đức Chúa Trời xức dầu là Đấng Mê-si-a tại phép báp-tem Ngài (Công vụ 10:38).
- C. Chúa Giê-su bắt đầu chức vụ của Ngài tại Ga-li-lê sau khi chịu phép báp-tem (Công vụ 10:37).
- D. Chức vụ của Ngài đặc trưng là làm lành và thực hiện các công việc oai nghi bằng quyền năng của Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Công vụ 2:22; 10:38).
- E. Đấng Mê-si-a bị đóng đinh theo mục đích đời đời của Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Giăng 3:16; Công vụ 2:23; 3: 13-15,18; 4:11; 10:39; 26:23; Rô. 8:34; 1 Côr. 1: 17-18; 15: 3; Gal. 1: 4; Hê 1: 3; 1 Phi-e-rơ 1: 2,19; 3:18; 1 Giăng 4:10).
- F. Ngài đã sống lại từ cõi chết và hiện ra với các môn đồ Ngài (Công vụ 2:24,31-32; 3:15,26; 10: 40-41; 17:31; 26:23; Rô. 8:34; 10:9; 1 Côr. 15: 4-7,12ff; 1 Tê. 1:10; 1 Tim. 3:16; 1 Phi. 1: 2; 3: 18,21).
- G. Chúa Giê-su được Đức Chúa Trời tôn vinh và ban cho cái tên là “Chúa – Lord” (Công vụ 2: 25-29,33-36; 3:13; 10:36; Rô-ma 8:34;10: 9; 1 Tim. 3:16; Hê 1:3; 1 Phi. 3:22).
- H. Ngài đã ban Đức Thánh Linh để thành lập cộng đồng mới của Đức Chúa Trời (Công vụ 1: 8; 2: 14-18,38-39; 10: 44-47; 1 Phi-e-rơ 1:12).
- I. Ngài sẽ trở lại để phán xét và phục hồi tất cả mọi thứ (Công vụ 3:20-21; 10:42; 17:31; 1 Côr. 15:20-28; 1 Tê. 1:10).
- J. Tất cả những ai nghe sứ điệp ăn năn và chịu phép báp-tem (Công vụ 2:21,38; 3:19; 10:43,47-48; 17:30; 26:20; Rô. 1:17; 10: 9; 1 Phi 3:21).

Lược đồ này phục vụ như là tuyên bố thiết yếu của hội thánh đầu tiên, mặc dù các tác giả khác nhau của Tân Ước có thể bỏ qua một phần hoặc nhấn mạnh các chi tiết khác trong bài giảng của họ. Toàn bộ Phúc Âm của Mác theo sát tính lý Phi-e-rơ của *kerygma*. Theo truyền thống, Mác được xem là những bài giảng theo cấu trúc của Phi-e-rơ, được rao giảng ở Rô-ma, thành sách Phúc Âm theo văn bản. Cả Ma-thi-ơ và Luca đều theo cấu trúc cơ bản của Mác.

- E. Frank Stagg trong chú giải kinh của ông, *Sách Công Vụ, Khó Khăn Đầu Tiên cho Phúc Âm Không Rào Cản* (*The Book of Acts, the Early Struggle for an Unhindered Gospel*) khẳng định mục đích chủ yếu là phong trào lan rộng sứ điệp về Chúa Giê-su (phúc âm) từ một đạo Do Thái mang tính dân tộc nghiêm ngặt đối với thông điệp phổ quát cho tất cả mọi người. Chú giải của Stagg tập trung vào (các) mục đích Luca trong việc viết sách Công Vụ. Một bản tóm tắt và phân tích tốt về các lý thuyết khác nhau là tìm thấy trên trang 1-18. Stagg chọn tập trung vào thuật ngữ “không bị cản trở” trong 28:31, một kết thúc không bình thường, là chìa khóa để hiểu Luca nhấn mạnh vào sự lan rộng của Cơ Đốc Giáo vượt qua mọi rào cản.
- F. Mặc dù Đức Thánh Linh được nhắc đến hơn 50 lần trong Công Vụ, nhưng đó không phải là “Công Vụ của Đức Thánh Linh.” Có 11 chương mà Đức Thánh Linh không hề được đề cập. Ngài chỉ được nhắc đến thường xuyên nhất trong nửa đầu Công Vụ, nơi Lu-ca đang trích dẫn các nguồn khác (có thể bản gốc được viết bằng tiếng A-ram). Công Vụ không phải chỉ dành cho Đức Thánh Linh mà là Phúc Âm cho Chúa Giê-su! Điều này không có nghĩa là mất giá trị của Đức Thánh Linh, nhưng để bảo vệ chúng ta khỏi việc xây dựng một nền thần học chủ yếu và độc nhất về Đức Thánh Linh trong sách Công Vụ.

G. Sách Công Vụ không được thiết kế để dạy giáo lý (xem Fee và Stuart, *Cách Đọc Kinh Thánh Cho Tất Cả Giá Trị Của Nó - How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 94-112). Một ví dụ về điều này là nỗ lực tạo ra một nền tảng thần học về sự cải đạo từ Công Vụ là hoàn toàn thất bại. Thứ tự và các yếu tố cải đạo trong Công Vụ hoàn toàn khác nhau; vậy, khuôn mẫu chuẩn là gì? Chúng ta phải tìm đến các Thư Tín để được giúp đỡ về giáo lý.

Tuy nhiên, điều thú vị là một số học giả (Hans Conzelmann) đã nhìn thấy Luca cố tình tái định hướng thuyết mạc thế đang diễn ra cách cấp bách trong thế kỷ thứ nhất với cách tiếp cận kiên nhẫn như với bệnh nhân ông cho họ biết thời Kỳ Tái Lâm còn trì hoãn trong thời của họ. Vương quốc hiện tại đang ở đây và đây quyền lực, thế nên hãy người nghe hãy thay đổi cuộc sống. Hiện thời chức năng của hội thánh trở thành trọng tâm, không phải là một hy vọng cho thời tận thế.

H. Có thể một mục đích khác của Công Vụ cũng tương tự như Rôm. 9-11, tại sao người Do Thái từ chối Đấng Mê-si-a Do Thái và tại sao hội thánh chủ yếu là người Ngoại? Một số nơi trong Công Vụ trên toàn thế giới Phúc Âm rõ ràng đang được loan báo. Chúa Giê-su sai toàn bộ những người theo Ngài vào thế gian (1: 8). Người Do Thái từ chối Ngài, nhưng người Ngoại đáp ứng với Ngài. Sứ điệp của ông vươn đến Rô-ma.

Có thể mục đích của Luca trình bày Cơ Đốc Giáo Do Thái (theo Phi-e-rơ) và Cơ Đốc Giáo người Ngoại (theo Phao-lô) có thể cùng nhau sống và phát triển! Chúng không cạnh tranh nhau, nhưng cùng tham gia truyền giáo thế giới.

I. Liên quan đến mục đích, tôi đồng ý với F. F. Bruce (tức là, *Chú Giải Kinh Quốc Tế Mới - New International Commentary*, tr.18) vì Lu-ca và Công Vụ ban đầu là một bộ, nên phần mở đầu của Lu-ca (1:1-4) cũng có chức năng cho Công Vụ. Luca mặc dù không phải là nhân chứng tận mắt cho tất cả các sự kiện, nhưng ông đã cẩn thận nghiên cứu chúng và ghi lại một cách chính xác, sử dụng khuôn mẫu lịch sử, văn học, thần học của riêng mình.

Sau đó Luca, trong cả Phúc Âm và tường thuật câu chuyện, muốn trình bày thực tế lịch sử và thần học đáng tin cậy (Luca 1:4) của Chúa Giê-su và Hội thánh. Có thể trọng tâm của Công Vụ là chủ đề về sự ứng nghiệm (không bị ngăn trở, xem 28:31, là từ kết thúc của sách). Chủ đề này là được truyền tải bởi một số từ và cụm từ khác nhau (xem *Giải Nghĩa sách Công Vụ - Interpreting the Book of Acts*, trang 23-24 của Walter L. Liefeld). Phúc Âm không phải là một suy-nghi-theo-sau, kế hoạch B, hoặc một điều mới. Nó là chương trình cứu chuộc được định trước của Đức Chúa Trời (xem Công vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29).

## V. THỂ LOẠI

A. Công Vụ đối với Tân ước, cũng giống như Giô-suê và 2 Các Vua đối với Cựu ước, tường thuật lịch sử. Tường thuật lịch sử Kinh Thánh là thực tế, nhưng không tập trung vào trình tự thời gian hoặc ghi chép đầy đủ các sự kiện. Nó chọn một số sự kiện nhằm giải thích Đức Chúa Trời là ai, chúng ta là ai, chúng ta làm thế nào để dẫn đúng trước mặt Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời muốn chúng ta sống như thế nào

B. Vấn đề trong việc giải nghĩa văn tường thuật Kinh Thánh là tác giả không bao giờ đưa vào bản văn (1) mục đích của họ là gì, (2) lẽ thật chính là gì, hoặc (3) chúng ta nên mô phỏng những thứ được ghi lại như thế nào. Những người đọc cần suy nghĩ thông qua các câu hỏi sau đây:

1. Tại sao sự kiện được ghi lại?
2. Nó liên quan đến các tài liệu Kinh Thánh trước đó như thế nào?
3. Lẽ thật thần học trọng tâm là gì?
4. Bối cảnh văn học có quan trọng ở đây không? (Sự kiện nào xảy ra trước hoặc sau nó? Chủ đề này có được nhắc đến ở nơi khác không?)
5. Bối cảnh Văn học rộng bao nhiêu? (đôi khi độ lớn của câu chuyện có thể hình thành một chủ đề hay mục đích thần học.)

C. Tường thuật lịch sử không nên là nguồn duy nhất cho giáo lý. Thông thường mọi thứ được ghi lại

ngẫu nhiên với mục đích của tác giả. Tương thuật lịch sử có thể minh họa những lễ thật được ghi lại ở nơi khác trong Kinh Thánh. Không phải chuyện gì đó xảy ra đều là ý Chúa cho tất cả các tín hữu ở mọi lứa tuổi (ví dụ: tự tử, đa thê, thánh chiến, nắm rắn trong tay, v.v.).

- D. Cuộc thảo luận ngắn gọn nhất về cách diễn giải nghĩa câu chuyện lịch sử là tác phẩm của Gordon Fee và Douglas *Làm Thế Nào Để Đọc Kinh Thánh Cho Tất Cả Giá Trị Của Nó*, trang 78-93 và 94-112

## VI. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Những cuốn sách mới viết về Công Vụ trong bối cảnh thế kỷ đầu tiên được sản xuất bởi những người theo chủ nghĩa cổ điển. Cách tiếp cận liên ngành này đã thực sự giúp ích cho việc hiểu biết về Tân Ước. Loạt bài học của Bruce M. Minter đã được hiệu đính.

- A. *Sách Công Vụ trong Bối Cảnh Văn Học Cổ Đại*
- B. *Sách Công Vụ trong Bối Cảnh Hy Lạp – La Mã*
- C. *Sách Công Vụ và Sự Chăm Tù của Phao-lô tại Rô-ma*
- D. *Sách Công Vụ trong Bối Cảnh Pa-lét-tin*
- E. *Sách Công Vụ trong Bối Cảnh người Di Dân*
- F. *Sách Công Vụ trong Bối Cảnh Thần Học của nó*

Những sách hữu ích:

- 1. A. N. Sherwin-White, *Xã hội và Luật La Mã trong Tân Ước*
- 2. Paul Barnett, *Chúa Giê-su và Sự Nổi Dậy của Cơ Đốc Giáo Đầu Tiên*
- 3. James S. Jeffers, *Thế Giới Hy Lạp – La Mã*

## VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

- 1. “lấy nhiều chứng cứ”, 1:3
- 2. “bốn mươi ngày”, 1:3
- 3. “vương quốc của Đức Chúa Trời,” 1:3
- 4. “đám mây tiếp Ngài”, 1:9
- 5. “cách một quãng đường đi một ngày Sa-bát”, 1:12
- 6. “Ruộng Huyết”, 1:19
- 7. “bắt thăm”, 1:26
- 8. “Lễ Ngũ Tuần”, 2:1
- 9. “đầy đầy Đức Thánh Linh”, 2:4
- 10. “bắt đầu nói các ngôn ngữ khác”, 2:4
- 11. “người mới theo đạo”, 2:10; 13:43
- 12. “theo kế hoạch đã định và sự biết trước của Đức Chúa Trời”, 2:23
- 13. “nơi Âm Phủ”, 2:31
- 14. “ở bên phải Đức Chúa Trời”, 2:23
- 15. “ăn năn”, 2:38, 3:19
- 16. “lễ bẻ bánh”, 2:42, 46
- 17. “buổi cầu nguyện”, 3:1
- 18. “bổ thí”, 3:2
- 19. “hiên cửa của Sa-lô-môn”, 3:11; 5:12
- 20. “Đấng Thánh và Đấng Công Chính”, 3:14
- 21. “thời gian của sự tươi mới”, 3:19
- 22. “tâm thường, ít học”, 4:13
- 23. “thì ông ngữ”, 7:60
- 24. “con Đường”, 9:2

25. “đặt tay trên”, 9:12 (8:17)
26. “binh đoàn”, 10:1
27. “Cơ Đốc Nhân”, 11:26
28. “bói khoa”, 16:16
29. “và cả gia đình ông”, 16:33
30. “Phái Khoái Lạc”, 17:18
31. “Phái Khắc Kỷ”, 17:18
32. “A-rê-ô-pa”, 17:22
33. “mấy thầy phù thủy người Do Thái”, 19:13
34. “phù phép... sách vở”, 19:19
35. “nữ thần Đi-anh bằng bạc”, 19:24

#### VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Thi-ô-phi-lơ, 1:1
2. những người phụ nữ, 1:14
3. Ma-thia, 1:23
4. Sa-đu-sê, 4:1; 5:17
5. An-ne, 4:6
6. Cai-phe, 4:6
7. “lãnh đạo và quý trưởng lão”, 4:8
8. A-na-nia, 5:1; 9:10
9. Sa-phi-a, 5:1
10. Ga-ma-li-ên, 5:34
11. Ê-tiên, 6:5
12. Sau-lơ, 7:58; 8:1; 9:1
13. Phi-líp, 8:5
14. Đô-ca, 9:36
15. Cột-nây, 10:1
16. A-ga-bút, 11:28; 21:10
17. Ô-tích, 20:9

#### IX. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ TRÊN ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Giê-ru-sa-lem, 1:
2. Giu-đa, 1:8
3. Sa-ma-ri, 1:8
4. Bạt-thê, 2:9
5. Cáp-pa-đốc, 2:9
6. Bông, 2:9
7. Asia, 2:9
8. Phi-ri-gi, 2:10
9. Pam-phi-ly, 2:10
10. Ai-cập, 2:10
11. Li-by, 2:10
12. Sy-ren, 2:10
13. Cờ-rét, 2:10
14. Na-xa-rét, 2:22
15. A-léc-xan-đơ, 6:9
16. Si-li-si, 6:9
17. Đa-mách, 9:2
18. Sê-sa-rê
19. Gióp-bê, 9:36

20. Phê-ni-xi, 11:19
21. Sy-ren, 11:20
22. Tạt-sơ, 11:25
23. Si-đôn, 12:20
24. Phi-líp, 16:12
25. Bê-rê, 17:10
26. A-thên, 17:16
27. Cô-rinh-tô, 18:1

## X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. 1:6 mặc khải sự thiếu hiểu biết của các Sứ Đồ như thế nào?
2. 1:8 liên quan đến Mat.28:19-20 như thế nào?
3. Liệt kê những phẩm hạnh của một sứ đồ (1:22)
4. Tại sao “gió” và “lửa” được liên hệ với Đức Thánh Linh? (2:2-3)
5. Giải thích phép màu trong 2:8
6. Phi-e-rơ trích lời tiên tri của Giê-ên được ứng nghiệm. Vậy bạn giải thích 1:17 và 19-20 như thế nào?
7. Tầm quan trọng thần học của việc Giê-su được gọi là “Chúa” và “Đấng Christ” là gì? (2:36)
8. 2:44 có phải đây là lệnh theo kinh thánh cho chủ nghĩa cộng sản? (xem. 4:34-35)
9. Giải thích sự hàm ý của 3:18
10. Giải thích làm như thế nào Cựu Ước được áp dụng cho Chúa Giê-su trong 4:11
11. Có phải việc đổ đầy Đức Thánh Linh luôn luôn gắn liền với việc làm chứng trong Công Vụ?
12. Liệt kê những phẩm hạnh của “Bảy Người” được chọn trong Công Vụ 6. Phải chăng họ là chấp sự?
13. Tại sao Sau-lơ nổi điên với Cơ Đốc Nhân? (8:1-3)
14. 8:15-16 cung cấp cho tín hữu hiện đại trình tự cần có cho sự cứu rỗi phải không?
15. Mục đích của việc nói tiếng lạ trong 10:44-48?
16. Tại sao đầu tiên Phao-lô giảng trong nhà hội địa phương? (13:5)
17. Chuyện gì đã xảy ra với Phao-lô và Ba-na-ba tại Lít-trơ khiến họ xé áo mình? (14:8-18)
18. Mục đích của Hội Đồng Công Luận Giê-ru-sa-lem trong Công Vụ 15 là gì?
19. Tại sao Phao-lô và Ba-na-ba cãi nhau? (15:36-41)
20. Tại sao Đức Thánh Linh ngăn cản Phao-lô không đến Asia? (16:6)
21. Tại sao lãnh đạo của thành phố nổi giận trong 16:35-40?
22. Bê-rét-sin và A-qui-la đã giúp đỡ A-pô-lô như thế nào? (18:24-28)
23. Tại sao 20:21 là câu quan trọng?
24. Hàm ý của 21:9 là gì?
25. Tại sao Phao-lô bị tù ở Giê-ru-sa-lem trong Công Vụ 21?
26. Giải thích 23:6-7 trong ngôn từ của bạn.



# GIỚI THIỆU RÔ-MA

## I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Rô-ma là sách giáo lý có hệ thống và lô-gic nhất của Sứ đồ Phao-lô. Nó đã bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh ở Rô-ma, do đó, nó là một tài liệu “đặc biệt”. Một điều gì đó đã xảy ra khiến Phao-lô viết thư. Tuy nhiên, đây là tác phẩm trung lập nhất của Phao-lô, cách Phao-lô đối diện với vấn đề (có thể là sự ghen tị giữa tín hữu Do Thái và lãnh đạo người Ngoại) là một sự trình bày rõ ràng về phúc âm và ý nghĩa áp dụng trong cuộc sống hàng ngày.
- B. Phao-lô trình bày phúc âm trong thư Rô-ma đã tác động đến đời sống của hội thánh trong mọi thời đại:
1. Augustin đã cải đạo trong 386 SCN khi đọc Rô-ma 13:13-14.
  2. Hiểu biết về sự cứu rỗi của Martin Luther đã thay đổi hoàn toàn vào năm 1513 SCN khi ông so sánh Thi thiên 31:1 với Rô-ma. 1:17 (Hab 2:4).
  3. John Wesley cải đạo vào năm 1738 SCN sau khi nghe bài giảng của Luther, về phần giới thiệu sách Rô-ma
- C. Biết La Mã là biết Cơ Đốc Giáo! Thư tín định hình cuộc đời và lời dạy của Chúa Giêsu thành sự thật nền tảng cho Giáo Hội của mọi thời đại.

## II. TÁC GIẢ

Chắc chắn Phao-lô là tác giả. Lời chào điển hình của ông được tìm thấy trong 1: 1. Người ta thường đồng ý rằng cái gai trong xác thịt của ông là thị lực kém, do đó ông không tự mình viết thư này, nhưng người chép thư, Tệt-tiu (xem 16:22).

## III. THỜI GIAN

- A. Thời gian viết được xác định cùng với quyền tác giả của thư tín Rô-ma là 56-58 SCN. Đây là một trong số ít sách Tân Ước có thời gian viết sách khá chính xác. Được thực hiện bằng cách so sánh Công vụ 20:2ff với Rô-ma 15:17ff. Rô-ma có lẽ được viết tại Cô-rinh-tô vào cuối hành trình truyền giáo thứ ba, ngay trước khi ông đi đến Giê-ru-sa-lem.

- B. Trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris:

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ốt	14:28; 15:2
2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		
Phi-lê-môn	đầu những năm 60		
Phi-líp	cuối 62-63		28:30-31
11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư			
1 Ti-mô-thê	63 (hay trễ hơn	Ma-xê-đoan	
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)	
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma	

#### IV. NGƯỜI NHẬN

Bức thư nêu điểm đến của nó là Rô-ma. Chúng ta không biết ai đã thành lập hội thánh tại Rô-ma:

- A. Có thể là một số người đã viếng thăm Giê-ru-sa-lem vào ngày Lễ Ngũ Tuần cải đạo và trở về nhà để bắt đầu hội thánh (xem Công vụ 2:10);
- B. Có thể là các môn đệ chạy trốn khỏi cuộc bắt bớ ở Giê-ru-sa-lem sau cái chết của Ê-tiên (Công vụ 8:4); hoặc là
- C. Có thể là những người cải đạo trong hành trình truyền giáo của Phao-lô đi đến Rô-ma. Phao-lô chưa bao giờ đến thăm hội thánh này, nhưng ông mong muốn (Công vụ 19:21). Ông có nhiều bạn bè ở đó (xem Rô-ma 16).

Rõ ràng kế hoạch của ông là ghé thăm Rô-ma trên đường đến Tây Ban Nha (Rô-ma 15:28) sau chuyến đi đến Giê-ru-sa-lem với “món quà yêu thương.” Phao-lô cảm thấy chức vụ của ông ở phía đông Địa Trung Hải đã kết thúc. Ông tìm kiếm cánh đồng mới (16:20-23). Người mang thư của Phao-lô từ Hy Lạp đến Rô-ma, dường như là một nữ chấp sự Phê-bê, người đang đồng hành cùng hướng (Rô-ma 16:1). Tại sao lại là bức thư này, nó có giá trị không khi được viết trên đường Cô-rinh-tô vào thế kỷ thứ nhất bởi một người Do Thái may mắn? Martin Luther gọi nó là “sách đứng đầu trong Tân Ước và Phúc Âm thuần túy nhất.” Giá trị của sách được tìm thấy trong thực tế rằng nó là một lời giải thích sâu-sắc về phúc âm bởi một ra-bi cải đạo, Sau-lô quê ở Tạt-xơ, được kêu gọi làm sứ đồ cho dân Ngoại. Hầu hết các thư tín của Phao-lô đều đậm nét tình huống địa phương, nhưng không ở Rô-ma. Đây là sự trình bày có hệ thống về đức tin trọn đời của một Sứ Đồ.

Hỡi Cơ Đốc Nhân, bạn có nhận ra, ngày nay hầu hết các thuật ngữ chuyên môn được sử dụng để miêu tả “đức tin” (“xung công chính”, “sự định tội”, “sự nhận làm con nuôi” và “sự thánh hóa”) đều có nguồn gốc từ La-Mã? Hãy cầu nguyện để Đức Chúa Trời mở bức thư tuyệt vời này cho bạn khi chúng ta cùng nhau tìm kiếm ý muốn của Ngài cho cuộc sống của chúng ta ngày hôm nay!

#### V. MỤC ĐÍCH

- A. Một lời kêu gọi giúp đỡ cho chuyến đi truyền giáo của ông đến Tây Ban Nha. Phao-lô đã thấy công việc sứ đồ của ông ở phía đông Địa Trung Hải đã kết thúc (16:20-23).
- B. Để giải quyết vấn đề trong hội thánh La Mã giữa tín hữu Do Thái và tín hữu người Ngoại. Đây có lẽ là kết quả của việc trục xuất tất cả người Do Thái khỏi Rô-ma và sau đó họ trở về. Khi họ trở về thì các lãnh đạo Cơ Đốc người Ngoại đã thay thế vị trí của lãnh đạo Cơ Đốc người Do Thái.
- C. Để tự giới thiệu mình với hội thánh tại La Mã. Do có nhiều sự phản đối Phao-lô từ những người Do Thái thật lòng cải đạo ở Giê-ru-sa-lem (Hội Đồng Công Luận Giê-ru-sa-lem, Công Vụ 15), từ người Do Thái không thành thật (người Do Thái Giáo trong sách Ga-la-ti và 2 Cô-r. 3,10-13) và từ dân ngoại (Cô-lô-se, Ê-phê-sô) đã cố gắng hợp nhất phúc âm với lý thuyết hay triết lý của riêng họ.
- D. Phao-lô bị buộc tội là một nhà cải cách nguy hiểm, bổ sung vào sự dạy dỗ của Chúa Giê-su cách liêu lĩnh. Sách cho người La Mã (thư tín Rô-ma) là cách ông tự bảo vệ mình có hệ thống qua việc sử dụng Cựu Ước và những lời dạy của Chúa Giê-su (các sách Phúc Âm) trình bày phúc âm của ông chân chính như thế nào.

#### VI. BỐ CỤC ĐƠN GIẢN

- A. Lời Giới Thiệu (1:1-17)
  - 1. Chào thăm (1-7)
    - a. Tác giả (1-5)
    - b. Gửi đến (6-7a)

- c. Chúc thăm (7b)
  - 2. Nguyên nhân viết thư (1:8-15)
  - 3. Chủ đề (1:16-17)
- B. Nhu Cầu về Sự Công Chính Thiên Thượng
- 1. Sự Xuống Cấp của Thế Giới Dân Ngoại (1:18-3:20)
  - 2. Đạo Đức Giả của người Do Thái hay Vô Đạo Đức của Dân Ngoại (2:1-16)
  - 3. Sự Phán Xét cho Người Do Thái (2:17-3:8)
  - 4. Sự Định Tội Toàn Cầu (3:9-20)
- C. Sự Công Chính Thiên Thượng là gì (3:21-8:39)
- 1. Công Chính chỉ bởi Đức Tin Mà Thôi (3:21-31)
  - 2. Nền Tảng Cơ Bản củ Sự Công Chính: Lời Hứa của Đức Chúa Trời (4:1-25)
    - a. Áp-ra-ham được kể là công chính (4:1-5)
    - b. Đa-vít (4:6-8)
    - c. Mối Liên Hệ giữa Áp-ra-ham và Phép Cắt Bì (4:9-12)
    - d. Lời Hứa của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham (4:13-25)
  - 3. Đạt Được Sự Công Chính (5:1-21)
    - a. Khía cạnh chủ quan: tình yêu vô điều, niềm vui bất diệt (5:1-5)
    - b. Cơ sở khách quan: tình yêu diệu kỳ của Đức Chúa Trời (5:6-11)
    - c. Loại theo A-đam/Christ: tội lỗi của A-đam, sự cung ứng của Đức Chúa Trời (5:12-21)
  - 4. Sự Công Chính Thiên Thượng phải được thấy trong đời sống cá nhân công chính (6:1-7:25)
    - a. Được tự do khỏi tội lỗi (6:1-4)
      - (1) Giả thuyết phản đề (6:1-2)
      - (2) Ý nghĩa của phép báp-tem (6:3-14)
    - b. Nô lệ cho Satan hay nô lệ cho Đức Chúa Trời: lựa chọn của bạn (6:15-23)
    - c. Con Người kết hôn với Luật Pháp (7:1-6)
    - d. Luật pháp là tốt, nhưng tội lỗi ngăn cản điều tốt lành (7:7-14)
    - e. Tranh chiến đời đời giữa thiện và ác trong tín hữu (7:15-25)
  - 5. Những kết quả thấy được của sự công chính thiên thượng (8:1-39)
    - a. Cuộc sống trong Đức Thánh Linh (8:1-17)
    - b. Sự cứu chuộc của sự sáng tạo (8:18-25)
    - c. Sự giúp đỡ liên tục của Đức Thánh Linh (8:26-30)
    - d. Vượt qua sự trừng phạt bởi sự công chính bằng đức tin (8:31-39)
- D. Mục Đích Thiêng Liêng Cho Toàn Nhân Loại (9:1-11:32)
- 1. Y-sơ-ra-ên được chọn lựa (9:1-33)
    - a. Những người thừa kế đức tin thực sự (9:1-13)
    - b. Quyền tể trị của Đức Chúa Trời (9: 14-26)
    - c. Kế hoạch toàn cầu của Đức Chúa Trời kể cả thiên đàng (9:27-33)
  - 2. Sự cứu rỗi của Y-sơ-ra-ên (10:1-21)
    - a. Sự công chính Đức Chúa Trời so với sự công chính của con người (10:1-13)
    - b. Lòng thương xót Chúa đòi hỏi các sứ giả, kêu gọi bước vào sứ mạng thế giới (10:14-18)
    - c. Người Y-sơ-ra-ên tiếp tục không tin Đấng Christ (10:19-21)
  - 3. Sự thất bại của Y-sơ-ra-ên (11:1-36)
    - a. Phần còn sót lại của người Do Thái (11:1-10)
    - b. Lòng ghen tị của người Do Thái (11:11-24)
    - c. Y-sơ-ra-ên mù tạm thời (11:25-32)
    - d. Lời khen ngợi tự phát của Phao-lô (11:33-36)
- E. Kết quả của quà tặng Công Chính Thiên Thượng (12:1-15:13)
- 1. Kêu Gọi dâng của lễ thánh (12:1-2)

2. Sử dụng các ân tứ (12:3-8)
3. Mối Quan hệ với các tín hữu với nhau (12:9-21)
4. Liên hệ với Nhà nước (13:1-7)
5. Liên hệ với hàng xóm (13:8-10)
6. Liên hệ với Chúa chúng ta (13:11-14)
7. Liên hệ với các thành viên trong hội thánh (14:1-12)
8. Ảnh hưởng của chúng ta đến những người khác (12:13-23)
9. Liên hệ trong việc trở nên giống Đấng Christ (15:1-13)

F. Kết Luận (15:14-33)

1. Kế hoạch riêng của Phao-lô (15:14-29)
2. Yêu cầu cầu nguyện (15:30-33)

G. Lời kết (16:1-27)

1. Lời chào thăm (16:1-24)
2. Chúc phước (16:25-27)

VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. sứ đồ, 1:1
2. “về mặt thể xác được sinh ra từ dòng vua Đa-vít”, 1:3
3. thánh đồ, 1:7
4. sự công chính, 1:17
5. con thịnh n của Đức Chúa Trời, 1:18
6. ăn năn, 2:4
7. “Đức Chúa Trời không thiên vị ai cả”, 2:11
8. phép cắt bì, 2:25
9. “lời của Đức Chúa Trời”, 3:2
10. được xưng công chính, 3:4
11. làm của lễ chuộc tội, 3:25
12. “khoe mình trong hoạn nạn nữa”, 5:3
13. “đã nhờ huyết Ngài được xưng công chính rồi”, 5:9
14. “quà tặng công chính”, 5:17
15. “ai đã chết thì được giải thoát khỏi tội lỗi”, 6:7
16. thánh hóa, 6:19
17. “Thánh Linh của Đức Chúa Trời thật sự ở trong anh em”, 8:9
18. A-ba, 8:15
19. kiên nhẫn, 8:25
20. biết trước, 8:29
21. đã định, 8:29
22. làm cho vinh quang, 8:29
23. “bên phải Đức Chúa Trời”, 8:34
24. “các bậc cầm quyền... các quyền lực”, 8:38
25. làm con nuôi, 9:4
26. lời giao ước, 9:4
27. “hòn đá vấp chân”, 9:33
28. xưng tội, 10:9
29. tin, 10:4,11
30. cảnh tự nhiên, 11:21
31. mầu nhiệm, 11:25
32. A-men, 11:36
33. ân cần tiếp khách, 12:13

34. rửa sả, 12:14
35. “phục tùng nhà cầm quyền”, 13:1
36. “lột bỏ...mặc lấy”, 13:12
37. “yếu trong đức tin”, 14:1
38. “chúng ta là người mạnh”, 15:1

### VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Áp-ra-ham, 4:1
2. tổ phụ, 9:5
3. Ê-sau, 9:13
4. Ba-anh, 11:4
5. Phê-bê, 16:1
6. Pê-rét-sin và A-qui-la, 16:3
7. Giu-ni-a, 16:7 (Giu-li-a, một số bản dịch khác)
8. Tẹt-tiu, 16:22

### IX. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ TRÊN ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Rô-ma, 1:7
2. Sen-cơ-rê, 16:1

### X. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao 1:16 là nét rất đặc trưng của Phao-lô?
2. Trong hai cách nào mà tất cả loài người đều biết Đức Chúa Trời? (đoạn 1-2)
3. Làm thế nào 1:26-27 chỉ thẳng về vấn đề đồng tính luyến ái hiện nay?
4. 2:6 liên quan đến Ga-la-ti. 6:7 như thế nào?
5. Trong đoạn 3 câu 9-18 là một loạt các trích dẫn trong Cựu Ước. tất cả chúng đều đề cập đến lễ thật thần học gì?
6. Tại sao 4:6 rất quan trọng?
7. Giải thích 4:15 trong ngôn từ của bạn.
8. 5:8 nói gì về Đức Chúa Trời?
9. 5:18 và 19 tương đồng như thế nào?
10. Giải thích áp dụng thực tế của 6:11.
11. Rô-ma 6:23 đã được gọi là phúc âm một cách ngắn gọn, tại sao?
12. Giải thích sự khác biệt giữa “theo cách mới của Thánh Linh” và “cách cũ của văn tự”. (7:6)
13. Đoạn 7 mô tả ai?
14. 7:7-12 nói gì về mục đích của luật pháp Cựu Ước?
15. 7:19 áp dụng vào cuộc sống của bạn như thế nào?
16. Giải thích 8:22 trong ngôn từ của bạn.
17. 8:26-27 nói về việc nói tiếng lạ phải không?
18. 8:28 liên quan đến 8:29 như thế nào?
19. Chủ đề của đơn vị văn học, đoạn 9-11 là gì?
20. Giải thích 10:4 trong ngôn từ của bạn.
21. Giải thích 11:7 trong ngôn từ của bạn.
22. Giải thích 11:26 trong ngôn từ của bạn.
23. Các ân tứ thuộc linh được đề cập trong đoạn 12 có còn hiệu lực và hoạt động không?
24. Giải thích 12:20 trong ngôn từ của bạn.
25. Giải thích 14:14 trong ngôn từ của bạn.
26. Giải thích 14:23 trong ngôn từ của bạn

# GIỚI THIỆU I CÔ-RINH-TÔ

## (LỜI KHUYÊN THIẾT THỰC CHO HỘI THÁNH GẶP NAN ĐỀ)

### I. NÉT ĐỘC ĐÁO CỦA I CÔ-RINH-TÔ

- A. Nó được trích dẫn thường xuyên và sớm hơn bất kỳ tác phẩm còn lại của Phao-lô bởi những giáo phụ hội thánh đầu tiên cho thấy tầm quan trọng và hữu ích của sách.
- B. Trong tác phẩm của Muratorian Fragment, liệt kê các sách kinh điển từ Rôma (200 SCN), nó được liệt kê là tác phẩm đầu tiên của Paul Forge cũng cho thấy tầm quan trọng của nó.
- C. Trong bức thư thực tế này, Phao-lô phân biệt rõ ràng giữa ý kiến cá nhân của ông và các mạng lệnh của Chúa. Tuy nhiên, điều này dựa trên kiến thức riêng của ông về sự dạy dỗ của Chúa Giê-su về bất kỳ chủ đề nào. Nếu được, có lẽ ông đã truyền lại lời của chính Chúa Giê-su. Ông tin rằng ý kiến của ông cũng được linh cảm và có thẩm quyền (xem 7:25, 40).
- D. Phao-lô hướng dẫn nguyên tắc thông công trong hội thánh là sự tự do cá nhân của mỗi tín hữu, nhưng cũng trách nhiệm chung tương ứng với họ, không dựa trên luật pháp, mà dựa trên tình yêu thương. Sự tăng trưởng và lành mạnh của cả hội thánh được đặt lên trên bất kỳ sở thích hoặc đặc quyền cá nhân nào (12:7).
- E. Thư tín này (cùng với II Cô-rinh-tô) cho chúng ta một cái nhìn về hội thánh Tân Ước đầu tiên, về cấu trúc, phương pháp và sứ điệp. Tuy nhiên, cũng phải nhớ rằng đây là một hội thánh có vấn đề, không phải là một hội chúng điển hình.

### II. THÀNH PHỐ CÔ-RINH-TÔ

- A. Vào mùa đông các tuyến vận chuyển quanh điểm cực nam của Hy Lạp (tức là Cape Malea) là rất nguy hiểm. Do đó, một tuyến đường bộ ngắn nhất có thể là rất quan trọng. Địa lý vị trí của Cô-rinh-tô cách eo đất bốn dặm giữa vịnh Cô-rinh-tô (tức là biển Adriatic) và vịnh Saronic (tức là biển Aegean) đã biến thành phố này thành một thương mại vận chuyển, buôn bán lớn (chuyên về đồ gốm và đặc biệt là đồng thau), và là trung tâm quân sự. Trong thời của Phao-lô thì nó đúng theo nghĩa đen là nơi các nền văn hóa của phương Đông và phương Tây gặp nhau.
- B. Cô-rinh-tô cũng là một trung tâm văn hóa lớn của thế giới Hy Lạp-La Mã bởi vì nó đã tổ chức hai năm một lần Trò Chơi Isthmian bắt đầu vào năm 581 TCN (tại Đền thờ Poseidon). Chỉ có Thế vận hội Olympic ở A-thên, cứ sau bốn năm, lại cạnh tranh với họ về quy mô và tầm quan trọng (Thucydides, *Hist.* 1.13.5).
- C. Năm 146 TCN, Cô-rinh-tô đã tham gia vào một cuộc nổi dậy (Liên minh Achaean) chống lại Rô-ma và nó bị phá hủy bởi tướng La Mã Lucius Mummius và dân số Hy Lạp chuyển thành nô lệ. Vì tầm quan trọng về kinh tế và quân sự, nó đã được xây dựng lại vào năm 46 hoặc 48 TCN bởi Sê-sa Julius Caesar. Nó trở thành thuộc địa của La Mã nơi binh lính La Mã nghỉ hưu. Nó bản sao nhỏ của thủ đô Rô-ma về kiến trúc và văn hóa và là trung tâm hành chính của La Mã (Thượng Nghị Viện) tỉnh A-chai năm 27 TCN. Nó trở thành một Tỉnh Hoàng Gia vào năm 15 SCN.
- D. Thành phố Cô-rinh-tô Cổ, cao hơn so với đồng bằng 573 mét (1880 feet), là nơi ngôi đền Aphrodite. Dính liền với ngôi đền này là 1.000 gái mại dâm (Strabo, *Địa lý học*, 8.6.20-22). Được gọi là “người Cô-rinh-tô” (*Korinthiazesthai*, được đặt ra bởi Aristophanes [450-385 TCN]) là đồng nghĩa với cuộc sống buông thả, bạo loạn. Ngôi đền này, như hầu hết các thành phố khác, nó đã bị phá hủy trong một

trận động đất khoảng 150 năm trước khi Phao-lô đến, và nó được xây dựng lại vào năm 77 SCN. Không rõ là tà giáo sinh sản vẫn còn hoạt động trong thời của Phao-lô không. Kể từ khi người La Mã, vào năm 146 TCN, đã phá hủy thành phố và giết hoặc bắt làm nô lệ cho tất cả các công dân trong thành, thì nét Hy Lạp của thành phố đã bị thay thế bằng đặt tính thuộc địa La Mã (Pausanias, II.3.7). Bối cảnh văn hóa La Mã này đã thay thế văn hóa Hy Lạp, khiến cho việc giải kinh I Cô-rinh-tô có một sự khác biệt lớn.

### III. TÁC GIẢ

- A. Chính tại thành phố này, Sứ Đồ Phao-lô đã đến trong hành trình truyền giáo thứ hai; câu chuyện được tìm thấy trong Công vụ 18:1-21. Qua một khải tượng, Chúa đã mặc khải cho Phao-lô rằng nhiều người sẽ tin và sẽ không có sự chống đối trong chức vụ của ông (Công vụ 18:9-10).
- B. Chiến lược truyền giáo của Phao-lô là xây dựng hội thánh tại những thành phố lớn, vì ông nhận biết những người đã cải đạo như khách du lịch, người bán hàng, và thủy thủ sẽ truyền bá phúc âm khi họ đi. Tùy thuộc vào hội thánh địa phương chịu nhận lấy trách nhiệm về việc truyền giáo và môn đệ trong khu vực của họ.
- C. Phao-lô đã gặp A-qui-la và Pê-rết-sin, là những tín hữu Do Thái may mắn hoặc công nhân da, ở Cô-rinh-tô. Họ buộc phải rời khỏi Rô-ma trong 49 SCN bởi sắc lệnh của Cơ-lốt, (Orosius, *Hist.* 7: 6: 15-16) chống lại mọi nghi thức hoặc nghi lễ của người Do Thái (Công vụ 18:2). Phao-lô đã đến Cô-rinh-tô một mình. Cả Si-la và Ti-mô-thê được giao nhiệm vụ tại Ma-xê-đoan (xem Công vụ 18: 5). Ông rất đau lòng (Công vụ 18: 9-19; 1Côr. 2: 3). Tuy nhiên, ông đã kiên trì và ở lại Cô-rinh-tô mười tám tháng (xem Công vụ 18,11).
- D. Phao-lô tác giả của sách này được chứng thực bởi Clement tại Rô-ma, ông cũng là người đã viết một lá thư gửi Cô-rinh-tô vào 95/96 SCN (I *Clement* 37:5; 47:1-3; 49:5). Quyền tác giả của Phao-lô thuộc bức thư này chưa bao giờ bị nghi ngờ, ngay cả các học giả phê bình hiện đại.

### IV. THỜI GIAN

- A. Thời điểm Phao-lô đến thăm Cô-rinh-tô đã được xác định bằng một dòng chữ của Hoàng đế Cơ-lốt (Claudius) được tìm thấy tại Delphi, khi Ga-li-ô bắt đầu chức thống đốc vào tháng 7 năm 51 SCN đến tháng 7 năm 52 (Công vụ 18:12-17), điều này giúp chúng ta định được ngày Phao-lô đến là khoảng 49-50 SCN.
- B. Thời gian viết thư tín này của Phao-lô có thể là cuối những năm 50. Ông viết tại Ê-phê-sô nơi ông làm chức vụ khoảng giữa hai năm (Công vụ 19:10) và ba năm (Công vụ 20:34).
- C. Trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris:

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ốt	14:28; 15:2
2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		
Phi-lê-môn	đầu những năm 60		
Phi-líp	cuối 62-63		28:30-31

11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư		
1 Ti-mô-thê	63 (hay trẻ hơn	Ma-xê-đoan
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma

(Có lẽ Phao-lô bị xử tử vào năm 65 SCN)

## V. NGƯỜI NHẬN THƯ TÍN

- A. Người nhận thư tín này là một hội thánh non trẻ và thành viên chủ yếu là những người ngoại. Dân cư Cô-rinh-tô là hỗn tạp về chủng tộc và văn hóa. Chúng ta biết điều này từ khảo cổ học và Kinh thánh (xem Công vụ 18: 4-8) có một hội đường ở Cô-rinh-tô.
- B. Những người lính La Mã về hưu sống tại đó sau khi đã hoàn thành hai mươi năm nghĩa vụ quân sự. Cô-rinh-tô là một thành phố tự do, thuộc địa của La Mã và là thủ phủ Rô-ma tỉnh A-chai.
- C. Thư tín dường như cho thấy một vài nhóm người trong hội thánh: (1) người Hy Lạp trí thức vẫn còn rất tự hào về truyền thống triết học của họ và đã cố gắng ảnh hưởng mặc khải Cơ Đốc bởi những truyền thống về tri thức và tập tục cụ kỹ; (2) các Chủ Nô La Mã và giới thượng lưu xã hội; (3) phần đông tín hữu Do Thái chủ yếu là những người Ngoại “tin kính Chúa”, là những người dự phần trong nhà hội; và (4) lớn số lượng nô lệ cải đạo.

## VI. MỤC ĐÍCH CỦA THƯ TÍN

- A. Phao-lô nghe về những vấn đề đã phát sinh tại hội thánh Cô-rinh-tô từ bốn nguồn
1. người nhà Cơ-lô-ê, 1:11
  2. một bức thư từ hội thánh đặt nhiều câu hỏi, 7:1,25; 8:1; 12:1; 16:1,12
  3. chuyên thăm cá nhân của Sê-pha-na, Phốt-tu-na và A-chai-cơ, 16:17. Có thể là bức thư (#2) được mang đến bởi những người này (#3).
- Thật thú vị khi Murry Harris đã bỏ cục sách I Cô-rinh-tô dựa trên thông tin về hội thánh mà Phao-lô nhận được
1. báo cáo miệng từ người nhà của Cơ-lô-ê, dẫn đến việc Phao-lô viết đoạn 1-4
  2. báo cáo miệng từ các thành viên của hội thánh (Sê-pha-na, Phốt-tu-na và A-chai-cơ), và kết quả là đoạn 5-6
  3. câu hỏi bằng văn tự của hội thánh, dẫn đến đoạn 7-16
- B. Trong thực tế, hội thánh được nuôi dưỡng bởi các lãnh đạo khác nhau: Phao-lô, A-pô-lô, Phi-e-rơ và có thể một nhóm theo Đấng Christ nào đó (xem 1:12). Hội thánh chẳng những bị chia rẽ bởi các kiểu lãnh đạo khác nhau, mà còn bởi các vấn đề đạo đức và việc lạm dụng các ân tứ thuộc linh. Điểm chính của sự tranh cãi là thẩm quyền Sứ Đồ của Phao-lô (đặc biệt là II Cô-rinh-tô)!

## VII. PHAO-LÔ LIÊN LẠC VỚI HỘI THÁNH CÔ-RINH-TÔ – ĐỀ XUẤT CHÀN CHỪ

- A. Phao-lô đã viết bao nhiêu thư cho Cô-rinh-tô?
1. chỉ hai, I và II Cô-rinh-tô
  2. ba, một thư tín bị thất lạc
  3. bốn, hai thư tín bị thất lạc
  4. một số học giả hiện đại đã tìm thấy các phần của 2 bức thư bị thất lạc trong II Cô-rinh-tô
    - a. bức thư trước (I Cô-rinh-tô 5:9) trong II Cô-rinh-tô. 6:14-17:1)
    - b. bức thư nghiêm trọng (II Cô-rinh-tô 2:3-4,9; 7:8-12) trong II Cô-rinh-tô. 10-13
  5. năm, với IICôr. 10-13 là mở đầu của bức thư thứ năm, được gửi sau báo cáo của Tít về những thông tin có liên quan đến những việc đòi bại



B. Lý thuyết số 3 có vẻ phù hợp nhất

1. bức thư trước đó, bị thất lạc (I Côr. 5:9)
2. I Cô-rinh-tô
3. bức thư nghiêm trọng, thất lạc (có thể 1 phần của nó được ghi lại trong II Côr. 2:1-11; 7:8-12)
4. II Cô-rinh-tô

C. Một đề xuất tái thiết

NIÊN ĐẠI	CHUYẾN THĂM	BỨC THƯ
<p>50-52SCN Hành Trình Truyền Giáo Thứ Hai của Phao-lô</p> <p>52 SCN Ga-li-ô trở thành thống đốc từ năm 52 SCN (Công. 18:12-17)</p> <p>56 SCN (mùa Xuân)</p> <p>56 SCN (mùa Đông) hay 57 SCN (mùa Đông)</p>	<p>a. Trong hành trình truyền giáo thứ hai của Phao-lô, ông ở tại Cô-rinh-tô 18 tháng (Công.18:1-11)</p> <p>b. Phao-lô nghe về các vấn đề của hội thánh trong khi ông ở Ê-phê-sô từ hai nguồn: (1) Người nhà Co-lô-ê, ICôr.1:11 và (2) Sê-pha-na, Phốt-tu-na và A-chai-cơ, I Côr.16:17. Họ rõ ràng đã mang một bức thư đầy câu hỏi từ hội thánh nhà Cô-rinh-tô</p> <p>c. Phao-lô định có một chuyến đi thăm Cô-rinh-tô rất khẩn cấp và đầy đau đớn (không được ghi trong Công vụ, xem II Côr.2:1). Dự định chuyến đi thăm không thành công, nhưng anh hứa sẽ trở lại</p>	<p>a. ICôr.5:9-11 dường như đề cập đến 1 bức thư nói về tình huống vô đạo đức trong hội thánh. Bức thư này không rõ trừ khi: (1) như một số giả sử rằng II Côr.6:14-7:1 là một phần của nó hoặc (2) II Côr.2:3,4,9 bức thư trong quá khứ và nói đến II Cô-rinh-tô</p> <p>b. Phao-lô trả lời những câu hỏi này (I Côr.7:1,25; 8:1;12:1; 16:1,2) bằng cách viết I Cô-rinh-tô. Ti-mô-thê (I Côr.4:17) nhận nhiệm vụ từ Ê-phê-sô (I Côr.16:8) đến Cô-rinh-tô. Timô-thê đã không thể giải quyết những vấn đề trong hội thánh.</p> <p>c. Phao-lô đã viết 1 bức thư nghiêm trọng (II Côr.2:3-4:9; 7:8-12) đến hội thánh Cô-rinh-tô được Tít chuyển đến (II Côr.2:13; 7:13-15). Bức thư này bị thất lạc, như 1 vài giả sử, một phần của nó là trong II Côr.10-13</p>

57-58 SCN (mùa Đông)	<p>d. Phao-lô lên kế hoạch gặp Tít ở Trô-ách nhưng Tít không đến, nên Phao-lô đi Ma-xê-đoan (II Côr. 2:13; 7: 5,13), có thể là Phi-líp (xem MSS, B<sup>c</sup>, K, L, P).</p> <p>e. Chuyến thăm cuối cùng đến Cô-rinh-tô của Phao-lô dường như được ghi lại trong Công. 20:2-3. Mặc dù Cô-rinh-tô không nhắc tên, nhưng giả định là nó. Ông ở lại đó trong những tháng mùa đông.</p>	<p>d. Ông gặp Tít và nghe báo lại rằng hội thánh đã đáp với sự lãnh đạo của ông và sau đó ông viết II Cô-rinh-tô trong tâm lòng cảm tạ nhiều (7:1-16). Và Tít là người chuyển thư.</p> <p>e. Sự thay đổi tâm trạng rõ rệt giữa chương 1-9 và 10-13 được giải thích bởi một số học giả là do nhiều tin xấu (có thể là sự sống lại từ những kẻ chống đối cũ và thêm vào kẻ chống đối mới) từ hội thánh Cô-rinh-tô sau khi chương 1-9 đã được viết (F. F. Bruce).</p>
----------------------	--	--

### VIII. KẾT LUẬN

- A. Trong I Cô-rinh-tô, chúng ta thấy Phao-lô, một mục sư, đương đầu với một hội thánh đầy nan đề. Trong thư này và trong Ga-la-ti, chúng ta thấy ông áp dụng chân lý phúc âm toàn cầu theo nhiều cách khác nhau, dựa trên nhu cầu của hội thánh: sự tự do cho hội thánh Ga-la-ti/ giới hạn đối với hội thánh Cô-rinh-tô.
- B. Sách này có thể là một loạt “khủng long văn hóa” hay là sự thật đậm chất nguyên tắc được áp dụng trong bối cảnh lịch sử / văn hóa cụ thể. Chúng ta phải cẩn thận để không nhầm lẫn giữa lẽ thật và văn hóa ứng dụng của lẽ thật đó. Một thảo luận tốt về cách giải kinh rất quan trọng này, xem Gordon D. Fee và Douglas Stuart *How To Read the Bible for All Its Worth-Cách Đọc Kinh Thánh Cho Tất Cả Giá Trị Của Nó*, trang 65-76.
- C. Sách này đẩy bạn đến giới hạn thuộc linh trong khả năng giải nghĩa Kinh Thánh của bạn. Nó buộc bạn phải suy nghĩ lại các khía cạnh thần học của mình. Nó mở ra một cửa sổ về ý muốn của Đức Chúa Trời cho chúng ta ngày nay, nói cách thực tế, như một vài tác phẩm Kinh Thánh khác.

### IX. BỐ CỤC NGẮN GỌN CỦA I CÔ-RINH-TÔ

- A. Giới thiệu 1:1-9
  - 1. Chào thăm, 1:1-3
  - 2. Cảm tạ, 1:4-9
- B. Những vấn đề tại Cô-rinh-tô được báo cáo 1:20-6:20
  - 1. Các phe phái trong hội thánh vì sự hiểu lầm về động cơ và sứ điệp của giới lãnh đạo Cơ Đốc (tức là Phao-lô, A-pô-lô, Phi-e-rơ), 1:10-4:12
  - 2. Vô đạo đức quá chân động, 5:1-13
  - 3. Các vụ kiện cáo giữa vòng Cơ Đốc Nhân, 6:1-11
  - 4. Sự tự do Cơ Đốc Nhân bị giới hạn bởi trách nhiệm, 6:12-20

- C. Một bức thư từ Cô-rinh-tô với những câu hỏi dai dẳng, 7:1-16: 4
1. Tình dục con người, 7:1-40
  2. Mối quan hệ giữa nền văn hóa thần tượng và sự tự do của Cơ Đốc Nhân, 8:1-11:1
  3. Sự thờ phượng và thuộc linh của Cơ Đốc Nhân, 11:2-14:40
  4. Những hiểu biết về mặc thế, đặc biệt là sự sống lại, 15:1-58
  5. Sự đóng góp cho hội thánh mẹ ở Giê-ru-sa-lem, 16:1-4
- D. Kết luận cần chú ý
1. Kế hoạch những chuyến đi của Phao-lô (và những người đồng công), 16: 5-12
  2. Lời động viên và lời chào kết thúc, 16:13-24

## X. NHỮNG BÀI ĐỌC GỢI Ý VỀ SUY NGHĨ CỦA PHAO-LÔ

- A. *Tâm Trí Của Thánh Phao-Lô*, William Barclay, được xuất bản bởi Harper & Row
- B. *Phao-Lô, Sứ Đồ Cho Tâm Lòng Được Tự Do*, F. F. Bruce, được xuất bản bởi Eerdmans
- C. *Nguồn Gốc Tôn Giáo Của Phao-Lô*, J. Gresham Machen, được xuất bản bởi Eerdmans
- D. *Phao-Lô, Sơ Lược Về Thần Học Của Ông*, Herman Ridderbos (bản dịch của John De Witt), được xuất bản bởi Eerdmans
- E. *Những Niên Đại Trong Cuộc Đời Của Phao-Lô*, A. T. Robertson, được xuất bản bởi Baker
- F. *Người Đàn Ông Trong Đấng Christ*, James S. Stewart, được xuất bản bởi Harper & Row
- G. *Từ điển của Phao-lô và các Thư tín của Ông*, do IVP xuất bản
- H. *Phao-Lô trong Thế Giới La Mã, Xung Đột tại Cô-Rinh-Tô*, Robert M. Grant, được xuất bản bởi West Manageder, Báo chí John Knox
- I. *Philo Và Phao-Lô Giữa Vòng Các Triết Gia*, Bruce W. Winter, được xuất bản bởi Eerdmans
- J. *Sau khi Phao-lô rời Cô-rinh-tô*, Bruce W. Winter

## XI. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. nên thánh, 1:2
2. các thời đại, 2:7,8
3. “sự sâu nhiệm của Đức Chúa Trời”, 2:10
4. “nhà của Đức Chúa Trời xây”, 3:9
5. “mình là đền thờ của Đức Chúa Trời”, 3:16,17
6. “các sự mâu nhiệm của Đức Chúa Trời”, 4:1
7. “một người như thế phải phó cho Sa-tan”, 5:5
8. “chúng ta sẽ xét xử các thiên sứ”, 6:3
9. “trước đây anh em có đôi người như vậy”, 6:11
10. “về vấn đề các trinh nữ” 7:25
11. “mà chính mình lại bị loại bỏ chẳng”, 9:27
12. “cứng tế là cứng tế các quý”, 10:20
13. “uống chén của Chúa”, 10:21
14. “vì các thiên sứ”, 11:10
15. “anh em có sự chia rẽ”, 11:18
16. “Đức Chúa Giê-su đáng nguyên rửa”, 12:3
17. “phân biệt các thần linh”, 12:10
18. chấp chửa vang tiếng, 13:1
19. “khi sự toàn hảo đã đến”, 13:10
20. “chỉ thấy qua gương một cách mập mờ”, 13:12
21. lời tiên tri, 14:39
22. hủy diệt, 15:24
23. “quyên góp tài chính cho các thánh đồ”, 16:1

## XII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Sốt-then, 1:1
2. người nhà của Cơ-lô-ê, 1:11
3. A-pô-lô, 1:12
4. Sê-pha, 1:12
5. Cơ-rít-pu và Gai-út ra, 1:14
6. “những người cai quản đời này”, 2:6,8
7. người có tánh xác thịt, 2:14
8. người thiêng liêng, 3:1
9. các con đờ trong Đấng Christ, 3:1
10. Sê-pha, 15:5
11. mười hai, 15:5
12. Gia-cơ, 15:7

## XIII. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ TRÊN ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. Cô-rinh-tô, 1:1
2. những hội thánh xứ Ga-la-ti, 16:1
3. Giê-ru-sa-lem, 16:3
4. Ma-xê-đoan, 16:5
5. Ê-phê-sô, 16:8
6. A-chai, 16:15
7. A-sia, 16:19

## XIV. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tại sao người Do Thái từ chối Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a?
2. Tại sao người Hy Lạp từ chối Chúa Giêsu?
3. Tại sao Phao-lô đưa ra những tuyên bố tiêu cực về triết học trong 1:18-25 và 2:1-5?
4. Giải thích ý nghĩa của 1:26-31.
5. 3:10-15 muốn nói đến ai?
6. Tại sao Hội thánh bị Phao-lô lên án trong 5:1-8?
7. 6:1-11 có loài trừ Cơ Đốc Nhân ra khỏi các vụ kiện pháp luật ngày hôm nay không?
8. Có phải Phao-lô ngụ ý rằng độc thân là ý muốn của Chúa trong chương 7?
9. 7:12-13 ngụ ý rằng tín hữu có thể kết hôn với những người không tin phải không?
10. 1 Cô-rinh-tô đoạn 8 tương tự như Rô-ma 14 như thế nào?
11. Tại sao Phao-lô không lấy tiền từ hội thánh ở Cô-rinh-tô? (9:3-18)
12. Giải thích ý nghĩa của 9:19-23.
13. Giải thích 10:1-13 bằng ngôn từ của bạn.
14. Tại sao 10:13 là một câu tuyệt vời cho các tín hữu?
15. Trình bày nguyên tắc thuộc linh trong 10:23 bằng ngôn từ của bạn.
16. 11:5 mâu thuẫn với 14:34 như thế nào?
17. 11:30 có nghĩa là một vài tín hữu đã chết bởi cách dự Tiệc Thánh phải không?
18. Giải thích hoàn cảnh tuyên bố Phao-lô trong 11:34
19. Ý nghĩa của nguyên tắc thuộc linh trong 11:7 là gì?
20. Quà tặng thuộc linh liên quan đến tài năng bẩm sinh như thế nào? Khi nào tín hữu nhận được (các) ân tứ thuộc linh?
21. 12:29-30 trả lời câu hỏi, “tất cả tín hữu có nên nói tiếng lạ không” như thế nào? (14:5)
22. Trong 13:8 cái gì sẽ qua đi và cái gì sẽ còn lại?
23. Chương 14 mô tả việc sử dụng tiếng lạ trong giờ thờ phượng nơi công chúng như thế nào?
24. Trong chương 14, Phao-lô giới hạn ba nhóm người nào trong giờ thờ phượng nơi công chúng?
25. Liệt kê các điểm của phúc âm trong 15:1-4.

26. Khi nào trong cuộc đời của Chúa Giê-su 15:6 đã xảy ra?
27. 15:22 tương tự như Rô-ma 5:12-21 như thế nào?

# GIỚI THIỆU II CÔ-RINH-TÔ

## I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Sách này, hơn bất kỳ bức thư nào khác của Phao-lô, cho chúng ta thấy tấm lòng và tâm trí của Sứ Đồ đối với dân Ngoại. Đây là bức thư gần gũi nhất mà chúng ta có cuốn tự truyện tâm linh / mục vụ của mình.
- B. Sách này có thể là tác phẩm hùng biện hoàn hảo nhất của Phao-lô. Raymond E. Brown, *Giới thiệu về Tân Ước- An Introduction to the New Testament*, nói rằng, “đây có thể là lời hùng biện thuyết phục nhất trong tất cả các tác phẩm của Phao-lô. tr. 541. Tuy nhiên, sách này được viết để bác bỏ các Học Giả Triết Học đã đến Cô-rinh-tô và tấn công phương thức diễn văn trước công chúng cũng như nội dung giảng luận của Phao-lô (ông tấn công vào sự khôn ngoan trong I Cô-rinh-tô 1-4).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HỌC GIẢ TRIẾT HỌC SOPHISTS**

Từ *sophia* trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là sự khôn ngoan. Thuật ngữ có liên quan *sophistēs* được dùng để chỉ ai đó có “kỹ năng” hoặc “được đào tạo về hùng biện”. Thường hàm chỉ về diễn giả nơi công chúng, là diễn giả lưu động, khi đến một thị trấn và họ cố gắng mở trường học để đào tạo con em của tầng lớp thượng lưu trong xã hội. Việc thuyết giảng nơi công chúng khiến các bậc phụ huynh tìm đến họ để mời về nhà dạy hoặc gia sư riêng cho con cái họ.

Có sự cạnh tranh khốc liệt giữa những “người thông thái” này, liên quan đến danh tiếng và khả năng của họ để thu hút học viên. Thậm chí họ còn có bộ sách hướng dẫn giảng thuyết lần đầu để nắm bắt cơ hội. Một trong những bước thủ tục để giảng thuyết là có thời gian để triết gia liệt kê trình độ và điểm mạnh của họ.

Các vấn đề của Phao-lô tại Cô-rinh-tô dường như có liên quan đến

1. phe phái trong hội thánh, mỗi phe tuyên bố đi theo một lãnh đạo cụ thể (I Cô-rinh-tô 1-4)
2. giáo sư giả người Do Thái được đào tạo theo kiểu Hy Lạp đến từ Giê-ru-sa-lem (II Cô-rinh-tô 10-13)

Lời tuyên bố khước từ thẩm quyền của sự khôn ngoan theo đời này của Phao-lô trong I Cô-r.1-4 là tiền đề cho việc ông đã bị tấn công bởi những người tự tôn họ trong triết học, việc hùng biện có đào tạo của họ và họ đánh giá tất cả những người khác theo các tiêu chuẩn này. Thật đáng ngạc nhiên các giáo sư Do Thái lại được tôn vinh trong các phạm trù triết học như một tiền lệ được đặt ra trong Do Thái Giáo bởi Philo của Alexandria và thậm chí có thể là việc đào tạo và bối cảnh của Apollos của Alexandria.

Phao-lô không phải là một diễn giả bóng bẩy nơi công chúng. Ông đã bị tấn công vì điều này. Ông trả đũa bằng cách viết một bức thư hùng biện đầy nét bóng bẩy, cân bằng, cấu trúc tốt trong II Cô-r.10-13. Ông sử dụng các thuật ngữ của họ, hình thức của họ để phơi bày thái độ không đúng đắn và kiêu ngạo của họ.

- C. Sách này là một sự kết hợp kỳ lạ, giống như bản thân Phao-lô, về những đỉnh cao và thấp thuộc linh, về dòng chảy tự do của cảm xúc từ giận dữ đến niềm vui lớn.
- D. Sách này thực sự là một thư tín và là thư tín, nên nó chỉ là một nửa của cuộc trò chuyện. Nhiều logic ở đằng trước và hoàn cảnh đằng sau phản ứng của Phao-lô đã bị mất. Đây là một ví dụ tốt về sự thật rằng các thư tín của Tân Ước được viết với lý do ban đầu là để phản hồi về nhu cầu cụ thể của một hội thánh cụ thể, không phải là luận văn thần học độc lập.
- E. Sách này đã bị bỏ qua bởi giới học giả trong việc giảng dạy. Thật đáng buồn bởi vì nó là nguồn thảo luận kháng định nhất của Phao-lô về sự chịu khổ trong đời sống Cơ Đốc Nhân.
- F. Đối với các mục sư, sách này cung cấp các hướng dẫn sâu sắc về cách xử lý các vấn đề trong hội thánh địa phương. Phao-lô cho tất cả chúng ta một tấm gương để noi theo khi chúng ta ở giữa những cuộc

tân công và hiểu lầm cá nhân.

## II. TÁC GIẢ

- A. Dẫu trong tất cả các từ chối của học giả hiện đại về quyền tác giả theo truyền thống của các sách Kinh Thánh, thì sách này chưa bao giờ bị khước từ là của Phao-lô.
- B. Nó đậm chất tự truyện và rất khó để hiểu một số cụm từ trong thư bởi có thể là có một ai đó cố gắng bắt chước Phao-lô bằng cách viết một bức thư như thế này là điều không thể xảy ra. Tình hình khó khăn và cụ thể trong thư nói lên tính chân thực của nó. Đúng là nhiều học giả Tân Ước nghĩ rằng II Cô-rinh-tô là một bức thư tổng hợp của nhiều bức thư riêng biệt của Phao-lô thành một. Tôi giữ sự hiệp một của nó vì:
1. Không có gợi ý về sự mất hiệp một trong bất kỳ bản thảo Hy Lạp cổ đại nào.
    - a. Không có biến thể của các đơn vị văn học
    - b. Không có bản thảo nào không có đầy đủ tất cả mười ba chương.
  2. Mặc dù II Côr.13 dường như không được biết đến bởi Clement tại Rôma vào năm 96 SCN, nhưng nó được trích dẫn bởi Polycarp vào năm 105 SCN.
  3. Sách có thể hiểu là một tác phẩm trọn vẹn. Có một vài chủ đề dường như cho thấy sự thống nhất của sách, chẳng hạn như “sự chịu khổ”.
  4. Nội chứng quá hạn chế để bảo vệ sự phân chia căn bản của II Cô-rinh-tô.
- C. Phao-lô được tuyên bố là tác giả trong 1:1 và 10:1.

## III. THỜI GIAN VIẾT SÁCH

- A. Thời gian viết sách II Cô-rinh-tô không thể tách rời với I Cô-rinh-tô và Công Vụ Các Sứ Đồ.
- B. Công vụ 18:1-18 và 20:2-3 liên quan đến Phao-lô đang ở Cô-rinh-tô, nhưng dường như cũng có ít nhất một chuyến đi không được ghi lại (II Cô-rinh-tô 2:1; với chuyến thăm thứ ba được đề cập trong 12:14; 13:1-2).
- C. Câu hỏi chính là mối quan hệ thời gian giữa các chuyến đi thăm và thư tín của Phao-lô gửi cho Cô-rinh-tô.
- D. Vấn đề mấu chốt cho việc định niên đại của các sự kiện liên quan đến Cô-rinh-tô là chúng ta không có bằng chứng bên ngoài hoặc thông tin giữa Công vụ 18:1-18 và Công vụ 20:2-3, ngoại trừ bằng chứng bên trong mơ hồ của chính thư tín Cô-rinh-tô.
- E. Phao-lô liên lạc với hội thánh Cô-Rinh-Tô – đề xuất chẵn chừ

NIÊN ĐẠI	CHUYẾN THĂM	BỨC THƯ
50-52SCN Hành Trình Truyền Giáo Thứ Hai của Phao-lô	a. Trong hành trình truyền giáo thứ hai của Phao-lô, ông ở tại Cô-rinh-tô 18 tháng (Công.18:1-11)	
52 SCN Ga-li-ô trở thành thống đốc từ năm 52 SCN (Công. 18:12-17)		a. ICôr.5:9-11 dường như đề cập đến 1 bức thư nói về tình huống vô đạo đức trong hội thánh. Bức thư này không rõ trừ khi: (1) như một số giả sử rằng II Côr.6:14-7:1 là một phần của nó hoặc

<p>56 SCN (mùa Xuân)</p>	<p>b. Phao-lô nghe về các vấn đề của hội thánh trong khi ông ở Ê-phê-sô từ hai nguồn: (1) Người nhà Cô-lô-ê, ICôr.1:11 và (2) Sê-pha-na, Phốt-tu-na và A-chai-cơ, ICôr.16:17. Họ rõ ràng đã mang một bức thư đầy câu hỏi từ hội thánh nhà Cô-rinh-tô</p>	<p>(2) II Côr.2:3,4,9 bức thư trong quá khứ và nói đến II Cô-rinh-tô</p>
<p>56 SCN (mùa Đông) hay 57 SCN (mùa Đông)</p>	<p>c. Phao-lô định có một chuyến đi thăm Cô-rinh-tô rất khẩn cấp và đầy đau đớn (không được ghi trong Công vụ, xem II Côr.2:1). Dự định chuyến đi thăm không thành công, nhưng anh hứa sẽ trở lại.</p> <p>d. Phao-lô lên kế hoạch gặp Tít ở Trô-ách nhưng Tít không đến, nên Phao-lô đi Ma-xê-đoan (II Côr. 2:13; 7: 5,13), có thể là Phi-líp (xem MSS,B<sup>c</sup>, K, L, P).</p>	<p>b. Phao-lô trả lời những câu hỏi này (I Côr.7:1,25; 8:1;12:1; 16:1,2) bằng cách viết I Cô-rinh-tô. Ti-mô-thê (I Côr.4:17) nhận nhiệm vụ từ Ê-phê-sô (I Côr.16:8) đến Cô-rinh-tô. Timô-thê đã không thể giải quyết những vấn đề trong hội thánh.</p> <p>c. Phao-lô đã viết 1 bức thư nghiêm túc (II Côr.2:3-4:9; 7: 8-12) đến hội thánh Cô-rinh-tô được Tít chuyển đến (II Côr.2: 13; 7:13-15). Bức thư này bị thất lạc, như 1 vài giả sử, một phần của nó là trong II Côr.10-13</p> <p>d. Ông gặp Tít và nghe báo lại rằng hội thánh đã đáp với sự lãnh đạo của ông và sau đó ông viết II Cô-rinh-tô trong tấm lòng cảm tạ nhiều (7:1-16). Và Tít là người chuyển thư.</p>
<p>57-58 SCN (mùa Đông)</p>	<p>e. Chuyến thăm cuối cùng đến Cô-rinh-tô của Phao-lô dường như được ghi lại trong Công.20:2-3. Mặc dù Cô-rinh-tô không nhắc tên, nhưng giả định là nó. Ông ở</p>	<p>e. Sự thay đổi tâm trạng rõ rệt giữa chương 1-9 và 10-13 được giải thích bởi một số học giả (1) là do nhiều tin xấu (có thể là sự sống lại từ những kẻ chống đối cũ và thêm vào kẻ chống đối</p>



	lại đó trong những tháng mùa đông.	mới) từ hội thánh Cô-rinh-tô sau khi chương 1-9 đã được viết (F. F. Bruce) hay (2) đoạn 1-9 sứ điệp của Phao-lô là cho các tín hữu trung tín tại Cô-rinh-tô, trong khi đoạn 10-13 sứ điệp của Phao-lô là cho những tín hữu nổi loạn tại Cô-rinh-tô (từ J.W MacGorman).
--	------------------------------------	--

#### IV. PHAO-LÔ ĐÃ VIẾT BAO NHIÊU BỨC THƯ CHO CÔ-RINH-TÔ

- A. Chi hai, I và II Cô-rinh-tô
- B. Ba, với một thư tín bị thất lạc
- C. Bốn, với hai thư tín bị thất lạc
- D. Một số học giả hiện đại đã tìm thấy các phần của thư bị thất lạc trong II Cô-rinh-tô
  - 1. bức thư trước (I Cô-rinh-tô 5:9) trong II Cô-rinh-tô. 6:14-17:1)
  - 2. bức thư nghiêm trọng (II Cô-rinh-tô 2:3-4,9; 7:8-12) trong II Cô-rinh-tô.10-13
- E. Năm, với IICôr. 10-13 là mở đầu của bức thư thứ năm, được gửi sau báo cáo của Tít về những thông tin có liên quan đến những việc đòi bại.
- F. Tôi giữ quan điểm C (xem . H. C. Thiessen, *Lời Giới Thiệu Tân Ước-Introduction to the New Testament*, tr. 209)
  - 1. bức thư trước – bị mất (I Côr.5:9)
  - 2. I Cô-rinh-tô
  - 3. bức thư nghiêm trọng – bị thất lạc (II Côr. 2:1-11, 7:8-12)
  - 4. II Cô-rinh-tô

#### V. NHỮNG KẺ THÙ CỦA PHAO-LÔ TẠI CÔ-RINH-TÔ

- A. Trong II Cô-rinh-tô, vấn đề dường như là một số phe phái thống trị các hội thánh tư gia khác nhau (không nhất thiết là cùng phe phái như trong I Cô-rinh-tô, nhưng có lẽ).
  - 1. nhóm tín hữu ủng hộ văn hóa và phong tục truyền thống La Mã
  - 2. nhóm tín hữu ủng hộ sự đào tạo hùng biện truyền thống Hy Lạp
  - 3. nhóm tín hữu ủng hộ văn hóa và phong tục truyền thống của người Do Thái
  - 4. nhóm tín hữu xuất thân từ tầng lớp không có quyền lực và bị xem thường trong xã hội
- B. Sự xuất hiện của những kẻ gây rối người Do Thái đến từ Pa-lét-tin gây thêm sự tranh cãi (xem II Cô-rinh-tô 10-13). Họ khác với người theo Do Thái Giáo của Ga-la-ti và các nhà luật pháp Do Thái / Hy Lạp của Cô-lô-se. Có lẽ, họ là những giáo sư hùng biện, được đào tạo bài bản, lời cuốn, tương tự như A-pô-lô.
- C. Dưới đây là một số lời buộc tội chống lại Phao-lô mà ông đáp lại.
  - 1. Phao-lô rất hay thay đổi (lên kế hoạch chuyến thăm lại thay đổi, 1:15).
  - 2. Phao-lô là một người viết văn mạnh mẽ, nhưng khi gặp mặt lại yếu ớt trong lời nói (10:10).
  - 3. Phao-lô không phải là một nhà hùng biện bóng bẩy (10:10; 11:6).
  - 4. Phao-lô không nhận tiền (11:7; 12:13).
  - 5. Phao-lô không phải là một Sứ Đồ thật (11: 5,13; 12:4).

6. Phao-lô không phải là người Do Thái chính thống (11:21).
7. Phao-lô không có mặc khải trực tiếp và khải tượng thuộc linh như họ đã có (12:1).

## VI. NGUYÊN NHÂN VÀ MỤC ĐÍCH CỦA II CÔ-RINH-TÔ

- A. Lòng biết ơn đối với hội thánh đã đáp tích cực với sự lãnh đạo của Phao-lô (2:12,13; 7:11-16)
- B. Chuẩn bị cho chuyến thăm thứ ba của Phao-lô (10:1-11). Chuyến đi thứ hai của ông rõ ràng là đau đớn và không thành công. Giọng điệu cảm xúc của chương 10-13 thay đổi rõ ràng. Một số người đã khẳng định rằng sự thay đổi giọng điệu là kết quả nhiều thư tín của Phao-lô gửi đến Cô-rinh-tô và được kết hợp thành II Cô-rinh-tô. Cũng có thể là Phao-lô đã viết những điều này sau khi ông nghe có một đợt bùng phát mới về sự phản đối giữa vòng người Cô-rinh-tô về mối quan hệ giữa ông với họ. Nó là một phụ lục cảm xúc.
- C. Chống đối các giáo sư giả lưu động người Do Thái (xem 10-12), người đã chống đối Phao-lô:
  1. người
  2. động cơ
  3. thẩm quyền
  4. phong cách trình bày
  5. sứ điệp phúc âm

## VII. ĐƠN VỊ VĂN HỌC CÓ THỂ

- A. Dàn bố cục sách này rất khó bởi vì:
  1. cảm xúc đánh đu
  2. nhiều chủ đề
  3. dấu ngoặc đơn mở rộng (2: 14-7: 1 hoặc 7: 4)
  4. kiến thức hạn chế của chúng ta về tình hình địa phương
- B. Tuy nhiên, rõ ràng có ba chủ đề chính được chia ra:
  1. Phao-lô trả lời tin nhắn Tit, và liên quan đến kế hoạch chuyến đi của ông, chương 1-7 (có một chính dấu ngoặc đơn liên quan đến chức vụ sứ đồ Phao-lô, 2: 14-7: 1 hoặc 7: 4)
  2. Phao-lô khuyến khích hoàn thành sự đóng góp cho hội thánh Giê-ru-sa-lem, chương 8-9
  3. Phao-lô bảo vệ quyền lãnh đạo của ông, chương 10-13
- C. Tôi khẳng định sự thống nhất của II Cô-rinh-tô vì
  1. Không có gợi ý về sự mất đoàn kết trong bất kỳ bản thảo Hy Lạp cổ đại nào
    - a. không có biến thể của các đơn vị văn học
    - b. không có bản thảo nào không chứa tất cả mười ba chương
  2. Mặc dù II Côr. 13 dường như không được biết đến bởi Clement tại Rome vào năm 96 SCN, nhưng nó được trích dẫn bởi Polycarp vào năm 105 SCN.
  3. Sách có thể hiểu là một tác phẩm trọn vẹn. Có một vài chủ đề dường như cho thấy sự thống nhất của sách, chẳng hạn như “sự chịu khổ”.
  4. Nội chứng quá hạn chế để bảo vệ sự phân chia căn bản của II Cô-rinh-tô.

## VIII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. Ân điển và sự bình an, 1:2
2. “trong ngày Đức Chúa Giê-su chúng ta”, 1:14
3. đóng ân, 1:22

4. “làm cho chúng tôi được thắng”, 2:14
5. mùi thơm, 2:14
6. “buôn bán lời của Đức Chúa Trời”, 2:17
7. “thư giới thiệu”, 3:1
8. “từ Chúa, Thánh Linh”, 3:18
9. con người bên ngoài, 4:16
10. con người bên trong, 4:16
11. nhà tạm ở dưới đất, 5:1
12. Thánh Linh làm bảo chứng cho chúng ta, 5:5
13. tạo vật mới, 5:17
14. hòa giải, 5:18
15. “vũ khí chúng tôi dùng để chiến đấu không phải là những vũ khí xác thịt”, 10:4
16. thiên sứ sáng láng, 11:14
17. tầng trời thứ ba, 12:2
18. Pa-ra-đi, 12:4
19. hôn thánh, 13:12

#### IX. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. “thần của đi này”, 4:4
2. Bê-li-an, 6:15
3. Tít, 7:6

#### X. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ TRÊN ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. A-chai, 1:1
2. A-si-a, 1:8
3. Ma-xê-đoan, 1:16
4. Cô-rinh-tô, 1:23
5. Trô-ách, 2:12
6. Đa-mách, 11:32

#### XI. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Ý nghĩa thần học của 1:20 là gì?
2. Giải thích 3:6 trong ngôn từ của bạn
3. Thuật ngữ “che khuất” được sử dụng theo hai nghĩa trong chương 3 như thế nào? (4:3)
4. Liệt kê sự chịu khổ của Phao-lô trong 4:7-11; 6:4-10; 11:23-28
5. Các tín hữu sẽ xuất hiện trước ngôi phán xét của Đấng Christ phải không? Nếu phải, để làm gì?
6. Giải thích trong ngôn từ của bạn nguyên tắc thuộc linh của 5:14-15.
7. Giáo lý trong 5:21 là gì?
8. Liệt kê các nguyên tắc bạn cho được tìm thấy trong chương 8-9.
9. Kẻ thù của Phao-lô miêu tả ông trong 10:10 như thế nào?
10. Trong 11:4 Phao-lô nói đến ai?
11. Liệt kê những cách Phao-lô so sánh ông với người khác trong 11:21-30.
12. Cái gai trong thịt của Phao-lô là gì? (12:7)

# GIỚI THIỆU GA-LA-TI

## I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Sách Galati là một trong những sách diễn đạt rõ ràng nhất về lẽ thật toàn hảo mới và tự do của sự cứu rỗi bởi ân điển mà thôi, qua đức tin mà thôi. Nó thường được gọi là “Đại Hiến Chương của Sự Tự do Cơ Đốc”
- B. Thư tín này đã nhen lửa các đám cháy Cải Chách Tin lành.
1. Martin Luther đã nói, “sách nhỏ Galati này là thư của tôi; Tôi đã hứa hôn với nó; nó là vợ tôi.”
  2. John Wesley tìm thấy sự bình an đời đời từ một bài giảng trong Galati.
  3. Trong *Hướng dẫn Nghiên Cứu Chú Giải Kinh - Study Guide Commentary*, tr.11, Curtis Vaughan viết, “có vài sách ảnh hưởng sâu sắc đến tâm trí của con người hơn, đã định hình quá trình lịch sử loài người, hoặc tiếp tục truyền thông cách rõ ràng về nhu cầu sâu thẳm nhất của cuộc sống hiện đại.”
- C. Thư tín đậm chất giáo lý này, có thể là thư tín đầu tiên của Phao-lô, tiền thân là người La Mã nên thư tín khai triển giáo lý xung công chính bởi đức tin mà thôi, không bởi việc giữ Luật Pháp, là sự nhấn mạnh của Do Thái Giáo:
1. Sự cứu rỗi không thể được tìm thấy trong cả Luật pháp và ân điển.
  2. Sự cứu rỗi phải được tìm thấy trong Luật hoặc ân điển.
  3. Trở nên giống Đấng Christ hơn là kết quả của sự cải đạo thật.
  4. Tinh thức trước chủ nghĩa luật pháp của Cơ Đốc Giáo.
- D. Sự cứu rỗi hoàn toàn miễn phí này, chỉ bởi ân điển mà thôi, chỉ qua đức tin mà thôi, là rất cần thiết trong thời đại của chúng ta bởi vì sự hiểu biết về tôn giáo thường tái diễn cách tinh tế theo xu hướng-bản ngã, theo hoạt động-tôn giáo của con người. Lẽ thật đơn giản về việc Đức Chúa Trời khởi xướng tình yêu ban cho-chính Ngài, cách vô điều kiện được suy ngẫm cách tường tận qua sự ăn năn của con người và đức tin khiêm nhường luôn luôn bị thử thách trong mọi thời đại! Không phải là các giáo sư giả từ chối vị trí trung tâm của Đấng Christ trong chương trình cứu chuộc, nhưng họ đã thêm vào phúc âm. Những gì chúng ta thêm không là vấn đề, nhưng vấn đề là chúng ta thêm bất cứ điều gì!

## II. TÁC GIẢ

Quyền tác giả của Phao-lô về bức thư này chưa bao giờ bị nghi ngờ nghiêm trọng, vì nó tạo thành một trụ cột quan trọng về Văn Phong của Thư Tín Phao-lô. Galati rất riêng và cá nhân. Nó đầy cảm xúc nhưng khá lôgic.

## III. THỜI GIAN VIẾT SÁCH VÀ NGƯỜI NHẬN

- A. Hai khía cạnh thời gian viết sách và người nhận của sách này phải được xử lý cùng nhau vì hai lý thuyết đối lập này ảnh hưởng nhau, khi xác định được người nhận ảnh hưởng đến thời gian viết thư. Cả hai lý thuyết đều nặng về mặt lôgic và giới hạn bằng chứng Kinh Thánh.
- B. Hai lý thuyết là:
1. Lý thuyết truyền thống nhất trí cho đến thế kỷ thứ mười tám.
    - a. Nó được gọi là “Lý Thuyết Bắc Galati”.
    - b. Nó giả định rằng “Galati” là đề cập đến nhóm dân tộc Galati cao nguyên trung tâm phía bắc của Thổ Nhĩ Kỳ (I Phi-e-rơ 1:1). Những người Galati dân tộc này là người Celts (Hy Lạp *Keltoi* hoặc Latin *Gall*) người đã xâm chiếm khu vực này vào thế kỷ thứ ba TCN. Họ được gọi là “Gallo-Graecians” để phân biệt họ với anh em ở phía tây Châu Âu của họ. Họ đã bị đánh bại vào năm 230 TCN bởi Attalus I, Vua của Bệ-găm. Địa lý của họ bị giới

- hạn chỉ ở phía bắc trung tâm của Tiểu Á hoặc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay.
- c. Nếu giả định là nhóm dân tộc này, thì thời gian viết sách sẽ là giữa những năm 50 trong hành trình truyền giáo thứ hai hay thứ ba của Phao-lô. Người đồng hành cùng Phao-lô sẽ là Sila và Ti-mô-thê.
  - d. Một số người đã liên kết bệnh sốt rét của Phao-lô trong Gal.4:13. Họ khẳng định rằng Phao-lô đã đi lên phía bắc vào vùng cao để tránh xa vùng đầm lầy, sốt rét-hoàn hành, vùng đất thấp ven biển.
2. Lý thuyết thứ hai được chinh phục bởi ông Wm. M. Ramsay, *Thánh Phao-lô Người Lữ Hành và Công dân La Mã - St. Paul the Traveller and Roman Citizen*, New York: Con trai của G. P. Putnam, 1896.
    - a. Theo lý thuyết truyền thống, định nghĩa về Galati là một nhóm dân tộc, lý thuyết này có nghĩa về mặt hành chính. Có vẻ như Phao-lô thường sử dụng tên tỉnh của La Mã (I Cô-rinh-tô 16:19; II Cô-rinh-tô 1:1; 8:1, v.v.) Tỉnh La Mã Galati bao gồm cả một khu vực rộng lớn hơn là một nhóm dân tộc Galati. Những người dân tộc Celts này đã hỗ trợ Rô-ma từ rất sớm và được thưởng nhiều khu vực địa phương được tự trị và mở rộng thẩm quyền lãnh thổ. Nếu cả khu vực rộng lớn này được biết đến là Galati, thì có thể là hành trình truyền giáo đầu tiên của Phao-lô đến các thành phố phía nam này An-ti-ôt xứ Pi-si-di, Lít-tơ, Đet-bơ và I-cô-ni, được ghi lại trong Công vụ 13-14, là địa điểm của những hội thánh này.
    - b. Nếu theo giả định “Lý Thuyết Miền Nam” này, thì thời gian viết sách sẽ rất sớm, nhưng trước Hội đồng Công Luận Giê-ru-sa-lem, Công vụ 15, đề cập đến vấn đề khá tương tự với thư tín Galati. Hội đồng diễn ra vào khoảng 48-49 SCN và thư có lẽ đã được viết trong cùng thời kỳ. Nếu điều này đúng, Galati là bức thư đầu tiên của Phao-lô trong Tân Ước.
    - c. Một số bằng chứng cho lý thuyết miền nam Galati:
      - (1) Không đề cập đến tên của những người bạn đồng hành cùng Phao-lô nhưng Ba-na-ba được đề cập ba lần (2:1,9,13). Điều này phù hợp với hành trình truyền giáo đầu tiên của Phao-lô.
      - (2) Cho rằng Tít không chịu phép cắt bì (2:1-5). Điều này phù hợp thời điểm trước Hội Đồng Công Luận Giê-ru-sa-lem Công vụ 15 nhất.
      - (3) Việc đề cập đến Phi-e-rơ (2:11-14) và vấn đề về sự thông công với người Ngoại điều này phù hợp thời điểm trước Hội Đồng Giê-ru-sa-lem nhất.
      - (4) Tên của những người bạn đồng hành cùng Phao-lô được liệt kê trong việc chuyển tiền đến Giê-ru-sa-lem (Công vụ 20:4) dấu họ ở tại các khu vực khác nhau. Tuy nhiên, không một ai đến từ các thành phố phía bắc Galati, mặc dù chúng ta biết các hội thánh của dân tộc Galati có dự phân dâng hiến (I Cô-rinh-tô 16:1).
  3. Để trình bày chi tiết về các lập luận khác nhau liên quan đến các lý thuyết này, hãy tham khảo kỹ thuật chú giải kinh. Mỗi giả thuyết đều có giá trị hợp lệ tại mỗi thời điểm nhưng đôi khi trong thời gian khác thì không có sự đồng thuận, nhưng “Lý thuyết miền Nam” có vẻ phù hợp với tất cả các sự kiện tốt nhất.
- C. Mối quan hệ của Galati với Công vụ:
1. Phao-lô đã thực hiện năm chuyến viếng thăm Giê-ru-sa-lem, được Lu-ca ghi lại trong sách Công vụ:
    - a. 9:26-30, sau khi cải đạo
    - b. 11:30; 12:25, đem quà sự cứu trợ nạn đói từ các hội thánh người Ngoại
    - c. 15:1-30, Hội đồng Công Luận Giê-ru-sa-lem
    - d. 18:22, chuyến thăm ngắn
    - e. 21:15, một lời giải thích khác về công việc của người Ngoại
  2. Có hai chuyến thăm Giê-ru-sa-lem được ghi lại trong Galati:
    - a. 1:18, sau ba năm
    - b. 2:1, sau mười bốn năm
  3. Đường như có khả năng nhất là Công vụ 9:26 liên quan đến Gal.1:18. Công vụ 11:30 & 15:1. là

- bối cảnh các cuộc họp không được ghi lại nhưng được đề cập trong Gal. 2:1.
4. Có một số khác biệt giữa hai tường thuật trong Công vụ 15 và Gal. 2 điều này có lẽ là do:
    - a. quan điểm khác nhau
    - b. mục đích khác nhau của Luca và Phao-lô
    - c. thực tế là Gal.2 có thể đã xảy ra trước khi cuộc họp hội đồng được miêu tả trong Công vụ 15 nên chúng vẫn có sự liên kết với nhau
- D. Có khả năng trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris:

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ôt	14:28; 15:2
2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		
Phi-lê-môn	đầu những năm 60		
Phi-líp	cuối 62-63		28:30-31
11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư			
1 Ti-mô-thê	63 (hay trẻ hơn)	Ma-xê-đoan	
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)	
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma	

#### IV. MỤC ĐÍCH CỦA THƯ TÍN

- A. Phao-lô chỉ ra ba lĩnh vực riêng biệt liên quan đến sứ điệp của các giáo sư giả. Những kẻ dị giáo này được gắn mác là “người Giu-đa” bởi họ tin người ta phải trở thành người Do Thái trước khi họ có thể trở thành Cơ Đốc Nhân (6:12). Mỗi bận tâm của Phao-lô xoay quanh các cáo buộc của người Giu-đa:
  1. Phao-lô không thực sự là một Sứ đồ trong Mười Hai Sứ Đồ (Công vụ 1:21-22); do đó, ông phải ở dưới thẩm quyền của họ hoặc ít nhất là thẩm quyền của Giáo Hội Trưởng ở Giê-ru-sa-lem.
  2. Sứ điệp của Phao-lô khác với họ, và do đó, sai. Điều này dường như liên quan trực tiếp đến khái niệm “xung công chính bởi đức tin không bởi Luật Pháp”. Các sứ đồ ở Giê-ru-sa-lem vẫn còn rất Do Thái trong đời sống cá nhân của họ.
  3. Cách nào đó, yếu tố của chủ nghĩa tự do đã được kết nối với các hội thánh này (5:18-6:8). Chính xác điều này được giải thích như thế nào lại gây tranh cãi. Một số người còn nhìn thấy hai nhóm người mục tiêu trong thư tín này của Phao-lô: người Giu-đa và người theo trí huệ giáo (4:8-11). Tuy nhiên, những câu này có vẻ liên hệ đến những thực hành ngoại giáo cách phù hợp nhất. Người Do Thái quan tâm đến lối sống của người Ngoại. Phao-lô đã làm thế nào để ân điển được tự do hoàn toàn trong khi việc thờ lại thần tượng của người Ngoại là quá độ?
- B. Về mặt giáo lý, thư tín này rất giống với thư Phao-lô gửi cho người La Mã, thư tín Rô-ma. Hai sách này chứa những giáo lý chính của Phao-lô, chúng được lặp đi lặp lại và phát triển trong bối cảnh khác nhau.

#### V. BỔ CỤC NGẮN GỌN

- A. Mở đầu, 1:1-10
  1. lời giới thiệu chung về thư
  2. nguyên nhân viết thư

- B. Phao-lô bảo vệ chức Sứ Đồ của ông, 1:11-2:14
- C. Phao-lô bảo vệ những lẽ thật giáo lý trong phúc âm của ông, 2:15-4:20
- D. Phao-lô bảo vệ áp dụng thực tiễn trong phúc âm của ông, 5:1-6:10
- E. Tóm tắt cá nhân và kết thúc, 6:11-18

## VI. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. “đời gian ác này”, 1:4
2. “một tin lành khác”, 1:6
3. Do Thái Giáo, 1:13
4. quá hăng say với các truyền thống, 1:14
5. “chẳng hề như vậy”, 2:17
6. “những người Ga-la-ti đại dốt”, 3:1,3
7. bùa êm, 3:1
8. “nếu thế thì quả là vô ích”, 3:4; 4:11
9. “ở dưới sự rửa sã”, 3:10
10. “dòng dõi ông”, 3:16
11. “được ban bố bởi các thiên sứ và qua một người trung gian”, 3:19
12. “chúng ta bị nhốt và canh giữ dưới luật pháp”, 3:23
13. “những điều sơ học”, 4:3,9
14. A-ba, 4:6
15. “thê xác đau yếu”, 4:13
16. “..người nữ nô lệ sinh ... người nữ tự do”, 4:23
17. ngụ ý, 4:24
18. “bước đi theo Thánh Linh”, 5:16
19. “trái của Thánh Linh”, 5:22
20. “những dòng chữ thật lớn”, 6:11
21. “những dấu-vết của Đức Chúa Giê-su”, 6:17

## VII. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. “thiên sứ từ trời”, 1:8
2. Sê-pha, 1:18
3. Ba-na-ba, 2:1
4. Tít, 2:2
5. “những nhân vật được coi là tôn trọng”, 2:2,6
6. “mấy người già làm anh em”, 2:4
7. “những người được tôn là cột trụ”, 2:9
8. “nhóm những người được cắt bì”, 2:12
9. “những người giám hộ và quản gia”, 4:2
10. A-ga, 4:25

## VIII. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ TRÊN ĐỀ ĐỊNH VỊ

1. những hội thánh tại Galati, 1:2
2. Á-rập, 1:17
3. Đa-mách, 1:17
4. Sy-ri, 1:21
5. Si-li-si, 1:21

6. An-ti-ôt, 2:11

## IX. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Giải thích 1:11-12 trong ngôn từ của bạn.
2. Phao-lô bắt bớ Hội thánh của Đức Chúa Trời khi nào? (1:13)
3. Tại sao một số người muốn Tít chịu phép cắt bì? (7:3)
4. Giải thích 2: 6 trong ngôn từ của bạn.
5. Ga-la-ti 2:16 có thể là chủ đề của toàn bộ cuốn sách. Tại sao?
6. Giải thích 2:20 trong ngôn từ của bạn.
7. Bạn sẽ trả lời câu hỏi Phao-lô trong 3:3 như thế nào?
8. Giải thích tầm quan trọng câu trích dẫn của Phao-lô trong Sáng.15:6,8 tại Gal.3:6-8.
9. Chúa Giê-su chịu rửa sả như thế nào? (3:13)
10. Mục đích của Cựu ước trong ánh sáng của 3:19 là gì?
11. Tại sao 3:22 là câu tuyên bố tóm tắt tốt?
12. Tại sao 3:28 là lẽ thật quan trọng?
13. Bệnh trong cơ thể của Phao-lô được đề cập trong 4:13 là gì?
14. Mục tiêu của Cơ Đốc Giáo là gì? (4:19)
15. ĐIỀM thân học của Phao-lô trong 5:3 là gì?
16. Giải thích câu tục ngữ trong 5:9.
17. 5:4 “đánh mất ân điển” có nghĩa là gì?
18. 5:13 liên quan đến Rô-ma 14:1-15:13 như thế nào?
19. Giải thích 5:23 trong ngôn từ của bạn.
20. Các tín hữu liên quan đến các tín hữu tội lỗi như thế nào? (6:1-5)
21. Nguyên tắc thuộc linh được nêu trong 6:7 là gì?
22. 6:10 liên quan đến những người bên ngoài cộng đồng tín hữu như thế nào?



# GIỚI THIỆU Ê-PHÊ-SÔ

## I. LỜI MỞ ĐẦU

- A. Những lẽ thật trong sách này đã ảnh hưởng đến cuộc đời thánh đồ
  - 1. Samuel Coleridge gọi nó là “thành phần thiêng liêng của con người”
  - 2. John Calvin gọi đó là sách yêu thích của ông trong Kinh Thánh
  - 3. John Knox yêu cầu các bài giảng của Calvin về Êphê-sô được đọc khi ông trên giường để qua đời.
- B. Sách này đã được gọi là “vương miện đầy ngọc quý”, đá quý hay thần học quý của Phao-lô. Tất cả các chủ đề tuyệt diệu của Phao-lô được thể hiện trong bảng tóm tắt tuyệt vời này.
- C. Đức Chúa Trời sử dụng Rô-ma để thúc đẩy cuộc Cải Chánh, thì Ngài sử dụng Ê-phê-sô để hiệp nhất những mảnh vụn của Cơ Đốc Giáo. Sự hiệp một và tương đồng trong Đấng Christ làm lu mờ sự khác biệt của họ với nhau.

## II. TÁC GIẢ

- A. Phao-lô
  - 1. Được nêu rõ trong 1:1, 3:1
  - 2. Tham khảo sự cầm tù của ông (có lẽ ở Rôma) trong 3:1; 4:1; 6:20
  - 3. Truyền thống giáo hội gần như nhất trí
    - a. Clement ở Rô-ma, vào năm 95 SCN, đã viết 1 bức thư cho Cô-rinh-tô trích dẫn 4:4-6
    - b. Ignatius (30-107 SCN) trích dẫn từ 1:9; 2:19; 3:4-9
    - c. Polycarp (65-155 SCN), môn đệ của Sứ Đồ Giảng, và giám mục tại Si-miệc-nơ khẳng định quyền tác giả của Phao-lô
    - d. Irenaeus (130-200 SCN) khẳng định quyền tác giả của Phao-lô
    - e. Clement ở Alexandria (150-210 SCN) khẳng định quyền tác giả của Phao-lô
  - 4. Nó được liệt kê trong
    - a. Danh sách của Marcion (người đã đến Rô-ma vào năm 140 SCN), về những sách được chấp nhận
    - b. Muratorian Fragment (180-200 SCN), nó được liệt kê trong danh sách các sách kinh điển từ Rô-ma và được quy là tác phẩm của Phao-lô
  - 5. Kết thúc của cả hai sách Cô-lô-se và Ê-phê-sô đều có 29 từ gần giống nhau trong tiếng Hy Lạp (trong thư tín Cô-lô-se có bổ sung thêm hai từ.).
- B. Tác giả khác
  - 1. Erasmus là người đầu tiên nghi ngờ quyền tác giả của Phao-lô, dựa trên
    - a. Phong cách - những câu dài rất không giống đặc điểm của các thư tín khác của Phao-lô
    - b. Không có lời chào thăm cá nhân
    - c. Từ vựng độc đáo
  - 2. Các học giả phê bình của thế kỷ 18 bắt đầu khước từ quyền tác giả của Phao-lô
    - a. Một số câu dường như là của tín hữu thế hệ thứ hai, 2:20; 3:5
    - b. Các từ thần học được sử dụng với các định nghĩa khác nhau (ví dụ: “huyền nhiệm”)
    - c. Thể loại độc đáo của thư theo chu kỳ được vận chuyển vòng tròn
- C. Các câu trả lời cho quan điểm của Erasmus
  - 1. Phong cách khác biệt vì khi viết thư tín Ê-phê-sô, Phao-lô ở trong tù nên ông có thời gian suy nghĩ.

2. Việc thiếu lời chào thăm cá nhân được giải thích rằng, thực tế Ê-phê-sô là thư tín theo chu kỳ và nó phải được chuyển đến nhiều hội thánh trong khu vực đó. Tuyến đường bưu chính La Mã bao gồm Ê-phê-sô và Thung lũng Sông Lycus có thể được tìm thấy trong Khải Huyền 2-3. Phao-lô có viết một thư tín song sinh là Cô-lô-se, gửi đến một nhóm cụ thể gồm ba hội thánh, trong đó có lời chào thăm cá nhân.
3. Số lượng về những từ độc đáo trong Ê-phê-sô hoàn toàn giống với số lượng từ độc nhất trong thư tín Rô-ma (*hapax legomena*). Mục đích, chủ đề quan trọng, người nhận và nguyên nhân giải thích cho việc sử dụng từ mới.
4. Phao-lô nói về “các sứ đồ và các tiên tri” ở I Côr. 12:28, tương tự như trong 2:20 và 3:5. Không một người nào phủ nhận quyền tác giả của I Cô-rinh-tô là Phao-lô.

### III. MỐI QUAN HỆ VĂN HỌC GIỮA CÔ-LÔ-SE VÀ Ê-PHÊ-SÔ

#### A. Mối quan hệ lịch sử giữa Cô-lô-se và Ê-phê-sô

1. Ê-pháp-ra (Côl. 1:7; 4:12; Phil 23) cải đạo trong chuyến truyền giáo cho người Ê-phê-sô của Phao-lô (Công vụ 19)
  - a. Ông dẫn những người mới tin trở về khu vực nhà của ông, Thung lũng Sông Lycus.
  - b. Ông thành lập ba hội thánh – Hi-ê-ra-pô-li, Lao-đi-xê và Cô-lô-se.
  - c. Ê-pháp-ra tìm đến Phao-lô xin lời khuyên cách chống lại những quan điểm dị giáo về thế giới này bị hòa tan vào trong hội thánh. Phao-lô đã ở tù tại Rô-ma (đầu thập niên 60).
2. Các giáo sư giả đã đến và bắt đầu kết hợp phúc âm với bản thể luận Hy Lạp
  - a. thuộc linh và thuộc thể là đồng vĩnh cửu
  - b. thuộc linh (Đức Chúa Trời) là tốt
  - c. vật chất (sáng tạo) là xấu xa
  - d. một loạt các linh (nhiều cấp bậc thần sứ) tồn tại giữa Đức Chúa Trời tối cao và vị thần thấp kém hơn đã hình thành thế giới vật chất này.
  - e. sự cứu rỗi dựa trên kiến thức về mật khẩu bí mật giúp mọi người tiến lên các linh (cấp bậc thiên sứ)

#### B. Mối quan hệ văn học giữa hai thư tín của Phao-lô

1. Phao-lô đã nghe từ Ê-pháp-ra trình bày về dị giáo đang xâm nhập trong những hội thánh mà ông chưa bao giờ đến thăm một cách cá nhân.
2. Phao-lô đã viết một bức thư đánh mạnh vào người đọc bằng những câu ngắn gọn, đầy cảm xúc, nhắm thẳng vào những giáo sư giả. Chủ đề trọng tâm Chúa Giê-su là chúa tể của vũ trụ. Thư này được gọi là thư tín của Phao-lô gửi cho người Cô-lô-se.
3. Rõ ràng, ngay sau khi viết Cô-lô-se, vẫn còn thời gian trong tù, ông đã khai triển những chủ đề tương tự này. Ê-phê-sô có đặc điểm là các câu dài và các khái niệm thần học đã phát triển (1:3-14, 15-23; 2:1-10, 14-18, 19-22; 3:1-12, 14-19; 4:11-16; 6:13-20). Ê-phê-sô cần Cô-lô-se như một điểm khởi đầu và rút ra ý nghĩa ứng dụng thần học của nó. Chủ đề trọng tâm là sự hiệp nhất muôn vật trong Đấng Christ, đây là một sự tương phản với khái niệm trí huệ giáo mới khai sinh.

#### C. Mối liên hệ về cấu trúc văn học và thần học

1. Sự giống nhau về cấu trúc cơ bản
  - a. chúng có những lời mở đầu rất giống nhau
  - b. chúng có những phần tập trung vào giáo lý chủ yếu là Đấng Christ
  - c. chúng có những phần áp dụng khuyên nhủ lối sống Cơ Đốc bằng cách sử dụng cùng các hạng mục, cùng thuật ngữ và cụm từ
  - d. chúng có câu kết thư giống hệt nhau 29 từ liên tiếp trong tiếng Hy Lạp, chỉ có hai từ khác nhau được thêm vào trong thư tín Cô-lô-se.
2. Những từ và cụm từ tương tự nhau:
 

Êph. 1:1c và Côl. 1:2a	“trung tín”
Êph. 1:4 và Côl. 1:22	“thánh sạch và không chỗ chê trách được”

Êph. 1:7 và Côi. 1:14	“sự cứu rỗi...sự tha tội”
Êph. 1:10 và Côi. 1:20	“tất cả những vật ... trên trời ... dưới đất”
Êph. 1:15 và Côi. 1:3-4	“nghe... tình yêu thương đối với tất cả các thánh đồ”
Êph. 1:18 và Côi. 1:27	“sự phong phú của vinh quang”
Êph. 2:1 và Côi. 1:13	“anh em đã chết”
Êph. 2:16 và Côi. 1:20	“thập tự giá ... hòa giải”
Êph. 3:2 và Côi. 1:25	“quản trị”
Êph. 3:3 và Côi. 1:26,27	“mâu nhiệm”
Êph. 4:3 và Côi. 3:14	“hiệp một”
Êph. 4:15 và Côi. 2:19	“đầu” và “tăng trưởng”
Êph. 4:24 và Côi. 3:10,12,14	“mặc lấy . . . ”
Êph. 4:31 và Côi. 3:8	“tức giận,” “phản nộ,” “la lối,” “lãng mạ”
Êph. 5:3 và Côi. 3:5	“gian dâm,” “bất khiết,” “tham lam”
Êph. 5:5 và Côi. 3:5	“thờ thần tượng” (tham lam)
Êph. 5:6 và Côi. 3:6	“con thịnh nộ của Đức Chúa Trời”
Êph. 5:16 và Côi. 4:5	“hãy tận dụng thời giờ”

3. Những cụm từ và câu hoàn toàn giống nhau:

Êph. 1:1a và Côi. 1:1a
Êph. 1:1b và Côi. 1:2a
Êph. 1:2a và Côi. 1:2b
Êph. 1:13 và Côi. 1:5
Êph. 2:1 và Côi. 2:13
Êph. 2:5b và Côi. 2:13c
Êph. 4:1b và Côi. 1:10a
Êph. 6:21-22 và Côi. 4:7-8 (29 từ liên tiếp giống nhau, ngoại trừ “ <i>kai syndoulos</i> ” trong Cô-lô-se)

4. Những cụm từ và câu tương tự nhau:

Êph. 1:21 và Côi. 1:16
Êph. 2:1 và Côi. 1:13
Êph. 2:16 và Côi. 1:20
Êph. 3:7a và Côi. 1:23d, 25a
Êph. 3:8 và Côi. 1:27
Êph. 4:2 và Côi. 3:12
Êph. 4:29 và Côi. 3:8; 4:6
Êph. 4:32b và Côi. 3:13b
Êph. 5:15 và Côi. 4:5
Êph. 5:19-20 và Côi. 3:16

5. Các khái niệm thần học đồng nghĩa:

Êph. 1:3 và Côi. 1:3	lời cầu nguyện cảm tạ
Êph. 2:1,12 và Côi. 1:21	vốn xa cách Đức Chúa Trời
Êph. 2:15 và Côi. 2:14	hủy bỏ Luật Pháp
Êph. 4:1 và Côi. 1:10	sống một đi sống xứng đáng
Êph. 4:15 và Côi. 2:19	tăng trưởng trong mọi phương diện hướng đến Đấng Christ, là đầu
Êph. 4:19 và Côi. 3:5	tình dục ô uế
Êph. 4:22,31 và Côi. 3:8	“lột bỏ” tội lỗi
Êph. 4:32 và Côi. 3:12-13	Cơ Đốc Nhân đối xử tốt lẫn nhau
Êph. 5:4 và Côi. 3:8	lời nói của Cơ Đốc Nhân
Êph. 5:18 và Côi. 3:16	đầy đầy Thánh Linh = lời của Đấng Christ
Êph. 5:20 và Côi. 3:17	cảm tạ Đức Chúa Trời trong mọi sự

Êph. 5:22 và Côi. 3:18	vợ thuận phục chồng
Êph. 5:25 và Côi. 3:19	chồng yêu thương vợ
Êph. 6:1 và Côi. 3:20	con cái vâng lời cha mẹ
Êph. 6:4 và Côi. 3:21	chạ mẹ không chọc tức con cái
Êph. 6:5 và Côi. 3:22	tôi tớ phục vụ chủ
Êph. 6:9 và Côi. 4:1	chủ và tớ
Êph. 6:18 và Côi. 4:2-4	yêu cầu cầu nguyện của Phao-lô

6. Các thuật ngữ được sử dụng trong cả Cô-lô-se và Ê-phê-sô mà không có trong các thư tín khác của Phao-lô

- a. “sự đầy trọn/ sự viên mãn”
  - Êph 1:23 “sự đầy đầy của Đấng làm viên mãn mọi sự trong mọi loài
  - Êph 3:19 “tràn đầy mọi sự sung mãn của Đức Chúa Trời.”
  - Êph 4:13 “đầy trọn của Đấng Christ”
  - Côi 1:19 “mọi sự viên mãn của mình ở trong Ngài”
  - Côi 2:9 “vì sự đầy trọn của thần tính hiện diện trong Ngài”
- b. Đấng Christ là “đầu” của hội thánh
  - Êph 4:15, 5:23 và Côi 1:18; 2:19
- c. “vốn xa cách”
  - Êph 2:12; 4:18 và Côi 1:21
- d. “tận dụng thì giờ” (NASB “cứu chuộc thời gian”)
  - Êph 5:16 và Côi 4:5
- e. “đâm rễ”
  - Êph 3:17 và Côi 2:7
- f. “lời của chân lý, phúc âm”
  - Êph 1:13 và Côi 1:5
- g. “mang lấy”
  - Êph 4:2 và Côi 3:13
- h. cụm từ và thuật ngữ bất thường (“gắn chặt với nhau”, “hỗ trợ”)
  - Êph 4:16 và Đại tá 2:19

D. Tóm Tắt

1. Hơn một phần ba số từ trong Cô-lô-se là ở trong Ê-phê-sô. Người ta ước tính rằng 75 câu trên 155 câu trong Ê-phê-sô tương đồng với Cô-lô-se. Cả hai đều tuyên bố quyền tác giả là của Phao-lô được viết khi ông ở trong tù
2. Cả hai đều được bạn của Phao-lô Ty-chi-cơ chuyển thư.
3. Cả hai đều được gửi đến cùng một khu vực (Tiểu Á).
4. Cả hai xử lý cùng một chủ đề về thần học Đấng Christ.
5. Cả hai đều nhấn mạnh Đấng Christ là đầu hội thánh.
6. Cả hai khuyến khích lối sống Cơ Đốc đúng đắn.

E. Những điểm khác biệt chính

1. Hội thánh luôn là người địa phương ở trong Cô-lô-se nhưng toàn bộ là ở trong Ê-phê-sô. Điều này có thể là lý do cho đặc tính chu kỳ của thư Ê-phê-sô.
2. Dị giáo, là đặc điểm nổi bật của Cô-lô-se, mặc dù không được đề cập trực tiếp trong Ê-phê-sô. Nhưng, cả hai thư tín đều sử dụng thuật ngữ đặc trưng của trí huệ giáo (“sự khôn ngoan”, “tri thức”, “sự viên mãn/ đầy trọn”, “thế lực đời này và quyền lực”, và “quản gia”)
3. Sự Tái Lâm được miêu tả ngay lập tức trong Cô-lô-se nhưng trong Ê-phê-sô thì nó sẽ đến cách trì hoãn. Hội thánh đã và được kêu gọi để phục vụ thế giới sa ngã này. (2:7; 3:21; 4:13).
4. Một số thuật ngữ đặc trưng riêng của thư tín Phao-lô được sử dụng trong nhiều cách khác nhau. Một ví dụ là thuật ngữ “sự màu nhiệm”. Trong Cô-lô-se sự màu nhiệm chính là Đấng Christ (Côi 1:26-27; 2:2; 4:3), nhưng trong Ê-phê-sô (1:9; 5:32) trước đây sự màu nhiệm đã bị Đức Trời

Trời giầu kính, nhưng giờ đây đã được mặc khải, kế hoạch cho sự hiệp nhất của người Ngoại và người Do Thái.

5. Ê-phê-sô có một số ám chỉ trong Cựu Ước (1:22 – Thi. 8; 2:17 – Ê-sai 57:19) (2:20 – Thi. 118:22) (4:8 – Thi. 68:18) (4:26 – Thi. 4:4) (5:15 – Ê-sai 26:19, 51:17, 52:1, 60:1) (5:3 – Sáng.3:24) (6:2-3 – Xuất.20:12) (6:14 – Ê-sai 11:5, 59:17) (6:15 – Ê-sai 52:7), nhưng trong Cô-lô-se chỉ có một hoặc hai (2:3 – Ê-sai 11:2) hoặc (2:22 – Ê-sai 29:13).

F. Mặc dù hai thư tín rất giống nhau về từ, cụm từ và bố cục cấu trúc, nhưng chúng cũng chứa các lẽ thật độc đáo.

1. Ân điển phước hạnh của Ba Ngôi Đức Chúa Trời - Êph. 1:3-14
2. Phân đoạn ân điển - Êph. 2: 1-10
3. Sự hợp nhất của người Do thái và người Ngoại thành một thân thể mới - Êph. 2:11-3:13
4. Sự hiệp nhất và ân tứ của thân thể Đấng Christ - Êph. 4:1-16
5. “Đấng Christ và hội thánh” là hình mẫu cho “chồng và vợ” trong Êph. 5:22-33
6. Phân đoạn chiến trận thuộc linh - Êph. 6:10-18
7. Phân đoạn Đấng Christ Học - Côi 1:13-18
8. Nghi thức và quy tắc tôn giáo của con người - Côi 2:16-23
9. Chủ đề về tính toàn cầu quan trọng của Đấng Christ trong Cô-lô-se so với chủ đề về sự hiệp nhất muôn vật trong Đấng Christ của Ê-phê-sô

G. Kết luận, tốt nhất là theo dõi A. T. Robertson và F. F. Bruce trong việc khẳng định rằng Phao-lô đã viết cả hai thư tín này rất giống nhau bằng cách phát triển những ý tưởng của Cô-lô-se thành hòn đá góc để trình bày lẽ thật.

#### IV. THỜI GIAN VIẾT SÁCH

- A. Thời gian viết thư tín được gắn kết với một trong những lần bị tù của Phao-lô, ở Ê-phê-sô, Phi-líp, Sê-sa-rê, hoặc Rô-ma. Lần tù tại Rô-ma là phù hợp nhất với những sự kiện trong Công vụ.
- B. Một khi Rô-ma được coi là nơi viết sách khi ông bị giam cầm, thì câu hỏi được đặt ra là, khi nào? Phao-lô đã bị tù vào đầu những năm 60, được ghi lại trong Công vụ, nhưng ông đã được thả ra và viết những lá thư Mục vụ (I & II Ti-mô-thê và Tít) và sau đó ông bị bắt lại và bị giết trước ngày 9 tháng 6 năm 68 SCN, tức là ngày Nê-rô tự sát.
- C. Dự đoán có tính chất nghiên cứu nhất cho thời gian viết thư Ê-phê-sô là lần đầu tiên Phao-lô bị tù ở Rô-ma vào đầu những năm 60.
- D. Ty-chi-cơ, cùng với Ô-nê-sim, có lẽ đã nhận vận chuyển những thư tín cho người Cô-lô-se, Ê-phê-sô và Phi-lê-môn đến khu vực Tiểu Á.

E. Khả năng trình tự thời gian các thư tín của Phao-lô có thể tương thích với F. F. Bruce và Murry Harris:

<u>Sách</u>	<u>Thời gian viết</u>	<u>Nơi viết</u>	<u>Liên quan đến Công Vụ</u>
1. Ga-la-ti	48	Sy-ri An-ti-ốt	14:28; 15:2
2. 1 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	18:5
3. 2 Tê-sa-lô-ni-ca	50	Cô-rinh-tô	
4. 1 Cô-rinh-tô	55	Ê-phê-sô	19:20
5. 2 Cô-rinh-tô	56	Ma-xê-đoan	20:2
6. Rô-ma	57	Cô-rinh-tô	20:3
7.-10. Các thư tín trong tù			
Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
Ê-phê-sô	đầu những năm 60		
Phi-lê-môn	đầu những năm 60		

Phi-líp	cuối 62-63	28:30-31
11.-13. Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư		
1 Ti-mô-thê	63 (hay trẻ hơn	Ma-xê-đoan
Tít	63 nhưng trước	Ê-phê-sô (?)
2 Ti-mô-thê	64 hay 68 SCN)	Rô-ma

## V. NGƯỜI NHẬN

- A. Nhiều bản thảo (Chester Beatty Paccori, P<sup>46</sup>; Sinaiticus,  $\aleph$ ; Vaticanus, B; Origen bản văn tiếng Hy Lạp, và bản văn tiếng Hy Lạp của Tertullain) loại bỏ cụm từ “tại Ê-phê-sô” ở 1:1. Bản dịch RSV và Williams cũng loại bỏ qua cụm từ này.
- B. Ngữ pháp Hy Lạp của câu 1 có thể chứa một tên địa danh. Có khả năng, vì là một thư tín được vận chuyển vòng tròn, nên tên địa điểm của hội thánh được bỏ trống để có thể được tự điền vào khi đọc to cho các hội thánh. Điều này có thể giải thích cho Cô-lô-se 4:15-16, “thư của hội thánh Lao-đi-xê”, có thể là thư tín Ê-phê-sô (Marcion gọi là Ê-phê-sô là “thư gửi cho người Lao-đi-xê”).
- C. Ê-phê-sô được viết chủ yếu cho dân Ngoại, 2:1; 4:17, là người mà Phao-lô không đích thân gặp, 1:15; 3:2. Các hội thánh ở Thung lũng Sông Lycus (Lao-đi-xê, Hi-ê-ra-pô-li và Cô-lô-se) được thành lập không phải bởi Phao-lô mà bởi Ê-pháp-ra (Côl. 1 7; 4:12; Philêmôn 23).

## VI. MỤC ĐÍCH

- A. Chủ đề của sách được tìm thấy trong 1:10 và 4:1-10, nhấn mạnh đến sự hiệp nhất muôn vật trong Đấng Christ. Đấng Christ phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời trong nhân loại và trong thế giới (*kosmos*).
- B. Ê-phê-sô là một trong bốn thư tín trong tù của Phao-lô. Bộ cục của Ê-phê-sô và Cô-lô-se rất giống nhau. Thư tín Cô-lô-se được viết để chống lại dị giáo trí huệ giáo đang liên tục diễn ra ở khu vực sông Lycus và Thung lũng Tiểu Á. Ê-phê-sô được viết như một thư tín vận chuyển vòng tròn gửi đến cùng một khu vực để chuẩn bị các hội thánh cho sự tấn công của dị giáo sắp tới. Cô-lô-se là một lá thư ngắn gọn, khó đọc vì đánh mạnh tay vào vấn đề trong khi Ê-phê-sô là một sự trình bày logic mở rộng cùng một sự thật bằng cách sử dụng các câu rất dài: (1:3-14,15-23; 2:1-9; 3: 1-7, v.v.).

## VII. BỘ CỤC NGẮN GỌN

- A. Sách tự nhiên chia thành hai phần (cũng như hầu hết các tác phẩm của Phao-lô)
1. Sự hiệp nhất trong Đấng Christ, chương 1-3 (thần học)
  2. Sự hiệp nhất trong Hội Thánh, chương 4-6 (áp dụng)
- B. Bộ cục gợi ý theo chủ đề
1. Cách mở đầu truyền thống của Phao-lô, 1: 1-2
  2. Kế hoạch của Đức Chúa Cha về sự hiệp nhất muôn vật trong Đấng Christ, 1:3-3:21
    - a. Phao-lô khen ngợi Đức Chúa Cha, 1:3-14
      - (1) vì tình yêu Đức Chúa Cha trước khi muôn vật được tạo nên
      - (2) vì tình yêu Đức Chúa Cha trong Đức Chúa Con vào đúng thời điểm
      - (3) vì tình yêu liên tục của Đức Chúa Cha qua Thánh Linh xuyên thời gian
    - b. Lời cầu nguyện của Phao-lô với Chúa Cha cho các hội thánh, 1:15-23
      - (1) cho sự mặc khải của Đức Chúa Cha trong Đấng Christ được thấu hiểu
      - (2) cho quyền năng của Đức Chúa Cha hoạt động mạnh mẽ trong tín hữu
      - (3) cho việc Đức Chúa Cha nâng cao Đấng Christ trên tất cả muôn vật
    - c. Sự hiểu biết của Phao-lô về kế hoạch của Chúa Cha cho toàn nhân loại, 2:1-3:13
      - (1) nhu cầu của loài người tội lỗi

- (2) sự cung ứng ân điển của Đức Chúa Cha
- (3) nhân loại cần đáp ứng theo giao ước
- (4) kế hoạch của Đức Chúa Cha hoàn toàn được khai tỏ
- d. Phao-lô cầu nguyện với Chúa Cha cho các tín hữu, 3:14-21
  - (1) để nhận được sức mạnh bên trong (bởi Đức Thánh Linh)
  - (2) để hiểu phúc âm cách trọn vẹn (không chỉ trong các mệnh đề về lẽ thật) trong kinh nghiệm cá nhân yêu và được yêu
  - (3) để được đẩy dẩy trong sự viên mãn của Đức Chúa Trời (đó là Đấng Christ)
  - (4) tất cả điều này đều đến từ Đức Chúa Trời, Đấng duy nhất có thể
- 3. Đức Chúa Cha khao khát sự hiệp nhất trong dân sự mới của Ngài, 4:1-6:20
  - a. Sự hiệp một của Đức Chúa Trời Ba Ngôi phản chiếu sự hiệp một của con cái Ngài, 4:1-16
    - (1) sự hiệp một không phải là sự đồng nhất, mà là lối sống yêu thương
    - (2) Đức Chúa Trời là sự hiệp một ba-ngôi
    - (3) các ân tứ thuộc linh là vì lợi ích của thân thể, chứ không phải danh dự cá nhân
    - (4) sự hiệp một sản sinh ra chức vụ
    - (5) sự hiệp một ở dưới sự tấn công của các linh
    - (6) sự hiệp một là ở trong Đấng Christ
  - b. Sự hiệp một của Cơ Đốc Giáo tương phản với tôi là trọng tâm của dân ngoại, 4:17-5:14
    - (1) loại bỏ những việc làm của lối sống cũ
    - (2) ngày càng trở nên giống Đấng Christ hơn
  - c. Các phương tiện để đạt được và duy trì sự hiệp một, 5:15-6:9
    - (1) luôn được đẩy dẩy Đức Thánh Linh
    - (2) cuộc sống đầy dẫy Đức Thánh Linh được miêu tả
      - (a) năm nguyên tắc, câu. 19-21
      - (b) ba tấm gương bên trong hội thánh
        - (i) chồng - vợ
        - (ii) cha mẹ - con cái
        - (iii) chủ nô - nô lệ
  - d. Cuộc chiến cho sự hiệp một trở nên giống Đấng Christ, 6:10-20
    - (1) trận chiến thuộc linh
    - (2) áo giáp của Đức Chúa Trời
    - (3) năng quyền của sự cầu nguyện
- 4. Nhận xét kết thúc, 6: 21-24

### VIII. BỐI CẢNH TRIẾT HỌC VÀ THẦN HỌC CỦA GIÁO SƯ GIẢ (TRÍ HUỆ GIÁO)

- A. Tín ngưỡng Trí Huệ Giáo trong thế kỷ thứ nhất và thứ hai:
  - 1. Thuyết nhị nguyên (đời đời) giữa thần linh (Đức Chúa Trời) và thuộc thể (thể giới vật chất).
  - 2. Thần linh là tốt, trong khi vật chất là xấu xa.
  - 3. Một loạt các linh (nhiều cấp bậc thần sứ) tồn tại giữa Đức Chúa Trời thánh khiết tối cao với vị thần thấp kém hơn đã hình thành thế giới vật chất này.
  - 4. Con đường đến với sự cứu rỗi
    - a. dựa trên kiến thức về mật khẩu bí mật giúp mọi người tiến lên các linh (cấp bậc thiên sứ)
    - b. có một tia sáng thần linh trong tất cả mọi người mặc dù không phải tất cả sẽ hiểu hoặc nhận được kiến thức cứu rỗi này
    - c. kiến thức chỉ đến với một nhóm người ưu tú qua sự mặc khải đặc biệt.
  - 5. Đạo đức
    - a. hoàn toàn không liên quan đến đời sống thuộc linh (chủ nghĩa phóng đảng tự do, và tu ép thân thể)
    - b. chỉ có sự cứu rỗi là quan trọng (người theo luật pháp).

- B. Những mâu thuẫn với lịch sử và nguyên tắc kinh thánh của Cơ Đốc Giáo
1. tách rời nhân tánh và Thần tánh của Đấng Christ (người Trí Huệ Giáo nói rằng Ngài không thể hoàn toàn là Đức Chúa Trời và hoàn toàn là con người)
  2. loại bỏ cái chết thay thế của Ngài như là cách cứu rỗi duy nhất
  3. thay thế kiến thức của con người cho ân điển thiêng thượng miễn phí.

#### IX. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC THUẬT NGỮ VÀ CỤM TỪ

1. thánh đồ, 1:1
2. Chúa, 1:2
3. các nơi trên trời, 1:3
4. “trước khi sáng thế”, 1:4
5. không chỗ trách được, 1:4
6. đã chọn (NASB “đã định”), 1:5
7. “sự cứu chuộc”, 1:7
8. sự mâu nhiệm, 1:9
9. “đến thời viên mãn”, 1:10
10. được đóng ấn, 1:13
11. bảo chứng, 1:14
12. vinh quang, 1:17
13. “ngồi bên phải Ngài”, 1:20
14. “sự đầy đầy của Đấng làm viên mãn mọi sự trong mọi loài.”, 1:23
15. “theo đuổi khi sống theo cách của thế gian”, 2:2
16. “tặng phẩm ca Đức Chúa Trời”, 2:8
17. “người đồng hương”, 2:19
18. “đá góc nhà”, 2:20
19. “dạn dĩ và tự tin mà đến gần”, 3:12
20. “xảo quyết của con người”, 4:14
21. “những mảnh khố lừa dối”, 4:14
22. “bước đi trong tình yêu thương”, 5:2
23. “sinh tể tòa ngát hương thơm”, 5:2
24. “vương quốc của Đấng Christ và của Đức Chúa Trời”, 5:5
25. “thuận phục nhau”, 5:21
26. “trang bị mọi khí giới của Đức Chúa Trời”, 6:11
27. “đeo thắt lưng”, 6:14
28. “cầm gươm của Thánh Linh”, 6:17

#### X. ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN CÁC NHÂN VẬT

1. Trí Huệ Giáo
2. “kẻ cầm quyền chôn không trung”, 2:2
3. Dân Ngoại
4. các sứ đồ, 4:11
5. tiên tri, 4:11
6. nhà truyền giáo, 4:11
7. đầu, 4:15
8. ma quỷ, 4:27
9. “dòng dõi không vâng phục”, 5:6
10. “con cái của Sự Sáng Láng”, 5:8
11. “các thế lực của các thần dữ”, 6:12
12. Ty-chi-cơ, 6:21



## XI. ĐỊA ĐIỂM BẢN ĐỒ TRÊN ĐỀ ĐỊNH VỊ

## XII. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Chủ đề cơ bản của 1:3-14 là gì?
2. Tại sao cụm từ “ca ngợi vinh quang của Ngài” được sử dụng ba lần trong 1:3-14?
3. Tại sao Phao-lô nói rất nhiều về “sự khôn ngoan và thông hiểu” và “tri thức” trong sách này?
4. 1:19 đề cập đến ai?
5. Giải thích khái niệm Do Thái về hai thời đại. (1:21)
6. Tóm tắt chủ đề trong 2:1-3.
7. Tóm tắt chủ đề trong 2:4-6.
8. Giải thích sự hàm chỉ lịch sử trong 2:14.
9. Phao-lô đang nói về mặc khải gì trong 3:3?
10. Tại sao Phao-lô tự gọi ông “người hèn mọn nhất trong tất cả các thánh đồ”? (3:8)
11. Tại sao từ “một” được sử dụng thường xuyên trong 4:4-6?
12. Quà tặng của Đấng Christ trong 4:7 là gì?
13. 4:8 Phao-lô đã trích dẫn ở đâu trong Cựu Ước? Tại sao Phao-lô lại trích dẫn khác với Cựu Ước?
14. Tại sao 4:12 rất quan trọng?
15. 5:5 có giới hạn những người có thể được cứu không?
16. Việc say rượu liên quan đến việc đầy dẫy Thánh Linh như thế nào? (5:18)
17. Tại sao tình yêu và sự hy sinh của Đấng Christ cho hội thánh liên quan gia đình Cơ Đốc? (5:25-33)
18. “Vâng lời” và “hiếu kính” liên quan với nhau như thế nào?
19. Tại sao 6:18 rất cần thiết ngày hôm nay?